

\* **Phương-pháp rọi hình** của MINH-THÀNH

(Do THANH-QUANG xuất-bản)

Một quyển sách thuộc về loại chuyên-nghiệp. Giảng dạy về cách chụp ảnh, tráng phim, in ảnh, phóng ảnh vân ... vân ... Giảng dạy dễ hiểu. Kỹ-thuật rõ ràng. Dầy 100 trang — Giá 34 đồng.

\* **Trồng cây ăn quả** của Nguyễn-khoa-Chi (Kỹ-sư Canh-Nông) và Phan-Phuong (chuyên viên canh-nông).

(Do THANH-QUANG xuất-bản)

Loại sách nghiêng cứu về Canh-Nông. Giảng-giải rất kỹ-càng về cách trồng-trọt và săn-sóc các loại cây ăn quả. Rất cần thiết cho những người làm vườn, muốn có kết-quả tốt — Biên-soạn rất công-phu — Dầy 87 trang — Giá 30 đồng.

\* **Tuần-báo Liên-Á.** Chủ-nhiệm: Nhật-Tân. Chủ bút: Nguyễn-văn-Khan

Tuần báo chính-trị phát-hành ngày 3-1-59. Với các tài-liệu chưa hề ai biết về chiến-trường Điện-Biên-Phủ — Những chuyện tâm-tình rất hấp-dẫn. Thành-thực chúc quý Báo được mạnh tiến trên con đường phụng-sự Tổ-Quốc.

\* **Luyện Pháp-văn trung-học** của Đoàn-Rạch và một nhóm Giáo-sư tư-thực hợp soạn.

(Do Nhà xuất-bản VĂN-LÂM ấn-hành)

Một loại sách gồm các phần Ngữ-Vựng — Bài-luận — Văn-phạm — Bài tập v.v... Mục-dịch hướng dẫn cho các học-sinh còn kém về Môn Pháp-Văn được mau tiến — Sách dầy 15 trang — Giá 5 đồng.

\* **Kẻ noi thù** của R.J. de Jacgher

(Văn-Tự dịch, Nhà xuất-bản HIỆN-TẠI)

Tựa bằng Việt-ngữ của ông Trần-văn-Lâm, nguyên chủ-tịch Quốc-hội dịch và bằng Pháp-ngữ của ông Paul-Claudiel, Hàn-Lâm-Viện Pháp. Sách nói về làn sóng Cộng-Sản tràn-lan lên đất Tàu, từ 1937 đến nay, đời sống của nhân-dân Trung-Quốc dưới chế-độ Cộng-Sản, những cuộc khủng-bổ, tra-tấn, phương-pháp cải huấn, các trại tập-trung v.v... Một thiên phóng-sự khá đầy đủ, vô cùng bi-thảm. Dầy 302 trang.



# PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: **NGUYỄN-VỸ**

Tòa soạn: 227, Đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — Đ.T. Saigon 558

**BỘ MỜI SỐ 7 \* 15-3-1959**

	Số trang
1.— Một lời nói của ông Phạm-duy-Khiêm . . . . .	Nguyễn-Vỹ 5 — 7
2.— Thời gian và cuốn lịch . . . . .	Nguyễn-văn-Khương 8 — 15
3.— Hàn-mặc-Tử . . . . .	Đình-xuân-Hòa 16 — 26
4.— Người đầu bếp . . . . .	Nguyễn Thu Minh 27 — 29
5.— Thơ ngoại quốc (Tô-cách-Lan) . . . . .	Hoàng-Long 30 — 31
6.— Non nước miền Nam . . . . .	Thái-văn-Kiểm 32 — 36
7.— Shelley . . . . .	Tạ-Ký và Cao-huy-Thuần 37 — 43
8.— Phép châm . . . . .	Hoàng-mộng-Lương 44 — 51
9.— Đáy, xứ Lào thơ mộng . . . . .	Hoàng-Thắng 52 — 55
10.— 7 khuôn mặt . . . . .	Cốc-Tử 56 — 58
11.— Thơ vui về toán số . . . . .	Hồng-Liên 59
12.— Ngày tết gặp ma Heo . . . . .	Xuân Giang 60 — 65
13.— Phụ nữ thê dục . . . . .	Cô Tuyết-Anh 66 — 70

14.— Thi sĩ hỡi!	Hữu-duy-Ngọc	71
15.— Ngày lịch sử 1 tháng giêng.	Nguyễn-Triệu	72 — 77
16.— Ông Năm Chuột.	Phan-Khôi	78 — 89
17.— Cái lương.	Nguyễn-Ang-Ca	90 — 93
18.— Kiên Trinh.	Cô Vân-Nga	94 — 98
19.— Thoát.	T. V. Xuân-Huy	99
20.— Những người đời trước.	Nguyễn-Thu-Minh	100—104
21.— Minh ơi! (người lấy khi?)	Cô Diệu-Huyền	105—110
22.— Ánh đèn.	Vi-Huyền-Đắc	111—115
23.— Giọt thiệu sách báo mới.		116—117
24.— Chuyện vui các em (Tình mẫu Tử)	Cô Bạch-Yến	118—119
25.— Buồn ơi, chào mi!	Cô Diệu-Huyền	120 —123
26.— 4000 năm ca dao.	Ba-Tèo	124—127
27.— Đáp bạn bốn phương.	P. T.	128—129

- ★ Sắp-xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu . . . . . **Cô Diệu-Huyền**
- ★ Tranh vẽ . . . . . **Họa-sĩ Kiên**
- ★ Bản kẽm . . . . . **Nguyễn-Diêu**
- ★ In Bìa offset . . . . . **Đông-Nam-Á**

• Các Báo Sách Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.  
 • Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.  
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

# MỘT LỜI NÓI

## CỦA ÔNG

# PHẠM-DUY-KHIÊM



Ôi không được biết ông Phạm-Duy-Khiêm nhiều, trừ ra một quyển sách bằng Pháp-văn của ông: « Légende des Terres Sereines » xuất bản ở Paris trước chiến-tranh. 1947 hay 48 gì đó, tôi có gặp ông ở Dalat, một buổi sáng nắng ấm, trên một con đường gần chợ. Vừa trông thấy tôi, ông bắt tay, bảo:

— Tôi làm mất một bản thảo của tôi trong rạp chớp bóng Eden, tôi hôm qua.

Tôi ngạc-nhiên hỏi:

— Bản-thảo gì?

— Một bản-thảo bằng Pháp-văn.

— Sao ông lại làm mất nó trong rạp chớp bóng?

— 8 giờ tối hôm qua, tôi đi xem chớp bóng, có đem theo một xấp giấy trắng để viết sách. Ngồi trong rạp tôi đã viết được vài chục trang. Rồi tôi bỏ quên trên ghế. Về nhà mới nhớ.

Ông nhờ tôi đăng trong báo Dân-chủ của tôi hồi đó mấy lời nhắn ai đã bắt được tập giấy thì mang đến giả ông.

Qua câu chuyện vật ấy, tôi đã nhận thấy ông Phạm-Duy-Khiêm,

Thạc-sĩ Văn-phạm Pháp, là một người mà đầu óc hình như không còn giữ mức thăng-bằng nữa.

Sau đó, trong một vài cơ-hội nói chuyện với ông, tôi lại mất cả cảm-tình mến-phục đối với một nhà trí-thức tài cao học rộng, người ấy, than ôi ! chỉ còn sót lại một chút Việt-Nam tính ở màu da vàng và cái mũi tẹt mà thôi.

Bởi vì ông Phạm-Duy-Khiêm đã thành ra một cá-nhân hoàn-toàn Pháp-hóa. Hồi 1939, Đức vừa tuyên-chiến với Pháp, thì thiên hạ đã nghe ông Phạm-Duy-Khiêm là người Việt-Nam đầu tiên và duy nhất, tuyên-bố tình nguyện tùng-chinh theo Pháp để đánh giặc. Nhưng thời-kỳ ấy đã qua rồi, nay còn ai nhắc-nhở đến làm chi hạng người tôi-tớ nhiệt-thành của « màu quốc » hồi đó nữa.

Người ta đã quên ông Phạm-Duy-Khiêm cũng như người ta đã quên muôn nghìn kẻ khác địa-vị hoặc danh-vọng có kém hơn ông, nhưng nhiệt-độ thân Pháp cũng không thua sút mấy.

Rồi đến khi được tin Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm cử ông Phạm-Duy-Khiêm sang làm Đại-sứ Việt-Nam ở Paris, tôi nghĩ cũng như bao người khác, rằng Cựu Ngô muốn gởi sang Pháp một kẻ thân Pháp số một, để tỏ thiện-chí nói lại tình bang-giao Việt Pháp vừa trải qua một giai đoạn khủng-hoảng. Dù vậy nhiều người vẫn ngại rằng một Đại-sứ như ông Phạm-Duy-Khiêm khó mà phụng-sự đầy đủ quyền lợi của bản-xứ của ông.

Sự lo ngại ấy vừa bị xác nhận rõ ràng do một lời tuyên bố của ông Phạm-Duy-Khiêm với một ký giả Pháp.

Trong bài phỏng vấn đăng trên một tờ báo ở Paris, ông cựu Đại-sứ Việt-Nam, vừa mới thôi chức cách đây vài ba tháng, đã phủ-nhận tất cả văn-học cổ cựu đang phát-triển của xứ ta.

Ông Phạm-Duy-Khiêm, mà thân-sinh là một bậc Văn-sĩ Bắc-Hà đã viết nhiều bài văn khả-ái bằng một thề-tài Việt ngữ tinh xảo, lại là bạn thân của nhà văn Trần-Trọng-Kim, ông Phạm-Duy-Khiêm có lẽ là một trong số trí thức Tây học chưa bao giờ đọc qua các Văn Thơ Việt-Nam đã góp phần gia tài Văn-hóa của Dân tộc ta từ mười thế-kỷ.

Mặc dầu gia-tài tinh-thần ấy, so với một số các nước Văn-Hiến Tàu, Ba-Tur, Ả-rập, Ai-cập, Hy Lạp, La-Mã, Anglo-Saxons, vẫn không được phong phú bằng, nhưng nó cũng thật là một kho tư-tưởng dồi-dào, mà thế-hệ ta ngày nay có quyền hãnh-diện.

Các nhà trí-thức Tây học đã được may-mắn hấp-thụ tinh-hoa Văn-học Âu-Tây, phải có nhiệm-vụ đem kiến-văn của mình và khả-năng bẩm-nhiên của mình, mà góp phần bồi-đắp cho Văn-Hóa nước nhà, chứ sao lại ruồng-bỏ nó và phủ-nhận nó ?

Các người ấy phải tự nhận lấy bốn phận đem các yếu-tố mới lạ, các phô-diễn tân-kỳ của Chân, Thiện, Mỹ ngoại-quốc vào xây-dựng cho đền đài Văn-Hóa Việt-Nam càng rộng lớn thêm, càng nguy-ngã rục-rở thêm. Chứ sao lại đứng bên kia trời Âu mà quay về miệt thị Văn-Hóa tốt đẹp cổ truyền của Đất-nước, tinh-hoa thiêng-liêng của Nòi-Gióng ?

Tôi không lo sợ cho ông Giáo-sư Thạc-sĩ Phạm-Duy-Khiêm, nếu quả thật ông đã mất thăng bằng trí-óc. Tôi chỉ tức giận ông cựu Đại-sứ của Chính-phủ Cộng-Hòa Việt-Nam ở Paris đã làm nhục cho Văn-Chương và Tư-tưởng Việt-Nam mà cả một thế-hệ trí-thức chúng tôi hiện nay đang lo bồi đắp, với tất cả lòng hăng hái, mặc dầu bị bao nhiêu trở ngại và thử-thách bần-tiện, chỉ mong sao cho nền Văn-Hóa của Nhân-Dân ta không thẹn với thế-giới văn minh tân-tiến ngày nay.



### \* EM THA THỨ CHO ANH, VÌ ANH ĐÃ TRỐT...

Tại một nước văn minh và dân chủ như nước Mỹ, mọi người dân đều được quyền chỉ trích chính phủ nếu có điều bất mãn. Ông Hoover là một vị Tổng Thống Mỹ đã bị dân chúng Mỹ chỉ trích nhiều nhất vì ông ít được lòng dân. Người ta đặt đề ra nhiều chuyện để riếu ông. Câu chuyện riếu sau đây thú vị nhất. Trong đêm tân hôn, Chàng và Nàng thì thăm tâm sự. Nàng nói :

— Anh yêu quý ơi ! Trước giờ « động phòng hoa chúc » em muốn thổ lộ với anh một điều, đó là một điều lầm lỗi của em khiến em... giờ đây sắp sửa là kẻ đáng khinh trước mặt anh. Vì anh ơi, em đã biết 1 người trai khác trước anh rồi. Chàng nói :

— Không sao ! Điều đó đã qua, không hề gì, anh sẽ tha thứ cho em ngay bởi vì như thế nếu em có phần bội thì em chỉ phản bội 1 mình anh mà thôi nhưng còn anh, giờ này anh cũng muốn thú thật với em rằng anh đã phạm 1 tội to gấp ngàn lần em, và mong em tha thứ cho anh. Vì anh đã trót bỏ thăm bầu ông Hoover.



# THỜI GIAN và CUỐN LỊCH

Tài liệu đặc biệt về nguồn gốc niên lịch và vài mẩu chuyện ngộ nghĩnh về những sự biến đổi của niên lịch qua các thời đại.

★ NGUYỄN-VĂN-KHƯƠNG

## Cuốn lịch : một điều mơ ước lâu đời nhất của loài người !



NGAY từ buổi sơ khai, khi còn sống một cuộc sống thô sơ, loài người đã dễ ý nhận thấy nhiều biến cố quen thuộc thường kể tiếp xảy ra đều đều giữa cảnh vật thiên nhiên : tan tuyết khi Đông tàn, cây cỏ đâm chồi nảy lộc, chim muông thú vật thi nhau tìm đôi bạn, các thứ quả chín vàng, lá rụng về mùa Thu v.v...

Họ tìm cách ghi nhớ những sự thay đổi ấy để biết khi nào phải trồng trọt, khi nào nên gieo giống, khi nào đã đến lúc chuẩn bị để đối phó với giá rét. Họ đánh dấu thời gian bằng cách khắc dấu trên những cây

gậy hay thác một nút giây mỗi lần mặt trời lặn và mọc. Cũng có nhiều giống người đã biết xem xét vị trí của mặt trời và các vì sao, sự thay đổi hình dáng của mặt trăng. Nhưng đặt ra một cuốn lịch đi đúng với thời tiết đã là một điều mơ ước của loài người qua nhiều thời đại vì sự phân chia thời gian ra ngày, tháng, năm là một vấn đề phức tạp và khó lòng ăn khớp với nhau vì một tuần trăng không có chẵn 30 ngày mà chỉ có 29 ngày 530.588, lúc ban đầu người ta nghiệm thấy cứ 12 lần trăng tròn thì đúng một vòng bốn mùa của thời tiết và phần nhiều các lịch pháp của người xưa đều căn cứ vào tuần trăng, nhưng 12 tuần trăng lại không phải là số thời gian của một năm đúng.

Một năm đúng là thời gian

quả đất quay đúng một vòng chung quanh mặt trời, sự thay đổi vị trí của quả đất đối với mặt trời làm cho thời tiết thay đổi và sinh ra bốn mùa, bởi vậy một năm đúng cũng là thời gian của một vòng bốn mùa đúng. Theo sự nghiên cứu khoa học ngày nay người ta biết được thời gian ấy là 365 ngày 5 giờ 48 phút 46 giây. Mười hai tuần trăng chỉ được 354 ngày kém năm thật theo mặt trời những 11 ngày, bởi vậy các lịch pháp căn cứ theo mặt trăng (âm lịch) đều phải có những phương pháp điều chỉnh khá phức tạp.

### LỊCH QUA CÁC THỜI ĐẠI.

— Lịch của người Babylone  
Theo các tài liệu Tây phương, người Babylone là giống người đầu tiên đã biết dùng một thứ âm lịch căn cứ theo tuần trăng, lấy 12 tuần trăng làm 1 năm,

Vào quãng năm 367 trước T. L. người Babylone lại đặt ra một thứ lịch khác tinh vi hơn, hòa hợp tuần trăng cùng năm đúng theo mặt trời. Họ chia thời gian thành từng chu-kỷ 235 tuần trăng chia thành 19 năm trong ấy được định trước 12 năm thường có 12 tháng mỗi năm và 7 năm nhuận có 13 tháng. Với lịch chu-kỷ này sau 19 năm sự sai biệt đối với năm đúng là :

235 tuần trăng (tháng) :  
 $235 \times 29 \text{ ng. } 530.588 = 6939 \text{ ng. } 6882$   
 19 năm đúng :  
 $19 \times 365 \text{ ng. } 2422 = 6939 \text{ ng. } 6018$   
 Sai biệt . . . . . 0 ng. 0864  
 hay... 2 giờ

Theo phương pháp này tháng vẫn đi đúng với tuần trăng mà vẫn được điều chỉnh theo thời gian đúng.

Lịch bán âm bán dương của người Babylone, ngay sau khi ra đời đã được nhiều nước ở Trung-Đông bắt chước theo và từ Ba-tư lịch này đã được truyền sang Trung-Hoa dưới đời nhà Hán. Nhà Hán đã phỏng theo để sửa đổi lịch-pháp của Tàu, do đấy ta có

Năm Mậu-Tuất	1959	年 戌 戊
Tháng 11 (Thiếu)	JANVIER	小 月 一 十
22	1	二 廿
THỨ NĂM	JEUDI	四 拜 禮
1959 JANVIER		FEVRIER
L M M J V S D		L M M J V S D
5 6 7 8 9 10 11		2 3 4 5 6 7 8
12 13 14 15 16 17 18		9 10 11 12 13 14 15
19 20 21 22 23 24 25		16 17 18 19 20 21 22
26 27 28 29 30 31		23 24 25 26 27 28

Circoncision

cứ 4 năm tại thêm một tháng nhuận để đi theo kịp với thời tiết.

— Lịch bán-âm bán-dương, thủy tổ âm lịch hiện tại

thể cho rằng lịch pháp này là gốc tích của âm lịch Tàu mà chúng ta đang dùng và mỗi năm đang ăn Tết theo lịch ấy.

**\* Lịch Hy-lạp.**

Người Hy Lạp đặt ra một thứ âm lịch chia 1 năm làm 12 tháng luân phiên có 29 hoặc 30 ngày, như vậy mỗi năm chỉ được 354 ngày thua năm thật 11 ngày 1/4. Để bù lại, cứ 2 năm họ thêm một tháng nhuận và 8 hay 9 năm lại bỏ tháng nhuận một lần.

**\* Lịch Ai - cập, thủy tổ của dương lịch hiện tại.**

Người Ai-cập là giống người đầu tiên phát minh được một lịch pháp căn cứ ở vị trí của mặt trời đối với ngôi sao Lang tinh (Sirius).

Dương-Lịch của Ai cập xuất hiện từ năm 2773 trước T.L. và là thứ lịch ăn khớp hơn cả với thời tiết.

Lịch này chia 1 năm làm 12 tháng (không theo tuần trăng) mỗi tháng 30 ngày, thêm 5 ngày đứng riêng ở cuối năm. Như vậy một năm theo lịch này chỉ ngắn thua năm đúng có 1/4 ngày cứ 4 năm lịch lại đi trước thời tiết 1 ngày. Đối với thời bấy giờ một lịch pháp như vậy cũng đã là tinh lắm rồi và người Ai cập đã sử dụng lịch ấy luôn trong 3000 năm cho đến khi được Hoàng đế La-mã Jules César sửa đổi lại và Giáo Hoàng Grégoire XIII lại điều chỉnh thêm đôi chút để thành thứ dương lịch mà hiện chúng ta đang dùng.

**\* Lịch Trung Hoa**

Người Tàu từ đời Hoàng Đế (2.000 trước T. L.) đã biết dùng

Năm Mậu-Tuất	1959	年戌戊
Tháng 11 (Thiếu)	JANVIER	小月一十
23	2	三廿
THỨ SÁU	2	五拜禮
1959 JANVIER	VENDEDI	1959 FEVRIER
1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31		1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28
S. Basile DQ		

Can Chi để ghi ngày tháng, lấy 366 ngày làm 1 năm, đặt tháng nhuận và định 4 mùa.

Ngày cũng như năm, tháng đều được chia thành từng chu-kỷ 60, mỗi ngày có một tên riêng do một chữ lấy ở thập Can và một chữ lấy ở 12 Chi hợp lại thành 60 tiếng kép khác nhau. (1)

Về thể kỷ thứ 3 trước T.L. nhà Hán, phỏng theo lịch bán âm bán dương của người Babylone để cải tiến lịch pháp. Về đời Tấn đời Minh, đời Thanh lịch lại được sửa đổi thêm dần để trở thành âm lịch ngày nay dùng trong dân gian. Chính thức Trung Hoa áp dụng dương lịch của Grégoire từ năm 1929.

**- Lịch La-mã**

Người La-mã cũng đã biết

(1) Thập can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thập nhị Chi là : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Ví dụ năm ngoài là năm Mậu Tuất là do chữ thứ năm của Chi và chữ thứ 11 của Can hợp lại, năm nay Kỷ Hợi là do hai chữ kế tiếp, của hai chữ trên,

dùng âm lịch từ lâu nhưng lịch La-mã luôn luôn bị thay đổi và có những sự bất thường. Sau cùng một thứ lịch lấy 355 ngày làm 1 năm được áp dụng. Các tháng Ba, Năm, Bảy và Mười có 31 ngày; tháng 2 có 28 ngày, các tháng khác 29 ngày, 4 năm có 1 tháng nhuận.

Để trông nom việc xử dụng lịch trong dân gian, người La-mã cất những vị tu-tế có nhiệm vụ mỗi đầu tháng báo cho dân chúng biết ngày thượng tuần và ngày rằm của tháng ấy (tiếng calendrier là lịch do tiếng kalendae — (tiếng la-tinh có nghĩa là ngày đầu tháng) — mà ra).

Các vị tu-tế làm việc một cách cầu thả. Ngoài ra, lịch thường bị lạm dụng vì lý do chính trị. Có nhiều lần người ta đã thêm vài tháng cho một năm để làm cho số thuế thu được trong năm trội hơn hoặc để giữ tại chức thêm một thời gian một nhân vật đang cầm quyền. Bởi vậy, đến thời Hoàng đế Jules César tiết trời mùa hè đã đến trong khi lịch đang ghi ngày mùa xuân, lịch đã đi thật lùi sau thời tiết gần ba

Năm Mậu-Tuất	1959	年戌戊
Tháng 11 (Thiếu)	JANVIER	小月一十
24	3	四廿
THỨ BẢY	3	六拜禮
1959 JANVIER	SAMEDI	1959 FEVRIER
1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31		1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28
Se Gensviève		

tháng. Jules César quyết định sửa chữa tình trạng ấy.

**- Lịch Jules César (tựu lịch)**

Lịch của César không căn cứ theo tuần trăng mà căn cứ theo vị trí mặt trời như lịch Ai-cập theo lịch pháp của nhà thiên-văn học Ai cập Sosigènes, lấy 365 ngày làm một năm, mỗi năm chia làm 12 tháng luân phiên có 31 và 30 ngày trừ tháng 2 có 29 ngày (vì thời bấy giờ tháng 2 được coi là tháng cuối cùng của năm, năm bắt đầu ngày mùng 1 tháng 3).

Để điều chỉnh sự sai biệt do lịch cũ để lại, Jules César ra lệnh thêm 3 tháng cho năm 46 trước T. L. để lịch tương đương với thời tiết. Bởi vậy năm ấy có 15 tháng và được gọi là « năm lộn xộn » (année de confusions).

Ngoài ra, Jules César còn lấy tên mình để đặt tên cho một tháng trong năm, ấy là tháng bảy mà tiếng Pháp gọi là Juillet và tiếng Anh July (do chữ Jules).

Sau này, Hoàng đế Auguste khi kế vị César cũng lấy tên mình đặt cho tháng tám (Août, August) và bớt một ngày ở tháng 2 thêm vào cho tháng 8 để tháng này có một số ngày ngang với tháng 7 của Jules César.

Theo lịch César, mỗi năm dài hơn năm thật 11 phút và đến năm 1580 số phút ấy dồn lại lên tới 10 ngày, tiết xuân-phân (équinoxe vernale: tiết đêm ngày dài bằng nhau về mùa xuân)

Năm Mậu-Tuất  
Tháng 11  
(Thiếu)  
**25**  
HỨA NHỨT

**1959**  
JANVIER  
**4**  
DIMANCHE  
S. Rigobert

年 戌 戌  
小 月 一 十  
五 廿  
日 拜 禮

1959 JANVIER						
L	M	M	J	V	S	D
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

FEVRIER						
L	M	M	J	V	S	D
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	

đến với ngày 11 tháng 3 trong khi đáng lẽ tiết ấy phải đến mỗi năm đúng vào ngày 22 tháng 3. Bởi vậy Đức Giáo Hoàng Grégoire lại phải điều chỉnh lịch pháp một lần nữa.

**\* Lịch của Grégoire : dương lịch chúng ta đang dùng.**

Đức Giáo Hoàng Grégoire sửa chữa sự sai lầm của lịch César bằng cách bỏ bớt 10 ngày trong năm 1582, ngày kế tiếp theo ngày 4/10/1582 sẽ là ngày 15/10/1582 thay vì ngày 5/10/1582.

Để xóa bỏ sự sai biệt 11 phút hàng năm, Đức Giáo Hoàng ra lệnh bỏ ngày nhuận thêm vào tháng 2 trong những năm tận cùng bằng hai số không (00) nếu năm ấy không chia đúng cho 400 như vậy cứ 400 năm thì bỏ được 3 ngày nhuận (3 ngày = 72 giờ, 11' x 400 = 73 giờ). Theo cách ấy, những năm 1700, 1800 và 1900 có 365 ngày như những năm thường và năm 2000 (chia đúng cho 400) có 366 ngày.

Theo các nhà thiên văn học

hiện đại, sự sai biệt giữa dương lịch chúng ta đang dùng và năm thật theo mặt trời đến năm nay là 27 giây. Sự sai biệt này sẽ tăng thêm 0 giây 53 mỗi năm vì năm thật càng ngày càng ngắn lại rất ít và đến năm 4.000 thì lịch của

con cháu chúng ta sẽ đi mau hơn thời tiết 1 ngày.

Ngày sau khi ra đời, lịch Grégoire hay Tân-lịch đã được các nước thuộc Giáo-hội La-mã áp dụng ngay.

Các nước theo đạo Tin lành và các nước thuộc Giáo Hộ Chính thống Đông phương tiếp tục theo lịch cũ thêm một thời gian.

Ở Anh, mãi đến năm 1752 Tân lịch mới được áp dụng và khi ấy phải bỏ đi 11 ngày trong lịch cũ. Nhiều nhóm dân quê dốt nát và cố chấp khư khư đòi giữ lịch cũ, bỏ biểu tình tuần hành đi khắp nơi hô lớn những khẩu hiệu như : « Hãy trả lại 11 ngày cho chúng tôi ! »

Lịch Grégoire đem lại một sự cải cách khác là việc công nhận bởi toàn thể mọi quốc gia ngày-mùng 1 tháng giêng là ngày đầu năm. Trước kia, nơi thì lấy ngày 25 tháng chạp, nơi thì lấy ngày 1/3 (như ở Anh trước năm 1752).

Việc sửa đổi lịch có gây vài rắc rối lúc giao thời trong việc ghi ngày tháng những biển cổ xảy ra trước ngày lịch mới được công nhận. Chẳng hạn như cuộc Cách mạng ở Nga thường được mệnh danh là Cách mạng tháng Mười nhưng hàng năm lại được cử hành vào ngày 7 tháng 11 vì Nga đã áp dụng lịch Grégoire (theo lịch cũ cuộc Cách mạng xảy ra ngày 27/10).

Nhiều tài liệu về thế kỷ thứ 18 thường ghi ngày tháng của cả 2 thứ lịch. Ví dụ : George Washington sinh ngày 22/2/1732 T.L. (tân lịch) hay 11/2/1731 C.L. (cựu lịch). Cũng có khi người ta ghi ngày tháng thời ấy như sau :

$$\frac{11}{22} \text{-tháng 2 năm } 173\frac{1}{2}$$

(Tân lịch để năm 1732 và cựu lịch để năm 1731 vì, như đã nói ở trên, cựu lịch kê năm bắt đầu từ tháng 3 và tân lịch bắt đầu năm 1732 từ 1/1).

**\* Lịch Cộng Hòa của Pháp**

Sau cuộc Cách Mệnh Pháp, Quốc ước Hội nghị Pháp đặt ra một thứ lịch gọi là Lịch Cộng Hòa. Theo lịch này, năm bắt đầu với tiết thu phân (22/9). Năm thứ nhất của thời đại Cộng Hòa tính từ ngày 22/9/1792 là ngày thành lập nên Cộng Hòa, ngày ra đời của FV DO.

Mỗi năm chia làm 12 tháng, mỗi tháng 30 ngày, 5 ngày lẻ đứng riêng ở cuối năm (hoặc -6 trong những năm 366 ngày).

dùng để tổ chức những cuộc lễ Cộng Hòa.

Tên 12 tháng của lịch này là những danh từ thơ mộng do một thi sĩ đặt ra, phỏng theo những danh từ lấy trong loài thảo mộc hay công việc đồng áng chẳng hạn như :

- Vendémiaire (do chữ vendanges là mùa hái nho,
- Nivrose (do chữ neiges là tuyết,
- Floréal (do chữ Fleur là hoa,
- Prairial (do chữ prairie là đồng cỏ v.v...

Tên của ngày tính theo thứ tự một hai ba primidi, duodi, tridi v. v..., mỗi tháng chia làm 3 tuần 10 ngày.

**\* Vấn đề cải cách dương lịch hiện hữu.**

Dương lịch chúng ta đang dùng ngày nay tuy tiến bộ so với các thứ lịch thời xưa, tuy nhiên cũng có nhiều người cho là chưa được hoàn mỹ và vấn đề sửa đổi lịch đã được nêu ra ở các Hội nghị quốc tế họp ở Genève trước chiến tranh.

Người ta thường chê lịch

Năm Mậu-Tuất  
Tháng 11  
(Thiếu)  
**26**  
THỨ HAI

**1959**  
JANVIER  
**5**  
LUNDI  
Se Amélie

年 戌 戌  
小 月 一 十  
六 廿  
一 拜 禮

1959 JANVIER						
L	M	M	J	V	S	D
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

FEVRIER						
L	M	M	J	V	S	D
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	

Grégoire về những bất tiện sau đây :

— Mười hai tháng trong năm dài ngắn không đều nhau (31, 30, 29, 28 ngày).

— Số ngày trong các tam-cá-nguyệt và trong hai lục-cá-nguyệt không bằng nhau.

— Tháng khi thì có 4 khi thì ngày chúa nhật.

— Mỗi năm bắt đầu vào một ngày khác nhau của tuần lễ.

Tình trạng bất thường ấy làm cho việc tổ chức và điều hành công việc trong các xí nghiệp lớn lao gặp nhiều trở ngại. Nhiều tổ chức lớn ở Âu Mỹ công việc và ngân sách phải được dự trù trước, tính từng giờ một.

Ngoài ra, một khuyết điểm khác là mỗi năm lại phải in một cuốn lịch mới tốn tiền vô ích.

**\* Một thứ lịch được đề nghị để thay thế Lịch Grégoire : Lịch Thế Giới.**

Hiện nay có nhiều thứ lịch được đề nghị nhưng chỉ có Lịch Thế Giới là được nhiều đại diện các quốc gia tán thành và có triển vọng một ngày kia sẽ được đem dùng thay thế cho Lịch hiện thời (việc cải cách này có lẽ đã được thực hiện rồi nếu các cường quốc trên thế giới không bị bận rộn vì những mối lo âu quan trọng hơn).

Căn cứ theo lịch hiện tại và không thay đổi mấy, lịch Thế

giới (xem ở trang sau) chia một năm làm 12 tháng, những tháng đầu của mỗi tam-cá-nguyệt có 31 ngày, những tháng khác đều đồng loạt có 30 ngày. 1 ngày lẻ để riêng ở cuối năm, không thuộc vào tháng nào hoặc tuần lễ nào. Những năm 366 ngày thì một ngày khác được để riêng sau tháng 6.

Lịch Thế Giới có những sự tiện lợi sau đây :

— 4 tam-cá-nguyệt và 2 lục-cá-nguyệt đều có số ngày bằng nhau.

— Ngày đầu năm bao giờ cũng là ngày Chủ nhật và ngày cuối năm bao giờ cũng là ngày thứ bảy.

— Mỗi tháng đầu của mỗi tam-cá-nguyệt đều bắt đầu cùng một ngày, các tháng thứ 2 và thứ 3 của mỗi tam-cá-nguyệt cũng vậy.

— Tháng nào cũng có 23 ngày làm việc.

Hiện nay ở Genève có một Hiệp hội có cơ quan ngôn luận đang cố động cho việc áp dụng lịch này trên toàn thế giới và, nếu một ngày kia, Hội ấy thành công, thì ta sẽ có những cuốn lịch vĩnh viễn làm bằng kim khí hay những vật liệu lâu mòn, các cậu bé có thể học thuộc lòng cuốn lịch như những bảng cửu chương và các nhà in có thể in lịch ở trang bìa sau của mỗi cuốn vở.

## LỊCH THẾ GIỚI

Tháng	Ch.nh.	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
1, 4, 7, 10 (những tháng đầu của mỗi tam-cá-nguyệt)	1	2	3	4	5	6	7
	8	9	10	11	12	13	14
	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28
	29	30	31				
2, 5, 8, 11 (những tháng thứ hai của mỗi tam-cá-nguyệt)	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28	29	30		
3, 6, 9, 12 (những tháng ở cuối mỗi tam-cá-nguyệt)	3	4	5	6	7	8	9
	10	11	12	13	14	15	16
	17	18	19	20	21	22	23
	24	25	26	27	28	29	30

— Sau ngày 30 tháng 12 mỗi năm có thêm một ngày phụ gọi là « ngày cuối năm » đứng riêng biệt không thuộc vào tuần lễ và tháng nào cả.

— Trong những năm 366 ngày thêm một ngày phụ sau ngày 30 tháng 6.

### \* « TÔN-TÂN » ĐỜI NAY

Một người lính làm những bạn anh rất khó chịu vì tánh khùng của anh. Người ta luôn luôn thấy anh ở ngoài sân trại tìm những mảnh giấy nhỏ, khi tìm được, anh mở ra xem và khi đọc xong thì anh luôn luôn nói như vậy :

— Không, không phải mảnh giấy này!

Một ngày kia cấp trên gọi anh đi khám bệnh. Khi anh lãnh miếng giấy toa thuốc, người ta tưởng anh cũng sẽ quẩn đi, nhưng lần này thì không, ngược lại anh nói :

— Đúng rồi, chính tờ giấy này!

# HÀN-MẠC-TỬ

## BI-KỊCH - 4 MÀN

\* của ĐÌNH-XUÂN-HÒA \*

### NHÂN VẬT

Hàn-Mạc-Tử, thi-sĩ, 24 tuổi ở màn đầu; 26 tuổi, mới bị hủi ở màn hai, 27 tuổi, đã bị hủi nặng ở màn ba; 28 tuổi, vào giờ hấp-hối ở bệnh-viện Qui-hòa, màn tư.

Bà Nguyễn-thị-Duy, 55 tuổi, thân-mẫu của Hàn-Mạc-Tử.

Mộng-Cầm, 18 tuổi, mới tình đầu của Hàn-Mạc-Tử.

Bích Liên, 30 tuổi, chị họ của Mộng-Cầm.

Mai Đình, 25 tuổi, thiếu-phụ đã đến ở với Hàn-Mạc-Tử, sau khi thi-sĩ bị hủi.

Bà Phước, 40 tuổi

Vũ-Hùng, 28 tuổi, văn-sĩ, bạn của Hàn-Mạc-Tử.

Hoàng-Trọng, 26 tuổi, văn-sĩ, bạn của Hàn-Mạc-Tử.

Chá Xôi, 40 tuổi, chủ nhà, hỏi Hàn-Mạc-Tử viết báo ở Sài-gòn.

Ông Lang, 40 tuổi.

Một hội-viên xã, 36 tuổi.

Nguyễn-văn-Xê, 40 tuổi, bạn đồng-bệnh của Hàn-Mạc-Tử tại Qui-hòa.

Linh, 36 tuổi, bệnh-nhân tại Qui-hòa.

Quý, 30 tuổi, bệnh-nhân tại Qui-hòa.

Viên cai khổ xanh 40 tuổi.

## MÀN NHỨT

Một trong bốn căn phòng cho thuê, trên gác một phố lâu ở Sài-gòn, đường Espagne, vào khoảng 1934-35.

Phòng nhỏ hẹp. Tường và vách lâu năm chưa được sơn phết nên đã dơ-bẩn. Cửa ra vào ở hai bên. Tường phía trong có một cửa sổ, nhìn ra đường.

Giữa phòng, xích về bên trái, có một bàn và hai ghế sa-lông bằng cây, kiểu thường, thấp và đã cũ. Cuối phòng ngăn-ngang nhiều chông sách, báo và hai va-li, một lớn, một nhỏ.

Trên vách có đóng nhiều đinh, cái thì máng quần, áo, cái thì máng sơ-mi, áo thụng, khăn mặt.

Ngoài những đồ vật kể trên, trong phòng không có tủ, giường hay bàn ghế gì khác nhưng tất cả đều bừa-bãi, vô trật tự, đúng với bản-tính của các văn-nghệ-sĩ thời tiền-chiến.

### Lớp I

(Mở màn, Hùng và Trọng, hai bạn cùng ở chung với Hàn-Mạc-Tử, đang nằm trên sàn gác, một người vắt chân chữ ngũ, một người gác chân lên ghế hút thuốc. Trọng đọc một tờ tạp-chí. Bỗng, Trọng lên tiếng).

Trọng — Hùng à ?

Hùng — Gì hả ?

Trọng (ngồi dậy) -- Số này, tờ Tân-Thời đăng lại bài thơ đường-luật của thằng Hàn Mạc Tử

Hùng — Đọc nghe coi.

Trọng (một tay bó gối, một tay cầm tờ báo, đọc):

« Ấp-ung không ra được nửa lời

« Tinh thu bi-thiết lắm thu ơi!

« Vội-vàng chiếc nhạn bay đi  
trớt,

« Hiu-hắt hơi may thoảng lại  
rời...

« Năm gặng đã không thành  
mộng được,

« Ngâm tràn cho đỡ chút buồn  
thối.

« Ngàn-trùng bóng liễu trông  
xanh ngắt,  
« Chỉ có thông kia chịu với  
trời.

Hùng (nhồm dậy) — Đứng cái cảnh của tao quá! (gật gù đọc.)  
« Năm gặng đã không thành mộng  
được; ngâm tràn cho đỡ chút  
buồn thôi! (dừng dậy, cười lớn.)  
Ha! ha! Thơ của nó thế mà  
hay! (lại ghé ngồi). Buồn như  
cảnh văn-chương ế-ảm của tao  
vội mày!

Trọng — Cho tao điếu thuốc.

Hùng (vứt thuốc cho Trọng) —  
Không biết bài thơ ấy nó làm  
từ hồi nào? Nó đã chuyển sang  
thơ mới từ lâu rồi mà... Nhưng  
thôi (dừng lên), văn với thơ làm  
gì? Bữa nay cuối tháng rồi. Chủ  
nhà, chủ nợ lại sắp-sửa đến đòi  
tiền!

Trọng (dừng lên) — Lại thật,  
sao chưa thấy thằng Hàn-Mạc-Tử  
về? (chăm thuốc vào điếu của  
Hùng).



Hùng — Giờ này chắc nó đã lãnh lương ở tòa báo rồi...

(*Có tiếng ho ở ngoài, chú Xôi, chủ nhà, bung phê, bện áo thung, quần lãnh đen, đi giày tàu, bước ra.*)

### Lớp II

**Chú Xôi** (*giọng gười Tàu mới biết nói tiếng Việt*) — Hà, cúi thàng dôi. Trả tiền phòng cho ngô.

**Hùng** — Đòi tiền sớm giữ vậy, chú Xôi? Đề đầu thàng, được không?

**Chú Xôi** — Hừ, cuối thàng hẹn đầu thàng... Đầu thàng lại hẹn cuối thàng... Mất công ngô lên xuống hoài...

**Hùng** — Tụi tôi lãnh lương rồi sẽ trả. Chú đừng lo.

**Chú Xôi** (*chỉ xấp biên lai*) — Nè! Năm thàng tiền phòng chưa có trả xu nhỏ!

**Hùng** — Chú yên trí. Người kia đi lãnh lương chưa về.

**Chú Xôi** — Người kia là người nào? Thầy Trí phải không?

**Trọng** — Phải. Lát nữa thầy Trí về sẽ trả chú.

**Chú Xôi** — Biểu thầy Trí bữa nay không trả ngô thì đi ở chỗ khác! (*vó rồi quay lại* :) Hà, hỏi này có người hỏi thăm cái gì lộn-xộn quá!

**Hùng** — Ai hỏi thăm, hả chú?

**Chú Xôi** — Một cô trẻ-trẻ, đẹp đẹp.

**Trọng** — Một cô trẻ, đẹp?

**Chú Xôi** — Phải ló.

**Hùng** — Cô ấy hỏi thăm ai chú?

**Chú Xôi** — Hỏi thăm tên Hàng... Hàng... làm thơ, làm thi-sĩ gì đó!

**Trọng** — Làm thơ, làm thi-sĩ phải không?

**Chú Xôi** — Phải, phải.

**Hùng** (*với Trọng*) — Chắc hỏi thăm thằng Hàn-Mạc-Tử.

**Chú Xôi** — Hà, phải ló. Hàn-Mạc-Tử, Hàn-Mạc-Tử là ai vậy?

**Trọng** — Thầy Trí đó.

**Chú Xôi** — Vậy hả. Ai mà biết. Mà, làm thơ là làm gì?

**Hùng** — Làm thơ như Đỗ-Phủ, Lý-Bạch bèn Tàu, chú biết mà!

**Chú Xôi** — Đỗ-Phủ! Lý-Bạch! Ngô đâu có biết!

**Hùng** — Thơ của thầy Trí hay như thơ Đỗ-Phủ, Lý-Bạch vậy.

**Chú Xôi** — Hay-sao không biểu thầy Trí bán đi, lấy tiền trả tiền phòng cho ngô?

**Trọng** — Thơ hay mà đều khó bán.

**Chú Xôi** — Khó bán thì làm làm chi cho mất công? Đề tui giờ mắng cái khác phải có tiền xài không?

(*Chú Xôi vào.*)

### Lớp III

**Trọng** (*vừa đi lại vừa nói*): Thằng cha Xôi nói thế mà đúng! Văn thơ khó bán thì làm làm chi cho nghèo mặt!

**Hùng** — Cho mang công mắc nợ! Thiếu cả tiền phòng, tiền

ăn... Quái, giờ này mà thằng Hàn-Mạc-Tử chưa về thì lạ thật!

**Trọng** — Hay nó lại tạt vào đâu xài hết tiền thì nguy!

**Hùng** — Có thể lắm. Nó có tiền, ai hỏi cũng đưa.

**Trọng** — Bữa nay không trả tiền phòng thì chắc-chắn thằng cha Xôi sẽ tống cổ tụi mình đi chỗ khác. Chưa hết! Còn tiền cơm, tiền giặt ủi.

**Hùng** — Đề tao lên tòa báo tìm nó.

**Trọng** — Hễ thấy nó, mày lôi ngay về đây cho tao. Đừng để cho những đứa khác xài hết số lương của nó.

**Hùng** — Được, mày yên trí ở nhà.

(*Hùng đi ra nhưng thấy Mộng-Cầm vừa tới trước cửa nên ngưng lại*): Cô hỏi thăm ai?... Mời cô vào.

(*Mộng-Cầm trẻ, đẹp, ngây-thơ và rất dễ thương bước ra.*)

### Lớp IV

**Mộng-Cầm** (*giọng dầm ảm*) — Phải thi-sĩ Hàn-Mạc-Tử ở đây không ạ?

**Hùng** — Vâng.

**Trọng** (*bước tới, vồn-vã*) — Cô hỏi ông Hàn-Mạc-Tử có việc gì?

**Mộng-Cầm** (*lúng-lúng*) — Tôi mới ở Phan-thiết vào nên đến thăm ông ấy. Hai ông là bạn của ông Hàn-Mạc-Tử?

**Trọng** — Vâng. Xin giới-thiệu với cô: Văn-sĩ Vũ-Hùng.

**Mộng-Cầm** (*cúi chào*) — Hàn-hạnh.

**Hùng** (*chỉ Trọng*) — Và đây, văn-sĩ Hoàng-Trọng.

**Mộng-Cầm** (*lại cúi chào*) — Hàn-hạnh.

**Trọng** (*án-cần*) — Mời cô ngồi. Anh Hàn-Mạc-Tử cũng sắp về.

(*Mộng-Cầm bước lại ghế.*)

**Trọng** — Lúc này cô có hỏi thăm ở dưới nhà, phải không?

**Mộng-Cầm** — Vâng. Chết chửa (*ngừng lại*) Chị tôi đang đợi ở dưới ấy. Xin phép hai ông tôi xuống mời chị tôi lên.

(*Mộng-Cầm vội-vã vào. Hùng và Trọng ái-miết ngó theo.*)

### Lớp V

**Trọng** — Đẹp quá, mầy ạ!

**Hùng** — Đẹp quần áo lại (*Trọng với - vàng má*) quần áo lên móc. Hùng đẹp chiếu, ném vào góc phòng). Thằng Hàn-Mạc-Tử thế mà tốt số! Không hiểu hai đứa biết nhau từ bao giờ?

**Trọng** — Chắc nàng đã cảm thơ của chàng nên mới hỏi thăm « thi sĩ » Hàn-Mạc-Tử.

**Hùng** — Đùng rồi!

**Trọng** — Lúc này nàng nói có người chị đợi ở dưới nhà phải không?

**Hùng** — Phải. Sao?

**Trọng** — Không chừng cô chị đẹp hơn cô em, mầy ạ.

**Hùng** — Có thể lắm! (*Trọng vội-vàng vào*)

Hùng — Đi đâu gấp thế ?

Trọng (quay lại) — Xuống coi  
Đặt cô chị xem ra sao.

(Trọng vào tới cửa thì trở mắt  
nhìn rồi lui lại. Mộng-Cầm và  
Bích-Liên ra. Bích-Liên ăn mặc  
rất sang, búi tóc kiểu Lào, ngậm  
thuốc, tỏ ra vẻ trượng-giả, hóm-  
dòir, hách-dịch. Thấy Bích Liên,  
Trọng cụt hứng).

## Lớp VI

Mộng-Cầm (giới-thiệu trong lúc  
Bích-Liên để ý nhìn căn phòng)

— Đây là bà Bích-Liên, chị tôi.

Hùng — Chào bà.

Bích-Liên — Chào ông.

Mộng-Cầm (chỉ Hùng) — Ông  
Vũ-Hùng, văn-sĩ. (chỉ Trọng) Ông  
Hoàng-Trọng, cũng là văn-sĩ.

Bích-Liên — Hai ông đều là  
văn-sĩ cả ?

Hùng — Vâng.

Bích-Liên — Hai văn-sĩ ở chung  
với một thi-sĩ ?

Hùng — Vâng.

Bích-Liên — Trong căn phòng  
nhỏ hẹp này.

Trọng (có vẻ bực tức) — Có  
sao đâu ?

Bích-Liên (ngạc nhiên) — Ba  
người ở căn phòng này thì chật  
quá, chịu gì nổi ?

Mộng-Cầm (dở lời) — Chật  
nhưng có bạn-hữu vui hơn, phải  
không hai ông ?

Hùng — Đúng thế ạ.

Bích-Liên — Sao các ông không

quét vôi lai cho nhà cửa sáng  
sủa hơn ? Xin phép hai ông, tôi  
đi xem căn phòng (bước tới quan  
sát chung-quanh. Mộng-Cầm lo-  
lắng theo sau).

Trọng (với Hùng) — Mày ở  
nhà. Tao đi tìm thằng Hàn-Mạc-  
Tử.

Hùng — Đề tao đi cho.

Trọng (cẩn lại) — Mày ở nhà  
tiếp bà ấy. Đề tao đi (vào).

(Hùng nhìn theo Trọng rồi  
quay lại).

Bích-Liên — Các ông dùng cơm  
tại căn phòng này ?

Hùng — Không. Chúng tôi ăn  
cơm tiệm.

Bích-Liên — Ăn cơm tiệm ?

Hùng — Phải.

Bích-Liên — Ủ ! Chật như thế  
này mà bày đặt ăn uống thì cực  
chết... Thế còn ngủ ? Chắc các  
ông ngủ chỗ khác ?

Hùng — Chúng tôi ngủ tại đây.

Bích-Liên — Tại đây ?

Hùng — Phải.

Bích-Liên — Sao tôi khôn, thấy  
giường, nệm gì ca ?

Hùng — Nhà văn chúng tôi  
không dài-các đâu bà ạ ! Việc  
ăn, ngủ đối với chúng tôi không  
quan-trọng lắm. Chúng tôi ngủ  
trên sàn này.

Bích-Liên — Trên sàn này ?

Hùng — Phải. Trái chiếu ra  
ngủ.

Bích-Liên (với Mộng-Cầm) —  
Em thấy không ? Văn-sĩ thi-sĩ

có khác ! Trái chiếu lên sàn ngủ.  
(với Hùng, mỉa-mai) Ngủ như  
vậy có nhiều cảm-hứng để làm  
thơ, viết văn phải không, ông ?

Hùng — Phải.

Bích-Liên (ngao-ngán, thở dài  
rồi hỏi:) — Ông Hàn-Mạc-Tử  
bao giờ mới về, ông ?

Hùng — Bà cần gặp ông Hàn-  
Mạc-Tử ?

Bích-Liên — Vâng. Rất cần,  
đề... để được biết ông ấy vì  
không mấy khi tôi có dịp vào  
Sài-gòn. Chúng tôi lại sắp-sửa  
phải ra ga về Phan-thiết. Nếu  
có thể, ông đi tìm ông ấy giùm  
cho.

Hùng — Được. Bà và cô ngồi  
chơi. lát nữa anh Hàn-Mạc-Tử  
và tôi sẽ về (vào).

## Lớp VII

Bích-Liên (để bốp trên bàn,  
ngồi xuống ghế) — Ngán quá !  
Ăn cơm tiệm ! Ngủ dưới sàn ! Sợ  
mấy ông văn-sĩ, thi-sĩ thật !

Mộng-Cầm (ngồi đối diện) —  
Các anh ấy chưa lập gia-đình nên  
mới sống bừa bãi như thế.

Bích-Liên — Hội-hám, chật-  
chội như thế này mà em tính lấy  
người ta rồi ăn ở ra làm sao ?

Mộng-Cầm — Chúng em sẽ  
mướn nhà khác, rộng rãi hơn, có  
phòng khách, buồng ăn, buồng  
ngủ.

Bích-Liên — Không sắm nổi  
một cái giường để nằm, lấy tiền  
đầu thuê mướn chỗ khác ? Trước  
kia, nghe nói văn-nhân thi-sĩ

thường nghèo-túng, chỉ không  
tin. Bây giờ, thấy tận mắt, chỉ  
mới rõ (dùng lên đi lại) Không  
giường ! Không nệm ! Một cái tủ  
nhỏ cũng không có ! Quần áo  
vết bừa-bãi ! Sách-vở liệng lung  
tung ! Không ngờ các ông ấy sống  
vô trật-tự đến thế !

Thôi, em à ! Bỏ ý định lấy văn  
sĩ, thi-sĩ đi ! Sống cực-khổ như  
thế này, đời em sẽ tàn tạ, như  
một cây hoa đang tươi-tốt, đem  
trồng vào miếng đất khô-khan.

Mộng-Cầm — Nhưng chúng em  
đã lỡ biết nhau hơn một năm  
nay. Em không thể chung sống  
với một người khác, vì em đã  
yêu anh ấy.

Bích-Liên — Yêu như thế là  
dạ làm em ạ ! Người ta không  
thể sống bằng tình yêu và nước  
lạnh được. Phải có tiền, thật  
nhiều tiền thì gia-đình mới có  
hạnh-phúc. Yêu nhau cách mấy  
mà không tiền thì sớm muộn  
cũng sẽ chán nhau.

Mộng-Cầm — Tiền không đủ  
để đem lại hạnh-phúc gia-đình,  
chị ạ. Em thấy nhiều người rất  
giàu nhưng gia-đình vẫn lục-  
đục, vợ chồng vẫn bất hòa, rồi  
sau cùng đi đến chỗ xa nhau, bỏ  
nhau. Trái lại, chúng em nguyện  
sống bên nhau mãi mãi, dù nghèo  
túng, khổ-sở.

Bích-Liên — Em điên rồi à ?  
Tự nhiên lại trở buộc mình vào  
sự nghèo-túng. Thiếu gì người  
trẻ đẹp, giàu sang, danh giá, xứng  
đáng để em trao thân gửi phận.  
Tội gì đi lấy một thi-sĩ quèn,

án ở một cách tồi tệ như thế này.

**Mộng-Cầm** — Chị không nên mạt-sát văn-nghệ-sĩ như vậy. Vàng, chị nói đúng. Anh Hàn-Mạc-Tử nghèo tiền thật nhưng anh ấy không nghèo tư-cách, không làm những việc bỉ-đồi như biết bao nhiêu kẻ có tiền đã làm.

**Bích-Liên** — Em định mạt-sát những người có tiền phải không?

**Mộng-Cầm** — Em không có quyền mạt-sát ai cả. Em chỉ muốn nói: không nên đánh giá người khác bằng đồng tiền. Em đã nghĩ kỹ chị ạ. Anh Hàn-Mạc-Tử là người rất tốt. Anh ấy lại có tài, có chí.

**Bích-Liên** — Có tài, có chí mà không tiền thì cũng vứt đi. Nhưng thôi, em đã muốn vậy thì chị để mặc em.

**Mộng-Cầm** — Chị giận em hả?

**Bích-Liên** — Chị sẽ nói với hai bác từ chối việc cưới hỏi này.

**Mộng-Cầm** — Đừng, chị Bích-Liên. Em van chị. Đừng nói với ba má em như thế.

*(Có tiếng gõ cửa ở bên phải, Bích-Liên và Mộng-Cầm quay đi. Mai-Đình ra.)*

### LỚP VIII

**Mai-Đình** — Ông Hàn-Mạc-Tử có nhà không ạ?

**Bích-Liên** (tò mò) — Bà hỏi ông Hàn-Mạc-Tử có chuyện gì?

**Mai-Đình** — Tôi đến thăm ông ấy. Xin lỗi, bà và cô là...

**Bích-Liên** (mau miệng) — Chúng

tôi là... bà con của ông Hàn-Mạc-Tử. Bà đến thăm ông ấy về công-việc làm ăn?

**Mai-Đình** — Không ạ... Tôi là một trong những người mến thờ của ông Hàn-Mạc-Tử và ước-ao được gặp ông ấy.

**Mộng-Cầm** — Thế à!... Rất tiếc bữa nay ông ấy đi vắng. Bữa khác bà trở lại vậy.

**Mai-Đình** — Vàng. Chào cô. Chào bà.

**Bích-Liên** — Chào bà.

*(Mai-Đình vào. Mộng-Cầm và Bích-Liên nói theo cho đến khi Mai-Đình khuất.)*

### LỚP IX

**Bích-Liên** (mỉa-mai) — Không biết văn-sĩ, thi-sĩ họ có bữa ngãi gì mà hết cô này đến bà kia tới hỏi!

**Mộng-Cầm** — Anh Hàn-Mạc-Tử có tài nên mới có nhiều người tới thăm như thế.

**Bích-Liên** — Nhiều chừng nào, em sẽ khổ vì ghen-tương chừng ấy! Nghệ-sĩ họ rất đa tình, rất lãng mạn! Em mà lấy họ thì rồi sẽ khổ-sợ vì họ...

*(Hàn-Mạc-Tử đội mũ ca-nô-chê, mang bơ-rơ-ten, mặc sơ-mi rộng thênh-thang, bước ra. Thấy có người lạ, Hàn-Mạc-Tử ngừng lại.)*

### LỚP X

**Hàn-Mạc-Tử** (nhận ra Mộng-Cầm, nùng rỡ gọi:) — Mộng-Cầm!

**Mộng-Cầm** (chạy tới) — Anh!  
*(Hai người âu-yếm cầm tay nhau. Bích-Liên thấy vậy, lắc đầu.)*

**Mộng-Cầm** — Chị em ở Phan-thiết mới vào.

**Hàn-Mạc-Tử** (ngả mũ, bước tới) — Chào chị,

**Bích-Liên** — Chào ông. Phải ông là ông Hàn-Mạc-Tử không ạ?

**Hàn-Mạc-Tử** — Vàng. Chính tôi.

**Bích-Liên** — Ông đội mũ ca-nô-chê, mang bơ-rơ-ten, giống ông bang Triều-Châu ngoài tôi quá!

**Hàn-Mạc-Tử** (ngượng-nghịu) — Mời bà... mời chị ngồi.

**Bích-Liên** — Thôi, để tôi đi.

**Hàn-Mạc-Tử** — Chưa được tiếp chuyện chị, chị đã bỏ đi.

**Bích-Liên** — Nói chuyện bấy nhiêu đủ rồi, ông ạ. (với Mộng-Cầm:) Chị ra ga trước. Em ở lại một lát rồi ra ngay kéo xe lửa chạy.

**Mộng-Cầm** — Vàng.

**Bích-Liên** (với Hàn-Mạc-Tử) — Chào ông.

**Hàn-Mạc-Tử** — Chào bà.

*(Mộng-Cầm tiễn chân Bích-Liên vào. Hàn-Mạc-Tử mang nón lên vác rồi quay lại ghế.)*

### LỚP XI

**Mộng-Cầm** — Anh à... .

**Hàn-Mạc-Tử** — Gì, em?

**Mộng-Cầm** — Chừng nào về ở

với anh, em sẽ mua giường, mua nệm để chị Bích-Liên khỏi chê chúng ta nghèo.

**Hàn-Mạc-Tử** (nhìn lại căn phòng) — Chị Bích-Liên chê anh không có giường, có nệm phải không?

*(Mộng-Cầm yên lặng.)*

**Hàn-Mạc-Tử** — Em coi: nằm dưới sàn, nhìn qua cửa sổ, thấy mây bay, trăng sáng trên trời, tự-nhiên nguồn cảm-hứng tới với anh! Chính bài « Bẽn-lẽn » anh đã làm tại đây, một đêm trăng huyền-ảo (cao-hừng đọc):

« Trăng nằm sóng soã trên  
cành liễu,

« Đợi gió đông về để lả-lơi.

« Hoa là ngây tình không muốn  
động,

« Lòng em hồi-hộp chị Hằng ơi!

**Mộng-Cầm** (vui vẻ) — Em thích nhất bốn câu sau cùng của anh.

**Hàn-Mạc-Tử** (đọc tiếp:) —

« Vô tình để gió hôn trên má,

« Bẽn-lẽn làm sao lúc nửa đêm.

« Em sợ lang-quân em biết  
được,

« Nghi-ngờ đến cái tiết-trình  
em.

Em thấy không? Nằm dưới sàn, thi-hứng dồi-dào biết mấy! Em đừng lo anh nghèo. Chưa bao giờ anh thấy tương-lai anh đầy hứa-hẹn như bây giờ. Thơ của anh có rất nhiều người tán-thưởng. Biệt-hiệu Hàn-Mạc-Tử của anh đã được giới văn-nghệ đặc-biệt chú ý. Nhiều chủ bao đang mời anh cộng-tác và hứa

sẽ xuất-bản những tập thơ sau này của anh.

Em cứ yên tâm. Chúng ta sẽ có nhiều tiền. Hạnh-phúc của chúng ta sẽ được đảm-bảo. Chúng ta sẽ dành rất nhiều thì giờ để cùng nhau ngâm-vịnh. Chúng ta sẽ sống những ngày đầy thơ-mộng.....

**Mộng-Cầm** — Anh thì lúc nào cũng thơ với mộng..... Riêng em, em đã sắp đặt đầu vào đây. Em đã để dành được một số tiền. Em sẽ mua một căn nhà nhỏ, có sân, giống hệt cảnh trong bài « Tình quê » của anh. Anh còn nhớ bài ấy không? (đọc).

« Trước sân anh thơ-thần.  
« Đăm-dăm trông nhận về.  
« Mây chiều còn phiêu-bạt,  
« Lang-thang trên đồi quê.  
« Gió chiều quên ngừng lại,  
« Giòng nước luôn trôi đi....  
« Ngàn lau không tiếng nói,  
« Lòng anh dường dẽ-mê.....

(Hai người say-sưa nhìn nhau. Hàn-Mạc-Tử kéo Mộng-Cầm lại gần).

**Mộng-Cầm** (vội-vàng xỏ nhe Hàn-Mạc-Tử ra) — Để giờ xe chạy rồi, anh ạ. Hay là anh ra Phan-thiết với em ! Chúng ta sẽ dạo chơi ngoài bãi biển, sẽ ngồi bên nhau ngắm cảnh trăng lên như lần trước.

**Hàn-Mạc-Tử** — Anh muốn lắm, nhưng hôm nay cuối tháng.....

**Mộng Cầm** — Anh chưa lãnh lương phải không? Em có tiền

đây rồi (cầm bóp). Đi Phan-thiết với em, anh !

**Hàn Mạc-Tử** — Ngày mai anh bắt đầu viết thêm cho một tờ tuần-báo nên chưa thể đi được. Để ít bữa nữa, anh sẽ ra với em.

**Mộng-Cầm** — À, em đưa anh coi bài thơ em vừa mới làm (mở bóp lấy tờ giấy đưa cho Hàn-Mạc-Tử). Thôi, em ra ga kéo chị Bích-Liên đợi. Ít bữa nữa, anh ra Phan-thiết với em nhé.

**Hàn-Mạc-Tử** — Thế nào anh cũng ra.

(Mộng-Cầm vào rồi, còn nói với lại: « Nhớ nghe anh »).

**Hàn-Mạc-Tử** (nói với theo) — Anh nhớ..... (quay lại, ngồi xuống ghế, mở tờ giấy ra đọc :)

« Rồi có khi nào trong phút  
giây,  
« Trăng lên khỏi núi gió đùa  
mây,  
« Thì anh nên nhớ người năm  
nợ

« Xưa đã cùng anh sống những  
ngày...

(Hàn-Mạc-Tử còn đang mơ-màng nghĩ tới Mộng-Cầm thì có tiếng nói ở ngoài. Hùng và Trọng ứa vào).

## Lớp XII

**Hùng** — Tụi tao đến tòa báo, đến nhà in, lại nhà xuất-bản không thấy mây đâu cả.

**Trọng** — Mây đi đâu về?

**Hàn-Mạc-Tử** — Đi Chợ-lớn.

**Hùng** — Đi Chợ-lớn với ai?

**Hàn-Mạc-Tử** — Vội tụi nhân-viên tòa-soạn.

**Trọng** (với Hùng) — Thấy không? Tao nói không sai mà ! (với Hàn-Mạc-Tử) Mấy thằng ở tòa-soạn kéo mây vào Chợ-lớn bắt khao phải không?

**Hàn-Mạc-Tử** — Thằng trước tụi nó mời tao ăn nên bữa nay tao phải mời lại.

**Trọng** — Mây mà ăn được của ai? Tụi nó ăn của mây thì có... Tiền mây mới lãnh còn hay hế?

**Hàn-Mạc-Tử** — Còn một ít, tao trả đỡ tiền cơm. Không trả, tụi nó không nấu cơm cho mình nữa.

**Hùng** — Nghĩa là hết, không còn đồng nào?

**Hàn-Mạc-Tử** — Hết.

**Trọng** (thất vọng) — Lúc này thằng cha Xôi lên đòi tiền. Nó cho hay tháng này không trả tiền phòng cho nó thì đi ở chỗ khác.

**Hàn-Mạc-Tử** — Mây đừng lo. Tao sẽ thầu tiền sách, trả cho thằng cha Xôi.

**Trọng** — Tao lại nhà sách rồi. Tập « Gái quê » của mây còn đọng lại cả đống, làm gì có tiền mà thầu... Trong trường-hợp này, chắc chúng mình mỗi đứa phải đi một ngả (đi lại, suy tính).

**Hùng** — Hàn-Mạc-Tử à !

**Hàn-Mạc-Tử** — Gì, mây?

**Hùng** — Tụi mình thiếu nợ nhiều quá rồi ! Thằng Trọng và tao lại đang thất nghiệp, chưa viết lách cho báo nào cả. Tao sẽ

đi ở chỗ khác để đỡ số-phi cho mây (xếp quần áo vào va-li nhỏ).

(Trọng cũng bước tới cuối phòng gói quần áo).

**Hàn-Mạc-Tử** — Tụi bây kiếm chuyện bỏ đi, hả? Tụi bay đi chỗ khác ở thì tao vẫn phải trả tiền phòng, tiền đèn.

**Trọng** — Nhưng đỡ cho mây tiền cơm, tiền cà-phê, tiền giặt ủi ..

**Hàn-Mạc-Tử** — Đáng là bao mà tụi bay kể ra cho to chuyện.

(Hùng, Trọng ôm đồ, xách va-li bước tới).

**Hàn-Mạc-Tử** (dừng lên) — Tụi bay đi thật à?

**Hùng** — (vỗ vai Hàn-Mạc-Tử) — Tụi tao đi, chừng nào có việc làm, tụi tao sẽ trở lại với mây (Hùng và Trọng vào).

(Hàn-Mạc-Tử quay lại, thấy hai người đã đi khuất nên ngồi xuống ghế, ôm đầu suy nghĩ).

Bỗng, có tiếng chân người chạy từ cầu thang lên. Chú Xôi, chủ nhà, hốt-tức bước ra).

## Lớp XIII

**Chú Xôi** (giọng người Tàu mới biết nói tiếng Việt) — Hà, mấy người không trả tiền phòng, tình dạn đi chỗ khác hả?

**Hàn-Mạc-Tử** — Tôi còn ở đây mà, dọn đi đâu?

**Chú Xôi** — Không dọn đi mà một người ôm đồ, một người xách va-li ra khỏi nhà ngõ?

**Hàn-Mạc-Tử** — Hai người ấy đi ở chỗ khác nhưng tôi còn ở đây.

Chú Xôi — Ê, làm vậy không có tốt ! Phải trả tiền ngô rồi đi đâu mới đi chớ !

Hàn Mạc-Tử (đứng lên) — Tiền phòng của chú, tôi sẽ trả. Tôi còn ở đây. Chú đừng lo.

Chú Xôi — Không lo sao được ! Máy người tính lường gạt ngô không trả tiền phòng cho ngô phải không ? Hừ ! làm vậy không được với ngô đâu ! Thôi, để ngô giữ cái va-li này (xách va-li lớn). Chừng nào trả tiền ngô, ngô sẽ đưa va-li lại cho (xách va-li vào).

(Hàn-Mạc-Tử ngao-ngán tựa lưng vào tường. Một lát sau, có tiếng gọi của Mộng Cầm: « Anh Hàn Mạc-Tử à ! », Mộng-Cầm bước ra).

#### LỚP XIV

Mộng Cầm (mừng rỡ) — Anh còn ở nhà, may quá ! Kia, có việc gì mà anh buồn thế ?

Hàn-Mạc-Tử — Không. Không có việc gì cả (ngồi xuống ghế).

Mộng Cầm — Anh à, chị Bích-Liên không đi Phan-thiết nữa, thành ra dư một vé. Anh đi Phan-thiết nữa, với em đi. Không có

chị Bích Liên, chúng ta sẽ tự-đo hơn. Để em sửa-soạn hành-lý cho anh. (bước tới rồi, ngạc-nhiên hỏi :) Hai cái va-li ở đây đâu rồi, anh ?

Hàn-Mạc-Tử — Anh Hùng và.. anh Trọng lấy đi rồi.

Mộng Cầm — Các anh ấy lấy va-li làm gì ?

Hàn-Mạc-Tử — Hình như họ đi Long-hải, Vũng-tàu thì phải.

Mộng-Cầm — Đấy, các anh ấy đi nghĩ mát mà anh thì cứ thui-thủi ở nhà một mình. Thôi, đi Phan-thiết với em.

(Hàn-Mạc-Tử lưỡng-lự).

Mộng-Cầm — Đi, anh. (cầm tay Hàn-Mạc-Tử lôi dậy).

Hàn Mạc-Tử — Để anh lấy cái áo đã.

Mộng-Cầm (chạy đi lấy áo) — Áo của anh đây. Đi anh !

Hàn-Mạc-Tử — Còn cái mũ nữa.

Mộng-Cầm — (chạy đi lấy) — Mũ của anh đây (đội lên đầu Hàn-Mạc-Tử). Mau lên anh, kéo xe chạy (lôi Hàn-Mạc-Tử vào) (Màn hạ thật mau).

(Còn nữa)

### ★ HAI CỤC XẤU KẾT HÔN...

Thi-sĩ Pháp Alfred de Musset cho rằng: Người đàn ông nào cũng đều bất thường, giả dối, kiêu căng, khiếp nhược, đạo đức giả đáng khinh hiếu sắc. Người đàn bà nào cũng xảo trá, khoe khoang, tò mò tọc mạch, hời hợt bề ngoài. Tuy nhiên ở đời có một việc thật lạ lùng và hết sức vô lý là sự kết hợp hai "trạng thái" đầy những tật xấu nói trên !



# NGU'Ò'I

# ĐẦU BÉP



G. Boccace là một trong ba văn hào vĩ đại nhất của Ý-đại-Lợi ở thế kỷ XIV (Sau Dante và Pétrarque).

Ông sinh năm 1313 tại Paris, mẹ là người Pháp, cha là một thương gia khá-giả người Ý đại-Lợi. Từ nhỏ, ông đã có khiếu văn-chương, lớn lên ông được cha cho học nghề với một thương gia ở Florence.

Năm 1340 ông được cha gọi về Naples, và ở đây, ông hoàn thành tác phẩm DÉCAMERON một trong những kiệt tác của nền văn học Ý, gồm những mẫu chuyện nho nhỏ rất khôi hoạt và ý-vị.

Ông mất năm 1375 tại Certaldo.

Sau đây là một truyện viết phỏng theo danh phẩm « Décaméron ».

NGUYỄN-THU-MINH

Ở FLORENCE không mấy ai mà không biết đến ông Conrard, con người có những sở thích lạ-lùng bậc nhất. Nhưng, điểm đáng chú ý hơn cả là ông ta thích chó và chim một cách kỳ lạ.

Nhân một ngày đầu xuân, mát

mẽ, tạnh ráo, rồi rảnh ông bèn nghĩ đến thú đi săn trong rừng rậm, đuổi theo những con chim ưng thì không gì thích bằng.

Cuộc săn đuổi bắt đầu, vào lúc trời tờ mờ sáng. Sương lam còn đọng trên các đợt cây, ngọn cỏ.

Khi đến gần lạng Perctola, thì

Ông ta bắt được một con hạc khá lớn.

Nhìn con hạc to béo, ông Conrard lấy làm khoái trí vô-cùng, bèn vội vã trở về nhà. Chưa kịp đặt chân vào cửa, ông ta đã gọi rối rít :

— Quinquibio ! Quinquibio !  
Mày đâu rồi ?

Nghe tiếng gọi, anh ta vừa da vừa ngo-ngợ, ngác ngác chạy ra vát mặt nhìn ông Conrard, cười hề-hề.

Ông Conrard tươi cười trao con hạc cho Quinquibio và bảo :

— Mày đem vào làm thịt con hạc này cho tao, dùng vào bữa tiệc đầu xuân chiều nay.

Quinquibio dạ rồi đỡ lấy con hạc xách vào, cười toe-toét đưa cả mấy cái răng trắng phếu.

Quinquibio là tên anh đầu bếp. Anh ta có tiếng là một thằng ngốc-nghech hạng nhất vùng. Trong khi đang nướng con hạc, mùi thơm của thịt tỏa ra ngào ngạt, lan sang tận nhà một thiếu nữ ở kế cận. Người thấy mùi thơm, cô ta liền chạy sang, tìm đến nhà bếp, gặp Quinquibio đang ngồi nướng thịt, cô ta vui cười nhìn Quinquibio và kéo nài xin anh ta một miếng thịt hạc cho kỳ được mời nghe.

Ngắm cô láng giềng « xinh như mộng » lòng cũng cảm thấy nao nao. Nhất là cái miệng cười duyên rất dễ thương.

Nên sau một hồi lưỡng lự anh ta cảm lòng không đậu và cũng muốn làm đẹp lòng mỹ nhân, bèn

lấy dao cắt ngay một đùi hạc hiến dâng cho trọn lòng.

Không ngờ bữa tối ấy, ông Conrard lại có tiệc tùng rất long trọng. Khách khứa đến dự rất đông.

Và lẽ cố nhiên, con hạc được ông Conrard đem ra đãi khách. Rủi thay, con hạc được dọn lên bàn tiệc chỉ còn một đùi. Một trong những người khách thấy vậy lấy làm lạ hỏi.

Ông Conrard bực tức, bèn gọi Quinquibio — người đầu bếp — lên hỏi cho vỡ lẽ.

Quinquibio vốn là một thằng ngốc lại thêm có cái tánh nói láo « một cây », nhìn con hạc còn một chân liền liều lĩnh nói bướng :

— Dạ thưa ông, tất cả các loài hạc đều chỉ có một chân thôi ạ.

Ông Conrard liền tròn mắt định quát thì anh ta đã nói tiếp :

— Thưa ông, những điều con nói ra với ông đều là sự thực một trăm phần trăm. Nếu ông còn nghi ngờ điều gì con xin sẵn sàng đưa ông đi xem những con hạc còn sống sẽ rõ.

Tất cả khách khứa nghe Quinquibio nói vậy, đều cười rộ lên.

Riêng ông Conrard, vì không muốn làm lớn chuyện giữa bữa tiệc vui đầu xuân và trước mặt những quan khách, ông mời trả lời cho qua chuyện :

— Thẳng nhãi ranh, cắt ngay đi !

Quinquibio há miệng định giải thích lần nữa, nhưng ông Conrard đã quát :

— Mày có cắt đi không, còn đứng đờ cái vớì tao nữa à ? Ngày mai, tao sẽ đi với mày rồi biết. Bây giờ để yên câu chuyện này đã.

Ngày hôm sau, mới hừng sáng, ông Conrard đã thức dậy vì vẫn còn tức giận tinh lão lếu của Quinquibio tối qua. Ông ta liền thẳng yên ngựa đi và cũng không quên buộc thẳng đầu bếp của ông đi ngựa theo sau.

Cả hai đi đến một bờ suối nọ, mà người ta thường thấy chim hạc đậu nhiều nhất.

Bình minh cũng vừa lên ở chân trời.

Ông Conrard nhìn Quinquibio bảo :

— Mày sẽ rõ tao hay mày nói có lý.

Quinquibio sợ sệt làm thinh, ông Conrard lại nói :

— Tao sẽ làm cho mày nhớ mãi để bỏ cái tinh ương ngạnh và ngu xuẩn của mày đi mời được.

Thấy ông chủ vẫn chưa nguôi cơn giận hăm dọa mãi, anh ta định tầu thoát luôn.

Nhưng khi nhón nhác nhìn quanh, anh ta bỗng thấy ở gần bờ suối, một bầy hạc độ vài ba chục con, mà tất cả chúng đều đứng có một chân — vì thói thường khi hạc ngủ — Anh ta liền chỉ cho ông chủ vừa nói một cách khoái trí :

— Thưa ông, cái gì con nói hôm qua toàn là đúng sự thực. Xin ông nhìn những con hạc đứng ở bờ suối kia, chúng nó chỉ có một chân !

Ông Conrard tròn mắt :

— Tao sẽ làm cho mày thấy nở có hai chân. Hãy chờ tao một tí rồi xem.

Lão nói xong, vội tiến đến gần chỗ mấy con hạc bèn la lên :

— Hu ! Hu ! Hu !

Nghe tiếng động, bầy hạc đều thức giấc và hạ chân kia xuống, rồi vụt bay lên trời.

Lão bèn chỉ cho thẳng Quinquibio, nói lòng đầy hậm hực :

— Mày, đã sáng mắt chưa ? Đồ xỏ lá ! Liệu bây giờ mày còn nói gì nữa không, mày đã thấy hạc có mấy chân ?

Quinquibio nhanh nhẹn đáp :

— Dạ, dạ, dạ thưa ông, tại vì hôm qua ông không la : « Hu ! Hu ! Hu ! ». Nếu mà ông la lớn như vậy, con hạc hôm qua sẽ thò chân khác ra nữa như mấy con hạc hôm nay.

Câu trả lời ngây ngô này cũng khiến cho lão Conrard bật cười như nắc nẻ và bỗng hết giận tên đầu bếp ngốc-nghech của lão :

— Mày nói có lý Quinquibio ạ, phải chỉ tao làm như mày nói.

Rồi ông vỗ vai Quinquibio nói :

— Thôi, mày lo liệu trở về nhà mà nấu ăn cho rồi ! Tao sẽ thư lỗi cho mày, nhưng lần sau không được thế nữa nghe không !

Ánh nắng xuân lan tràn trên vạt vạt.

Suối dỗi, cây cỏ tươi tốt, địa mạt quá ! Giữa núi rừng tĩnh mịch ông Conrard và thẳng Quinquibio đang tươi cười quay ngựa trở về.

# THƠ NGOẠI-QUỐC

**TÌEU SỬ :** Robert Burns sinh năm 1759 tại Ayrshire (Tô-cách-lan) và mất năm 1796.

Ông là con của một người nhà quê Tô-cá-h-lan ; lớn lên, ông làm tá-điền và thi-sĩ, song ông làm thơ thành-công hơn nuôi cừu, trồng rau.

Ước vọng duy nhất của ông hồi trẻ là kiếm được chút ít tiền để sang ở Mỹ-quốc. Nhưng khi ông xuất bản thi tập đầu tay để thực hiện ước vọng ấy, thành-công rực rỡ tới nỗi ông bỏ ý-định ấy để ở tại quê nhà tiếp tục làm thơ và hưởng thụ danh vọng, tiền tài.

Đời ông có nhiều điềm rất giống nhà văn Villon của Pháp, Robert Burns chết yểu đang lúc mới 37.

Thi-phẩm đã làm ông bất hủ là : Poems, chiefly in the Scottish dialect (1786).

Ông là tác-giả bài « Duld Lang Syne », bài ca lễng danh khắp thế-giới mà mọi người đều dùng trong những buổi chia tay giả biệt.



## My luvè is like a red, red rose

O my Luvè is like a red, red rose  
That's newly sprung in June :  
O my Luvè is like the melodie  
That's sweetly play'd in tune.

As fair art thou, my bonnie lass,  
So deep in luvè am I :  
And I will luvè thee still, my Dear,  
Till a' the seas gang dry :

Till a' the seas gang dry, my Dear,  
And the rocks melt wi' the sun ;  
And I will luvè thee still, my Dear,  
While the sands o' life shall run.

And fare thee weel, my only Luvè !  
And fare thee weel a while !  
And I will come again, my Luvè,  
Tho' it were ten thousand mile !

ROBERT BURNS

## Tình nhân của tôi như đóa hồng đỏ thắm

Em anh ; đóa hồng đỏ thắm

Mới vừa chớm nở giữa năm

Em anh là một giai điệu

Mà hài-âm lâu hòa theo điệu-dàng

Em xinh bấy nhiêu,

Anh yêu

Em chừng ấy,

Nàng tiên ơi !

Anh sẽ yêu em

Đến lúc đại-dương đều khô cạn !

Đến lúc đại-dương đều khô-cạn  
Người yêu của tôi ơi !

Và đến lúc đá chảy dưới ánh trời  
Anh sẽ vẫn yêu em, em ơi !  
Khi mà sa lậu của cuộc đời sẽ  
chảy mãi.

Giữ biệt em nhé !

Người yêu độc đáo của anh !

Giả nhau ít lâu

(Thôi đừng âu sầu)

Anh sẽ về, em ạ

Đâu cách xa vạn lý !

HOÀNG-LONG dịch

## \* KHÔNG PHẢI CHÁNH HIỆU CON NAI.

Tài-tử Fernandel, vua Hề-ci-nê của Pháp, thủ vai « Đồn Ca-mi-dô », trong một cuộn phim đang khi hóa-trang một vị linh mục, thì bị một em bé hắt gặp và xin làm phép.

— Không, em ơi, tôi không phải là linh mục thật.

— Thì xin ông làm phép cho con búp-bê của tôi vậy !

## \* TẮM BĂNG YẾT THỊ ĐẦY Ý NGHĨA.

Trong một khách-sạn lớn tại Sài-gòn, viên quân-lý để trên tấm băng yết thị những dòng : « Cấm hút thuốc. Quý ông hãy tưởng-tượng đến đám cháy ghê-hồn tại Gia-Định hồi 1950 ». Một kẻ nghịch-ngợm để thêm : « Cấm khạc nhổ. Quý ông hãy tưởng-tượng đến sự ngập lụt tại sông Hồng-Hà ».

## \* TÓC TRẮNG RÂU ĐEN.

Một ông già lối 70 tuổi rất tự hào có một bộ râu thật đẹp.

Ông đang dùng café trong một tiệm nước thì một em bé chạy đến hỏi :

— Ông ơi ! Tại sao tóc ông đã bạc mà râu ông vẫn còn đen ?

Suy-nghĩ một lát ông già vuốt râu và trả lời :

— Râu ông màu đen vì nó mọc sau mái tóc đến 20 năm !



(Tiếp theo P. T. số 5)

# NON NƯỚC MIỀN NAM

**CỬA THÁI VĂN KIỂM**

## **Cà-mau — Rạch-giá**

**@** HÚNG ta tiến về Nam là Cà-mau (Tuk Khmau : nước đen) nay gọi là Quận-Long, tỉnh lỵ của tỉnh An-Xuyên. Đi về phía tây là Rạch-Giá (Kramoua-sa : sấp trắng). Từ Rạch-Giá đến Long-Xuyên có kênh Thoại Hà nối liền, do Thoại-ngọc Hầu cho đào năm 1815 với 1500 dân công. Rạch Giá do Mạc-Cửu sáp nhập vào phong ấp Hà-tiên năm 1715, thời chúa Nguyễn - phúc - Chu. Đến khi Nam Bộ bị Pháp chiếm đóng, có chiến sĩ Nguyễn trung-Trực dấy binh lấy được đồn Pháp đóng tại Rạch Giá trong đêm 16-6-1863.

Rạch Giá sản xuất nhiều gỗ,

mật và sáp ong, lông chim « bở nong » dùng để làm quạt. Tại Rạch-Giá, khách du lịch có thể chiêm ngưỡng chùa Tam-Bửu, xây từ đời Gia-Long, có tượng Phật cao 3 thước.

## **Cần-thơ — Long-xuyên Châu-đốc — Hà-tiên**

Trở về miền Hậu-giang, chúng ta đến Cần-Thơ (chuyên cần về thi thơ?) thường gọi là *Táy Đót*, nay đổi ra tỉnh Phong Dinh, rồi đến Thổ-Nốt (Thnot : cây dừa đường, *Borassus flabellifer* L.) Long-Xuyên (sông rồng) và Châu-Đốc. Ngày nay, Long Xuyên và Châu Đốc hợp thành tỉnh An-Giang. Từ Long Xuyên có kênh Thoại-Hà nối liền với Rạch Giá.

Kênh này đã được vét sâu năm 1918, nó chạy dưới chân núi Sập (cao 86 thước). Ở đây có đền thờ Thoại ngọc Hầu, tước Nguyễn-văn Thoại (1762-1829), quê quán huyện Diên-phước, tỉnh Quảng-Nam, theo phò Nguyễn-Ánh từ năm 1777 đến năm 1787, được lên chức Khâm-sai thống binh cai cơ Đê biểu dương công trạng, vua Gia-Long đã cho đổi tên kênh Long Xuyên là « Thoại Hà », còn *Núi-Sập* thì đổi ra « Thoại sơn » và phong cho Thoại lên chức Thống chế.

Cũng ở trong vùng này có nông trường *Cái-Sắn*, có núi *Ba-Thê* (cao 210 thước), trong núi có nhiều động kỳ lạ. Các nhà khảo-cổ có tìm thấy nhiều cổ vật bằng đá, và năm 1912, có đảo được một tượng đá thần Vishnu dài 3 thước 35, sau đem thờ trong đền làng Vọng Thê. Cũng tại nơi này, trường Viễn-Đông Bác Cổ hồi tiền-chiến đã đào thấy một thành phố xưa bị lấp vùi, thành *Óc-Eo*, một hải cảng của xứ Phù-Nam là một nước đã xuất hiện ở Đông Nam Á. từ thế-kỷ thứ 1 đến giữa thế-kỷ thứ VI.

Châu Đốc nằm phía tây mặt Hậu-giang tức là Bassac hồi đời Gia Long là tỉnh lỵ của tỉnh An Giang. Miền này có trồng hai thứ lúa : lúa mùa và lúa xạ (*riz flottant*). Từ Châu Đốc ngó về phía bắc là *Đông Tháp-Mười* (cánh đồng có cỏ tháp tên là Tháp Mười) và *Cao-Lân* nay hợp lại thành tỉnh Kiến Phong. Từ năm 1945, Đông Tháp Mười là một

chiến khu lừng danh, thường gọi là bưng (bưng biển); các chiến sĩ phải sống chật vật trong vồng khói lửa, nhưng may thay :

**Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng,  
Về bưng ăn cá về đồng ăn cua !**

Từ *Châu-Đốc* về *Hà-Tiên*, chúng ta sẽ gặp ngọn núi *Sam* (cao 237 thước) có ngôi chùa rất đẹp. Dưới chân núi có ngôi mộ của Thoại-ngọc-Hầu và phu nhân, rồi đến *Thất-Son*, *Bửu-Son*, có tu-viện Phật-giáo Nam-Tôn (Hinayana); nhìn về phía tây dọc theo biên giới Cao Miên có kênh *Vĩnh-Tế*, nối liền sông Cửu Long với Hà-Tiên dài 72 cây số, rộng 20 thước, có hai thủy môn (écluses) ở *Vĩnh lạc* và *Vĩnh gia* làm cho ghe thuyền đi lại được quanh năm. Kênh này do Nguyễn-văn-Thoại trấn thủ *Vĩnh-Thành* (*Vĩnh-Long*), và lãnh binh Phan-văn-Tuyên đốc-xuất 10 ngàn dân và 500 binh đào từ đầu năm 1819 đến tháng tư năm 1820 mới xong. Hai chữ *Vĩnh-Tế* là tên Thoại-ngọc Hầu phu nhân (*Châu-vĩnh-thị-Tế*).

*Hà-Tiên* (ông tiên của sông) là một hải-cảng ở cuối kênh *Vĩnh-Tế*. Sử chép rằng : Năm 1713, Mạc-Cửu quê quán ở *Lôi-châu*, sống một cuộc đời phiêu-lưu, đã đến lập ấp nơi này và đến năm 1714, thì xin Chúa Nguyễn được sáp nhập vào Việt-Nam. Chúa Nguyễn mới đặt ra trấn Hà-tiên. Năm 1736, Mạc-Cửu mất, giao lại cơ-đồ cho con là Mạc-thiên-Tử, cũng được triều-



đình Huế chấp thuận và phong ấp. Đến năm 1798, họ Mạc tiết-tự và đất Hà-Tiên đương nhiên đặt dưới sự cai-trị trực-tiếp của triều-đình Huế.

Ngay tại tỉnh lỵ, trong hang đá có ao sen, chứa nước mưa cho dân chúng. Trên bờ có đền thờ và làng-tâm họ Mạc, do vua Gia-Long truyền xây năm 1806, và ban cho 53 người thủ-tự.

Hà-Tiên phong cảnh rất xinh, như núi *Tô-Châu* ngay ở cửa biển :

Ngó qua bên núi Tô-Châu.

Thấy em gánh nước trên đầu  
cài trâm.

Về phía bắc có núi *Địa-Tạng* có đền thờ vua Địa Tạng; núi *Vân-Sơn*, dưới chân núi có chùa *Bạch Vân*. Cách Hà-Tiên 3 cây số có *Thạch Động*, hang sâu và cao 82 thước, trong động có *Chùa Hang* thờ Phật. Ngày xưa có sư Huỳnh-Long từ Qui-Nhơn vào tham-thiền và diệt tịch ở đây; di cốt còn thờ trong một *Bạch-tháp* có 7 cấp.

Từ Hà-Tiên về hướng đông chừng 30 cây số, dọc theo bờ biển có *Hòn-Chông*, có động *Chùa Hang* thờ hai tượng Phật lớn tạc hình từ thế-kỷ XIV. Sản-phẩm đặc-biệt nhất nơi này là trứng nhận, làm đề tài cho nhiều câu hát giao duyên :

— Tháng ba cớm gói ra hòn  
Muốn ăn trứng nhận phải lòn  
hang Mai  
Mặc tình ai để ép ai

Muốn ăn trứng nhận hang Mai  
phải lòn.

— Hang Mai anh cũng muốn lòn  
Sợ rằng trứng nhận chỉ còn vỏ  
không !

✱

Đến đây, chúng ta đã rảo bước gần khắp lục-địa miền Nam nước Việt. Bây giờ chúng ta hãy thuê một chiếc ghe bầu đi viếng các hòn đảo thuộc chủ quyền nước Việt-Nam.

Chúng tôi xin nhắc lại rằng chữ « *hòn* » là tiếng Việt, « *đảo* » là tiếng Trung-Hoa, « *cù lao* » (kulau) là tiếng Chăm, « *poulo* » là tiếng Mã-lai, « *kok* » là tiếng Miên, có nghĩa hòn đảo. Và cũng xin thêm rằng ở trong Nam thì « *hòn* » ở ngoài biển, « *cù lao* » ở trong sông; còn ở ngoài Trung, Bắc, không có sự phân biệt ấy và « *hòn* » có thể là hòn núi (như Hòn Vọng-Phu).

Từ Hà-Tiên, chúng ta viếng đảo *Phủ-quốc* (Kok Tral : hòn đảo cái thoi) quận-lỵ là *Dương-Đông*, nơi sản-xuất nước mắm cá cơm (sốc tiêu) ngon nhất thế giới.

Dong buồm chạy về hướng đông, chúng ta đến *Poulo Condor* (Poulo : đảo ; Condor : bầu bì) mà Marco Polo gọi là *Sondur*, người Trung Hoa gọi là *Côn-lôn* đảo (1285) và người Việt gọi là *Côn-nôn* hay là *Côn-son*.

Từ đó chúng ta dong buồm ghé vào *Vũng-Tàu* mà người Tây phương gọi là *Cap Saint Jacques*

vì ngày xưa các thủy-thủ Tây-phương có tìm thấy nơi này nhiều thứ sò lớn gọi là « *coquille Saint Jacques* ». Ngày nay, *Vũng-Tàu*, *Bà-Rịa* và *Hoàng-Sa* (quần đảo Spratley) hợp thành tỉnh *Phước-Tay* mà tỉnh lỵ là *Phước-Lễ* (Bà-Rịa). Nhân đây, chúng ta xác nhận lại rằng quần-đảo *Tây-Sa* (Paracels) và *Hoàng-Sa* (Spratley) là lãnh-thổ Việt-Nam từ đời G a-Long. Hai hòn đảo này có ghi rõ trong bản đồ « *Hoàng-Việt Địa-Dư* » lập năm Minh-Mạng thứ XIV (1834) và chúng ta cũng đã long trọng xác nhận chủ quyền của ta trên hai quần-đảo ấy tại Hội nghị San Francisco (tháng 7 năm 1951).

Đặt chân lên *Vũng-Tàu* là chúng ta đã kết thúc một cuộc viễn-du kỳ thú khắp sông núi miền Nam. Cuộc viễn-du ấy kéo dài hàng mấy nghìn cây số trên dãy non sông gấm vóc đã trải mấy nghìn năm lịch-sử.

Đứng về phương diện *hình-thả-học* (morphologie), chúng ta nhận thấy những địa danh trên lãnh-thổ Việt-Nam có hai loại — một loại có tính cách bình-dân và một loại có tính cách văn-chương. Những địa danh bình-dân thường lấy cây-cối, núi sông, chim-muông, cầm-thú và những nhân-vật có uy-tín trong làng nước để đặt tên cho miền ấy. Còn những địa danh văn-hoa thì phần nhiều do nhà cầm quyền và các bậc trí thức đặt ra, với những danh từ Hoa-Việt bao hàm những ý nghĩa thanh cao,

tỏ rõ nguyện vọng an-cư lạc-nghiệp, hòa-bình, thịnh-vượng.

Đứng về phương diện *phát-âm* (phonétique), những địa danh Việt Nam nói chung phần nhiều có tính cách quốc tế. Ngoài những danh-từ hoàn-toàn Việt-Nam đã đành, chúng ta nhận thấy có một số lớn địa danh bắt nguồn gốc ở những danh từ Trung-Hoa, Chiêm-Thành, Chân-Lạp, Mã-Lai, Lào, Nhật-Bản, Bồ-đào-Nha, Pháp-lan-Tây, Y-phá-Nho, v.v. Là vì nước ta từ xưa đến nay vẫn là miền di-dân của các dân-tộc từ lục-địa tràn xuống và từ các hải-đảo miền Nam vượt lên. Các làn sóng người đã kế-tếp nhau sinh sống trên bán đảo Đông Dương, các quốc-gia ẩn-hiện trên bản-đồ thế-giới, theo hai định-luật thông-thường là sanh tồn cạnh tranh và tự nhiên đào-thải.

✱

**Bổ-túc.** Xin ghi thêm hai tài-liệu bổ-túc sau đây :

### ✱ Tỉnh Quảng-Nam :

Nhân nói đến Tỉnh *Quảng-Nam* là nơi đã xuất phát nhiều nhà cách-mạng và nhiều bậc đại-khoa, chúng tôi thiết tưởng nên nhắc lại bốn chữ « **NGŨ PHỤNG TÊ PHI** » mà vua Thành-Thái đã ban cho năm *Vị* quê quán ở tỉnh *Quảng-Nam* trong số 18 *Vị* đã chiến bãng vàng về kỳ thi Hội năm *Mậu-Tuất* (1898) là các Ông :

PHẠM LIỆU      Tiến - Sĩ  
 (Duy-Xuyên)  
 PHAN QUANG    Tiến-Sĩ  
 (Quế-Sơn)  
 PHẠM TUẤN      Tiến-Sĩ  
 (Duy-Xuyên)  
 NGÔ LÝ           Phó-Bảng  
 (Điện-Bàn)  
 . . . . . CHUẨN Phó Bảng (?)

Ngoài ra, tỉnh Quảng-Nam còn có 4 nhân-sĩ nổi danh về thi, phú là:

Nhứt LIỆU (PHẠM LIỆU)  
 Nhi HANH (HUỲNH THỨC KHÁNG)  
 Tam HOÀNH (VÕ HOÀNH)  
 Tử HIẾN (NGUYỄN ĐÌNH HIẾN)

**\* TỈNH PHÚ YÊN.**

Về phía Đông Nam phủ Tuy-Hòa, có núi Thạch-bì, cao 708 thước; Quốc-sơ đời Vua Trần Duệ-Tôn năm Tân - Mão (1375) núi này bị sét đánh, đá trắng cả, ở xa trông hình như đá vôi.

**\* ĐẶT TÊN CON**

Có một gia-đình mới dọn lại ở gần nhà tôi. Một bữa trưa, 1 người đàn ông còn trẻ ra ngoài đường và, sau khi dòm các phía, liền la thật lớn:

— Dông ! Dông ơi !

Cách vài giây sau anh lại la tiếp :

— Hùng ! Hùng ơi !

Không thấy trả lời, anh lại bắt đầu la nữa :

— Hoàng, Hoàng ơi !

Lấy làm la tội chạy ra bôi anh ấy :

Bộ con anh đi lạc à ! sao anh la như chết chìm tàu vậy.

Mim cười. Người đàn ông trả lời :

— Không, không anh lầm rồi, hôm qua đưa con đầu lòng tôi vừa mới lọt lòng. Sở dĩ tôi la lớn vì tôi muốn nghe coi tên nào hay đang đặt cho con tôi !

vua khiến quan cầu đảo. Núi này nhiều ác thú, ít người đã đến. Sách *Thủy-Lục-Trình-chi* của Trần - công - Hiến chép : « Núi này có một chi chạy đến sát biển chia ra hai ngọn nước, cây cỏ cũng chia rẽ làm hai, có hai hòn đá lớn, xây đầu về hướng đông như hình người vậy. Xưa Vua Lê - Thánh - Tôn đi đánh Chiêm Thành ngang qua núi này ngài bùi - ngùi than rằng : Trời đất khai tịch đã chia cảnh - khổ phân minh, kia (chỉ Chiêm-Thành) nghịch ý trời nên mắc phải thiên-họa. Nhân đó ngài khắc chữ lên trên hòn đá »

Sách *Địa dư chí* của Lê quang-Định chép : Vua Thánh-Tôn nam chinh mở đất đến đây, nên ở trên chót núi chỗ vách đá có khắc chữ đề phân giới-hạn với Chiêm-Thành. Nay hiện còn, như g chữ bị sức mẽ lở loét không nhận hiện được. (*Theo Đại-Nam nhất thống chí*)



**Percy Bysshe  
 SHELLEY**

*Oh! lift me as a wave, a leaf, a cloud!  
 I fall upon the thorns of life! I bleed!*

Shelley.

Gió Tây hỡi ! nâng ta như đợt sóng,  
 Như làn mây, như chiếc lá. Lâu rồi  
 Ta đã ngã trên gai đời cuộc sống  
 Và gai đời làm chảy máu, người ơi!



MẤY câu thơ trên đây, trích trong « Ode to the west wind » (Nhấn gió tây) cho ta thấy hồn thơ của nhà đại thi-hào

Anh-quốc : Percy Bysshe Shelley. Thiên nhiên, với gió, với mây, với đêm trăng, với bóng chiều, đã cùng Shelley cảm-thông và biến Shelley thành một cây đàn để gảy lên « cung đàn thầm lặng và buồn bã của nhân-loại »

(The still and sad music of humanity). Trong những lúc đó, Shelley xứng đáng là « thi-sĩ của những thi sĩ » như nhiều nhà phê bình đã tặng chàng. Nhưng trong những lúc khác, cùng với Byron, Shelley lại muốn vùng lên phá tan những cơ-cấu xã-hội, đã-phá tôn giáo, xây dựng một thế-giới mới theo mộng tưởng của mình.

Thơ chàng, cũng như đời chàng, chia ra làm hai phần rõ-rệt.

Lúc đầu, Shelley cuồng-nhiệt trong việc cải cách xã-hội, muốn thực-hiện trong nháy mắt những ước vọng của mình. Hầu hết những tập thơ trường-thiên của chàng được viết trong khi chàng mang tâm trạng đó, như Queen Mab, The Revolt of Islam, Hellas và The Witch of Atlas.

**TẠ KỸ và  
 CAO HUY THUẬN**

Trái lại, trong những tập thơ Alastor, Adonais và trong những bài thơ trữ tình nổi tiếng của chàng, Shelley là một anh chàng lang-thang trong một ảo-mộng nhưng đẹp đẽ, một anh chàng mơ hồ, luôn luôn âu sầu và không bao giờ được thỏa mãn.

**ĐỜI SỐNG của Shelley.**

Thi-nhân là người thường có những ảo-mộng. Có người đắm

minh trong ảo mộng và cảm thấy sung sướng. Có người tích cực hơn, muốn thực - hiện lý tưởng đã tìm thấy trong ảo - mộng đó. Nhưng Shelley lại hơn thế nữa. Chàng muốn đập đổ tất cả những định-chế của nhân loại xây - dựng từ bao thế kỷ, chỉ vì những định-chế đó khiến giấc mộng chàng không thực hiện được, chỉ vì chàng không thể nào hòa mình sống với mọi người trong một xã hội như xã hội đương thời.

Shelley sinh tại Field Place, gần Horsham, ở Sussex ngày 4 tháng 8 năm 1792 trong một gia-đình quý tộc. Từ thuở nhỏ chàng đã sống trong một thế giới mộng tưởng. Những con rồng, những sinh vật không đầu mà chàng tin rằng có thật trong khu rừng lân-cận, vẫn ám ảnh chàng và mấy người chị của chàng :

*« While yet a boy, I sought  
for ghosts, and sped  
Through many a listening  
chamber, cave and ruin,  
And starlight wood, with fearful  
steps pursuing  
Hopes of high talk with the  
departed dead »*

(Hymn to Intellectual Beauty)  
(Khi còn là một đứa bé, tôi đi tìm ma quỷ, và tôi chạy qua những căn phòng, những hầm hố, những hoang - tích và khu rừng mập mờ ánh sao, với những bước chân sợ hãi, hy vọng được nói chuyện với người chết).

Lần đầu tiên đi học, Shelley ưa chán ngán cái quan - niệm « thương cho roi, cho vọt » của thầy giáo. Lớp học đối với chàng hồi đó là một nơi địa-ngục, tù đày.

Năm 12 tuổi, Shelley vào trường Eton, một trường rất danh tiếng trong những Public Schools ở Anh. Ở đây chàng cảm thù cái thói « ma cũ ăn hiếp ma mới » của các cậu học sinh lớn ở các lớp trên. Ngay từ lúc đó chàng đã ghét sự chuyên-chế; chàng cam-đảm chống lại lối học - bợ (fagging system). Bọn học trò gọi chàng là « thằng khủng Shelley » (Mad Shelley) và hành-bạ chàng như một đàn chó vây quanh một con mèo, một con mèo nhỏ bé nhưng can-đảm, quyết chống cự đến phút cuối cùng.

Lớn lên, vào trường Đại-học Oxford, Shelley vẫn tiếp tục chống lại mọi hình thức áp-bức. Chàng đọc Hume và lập tức xuất-bản một quyển sách nhỏ nhan đề là « The Necessity of Atheism » (Sự cần thiết của chủ nghĩa vô thần). Vì quyển này, Shelley bị đuổi ra khỏi trường.

Năm 1813, Shelley cho xuất bản tập thơ đầu tiên: Queen Mab. Giọng thơ hãy còn non-nớt nhưng bông - bột, bộc - lộ được tấm lòng hăng-hái của một chàng thanh-niên muốn đả-phá tất cả mọi chế - độ của nhân-loại mà chàng cho là hư-hông: Chính-phủ, tôn-giáo, hôn nhân

v.v... Shelley chủ trương rằng chỉ có những gì mà giác-quan có thể cảm được hay cái gì có thể dùng lý-luận suy ra được từ những sự hiển - nhiên do giác-quan nhận thức, mới là có thật. Vì vậy, tin vào tôn-giáo là sai lầm... Shelley không tin ở sự hiện hữu của một đấng Tối cao. Hãy dẹp bỏ lòng tin đi, và phục hồi lại lý-trí; nhân-loại sẽ thoát được những chế độ và những phong-tục giả-tạo như chính-phủ, luật-lệ, tư-hữu, hôn-nhân v.v... và sẽ sống hạnh phúc trong tự-do.

Tư tưởng của Shelley đã quyến rũ được một cô gái 16 tuổi, Harriet Westbrook. Cô này cương quyết rời bỏ nhà trường và nhất định không chịu đi học lại. Dư luận hồi đó đả-kích Shelley kịch - liệt, riêng mình Harriet quyết tâm bảo vệ cho chàng. Hai người lấy nhau không cần phép của cha mẹ, chàng 19 tuổi và nàng mới 16.

Trong 2 năm, họ chu-du khắp nước Anh, Ái-nhĩ Lan, xứ Wales, sống bằng một món tiền trợ-cấp nhỏ của ông thân Shelley. (Ông đã truất quyền hưởng gia tài của chàng) Rồi họ xa nhau.

Shelley làm quen với Godwin, một tác-giả có đầu óc cách-mệnh, và chàng chịu rất nhiều ảnh hưởng của ông này. Chàng yêu một người con gái của ông ta, cô Mary, và cùng nàng đi Pháp. Hai năm sau, khi Harriet Westbrook tự trầm mình, chàng cưới Mary.

Năm 1817, tòa án từ chối không cho Shelley giữ hai đứa con của chàng với Harriet. Năm 1818 chàng rời quê hương, không bao giờ trở lại. Chàng qua Ý, sống tại Pisa, một nơi rất được nhiều thi-sĩ Anh ưa thích. Ở đây chàng gặp Byron, Hunt, Trelawney. Chàng vẫn thù ghét những chế-độ xã-hội ở Anh nhưng đời là một ông thầy xứng đáng nhất, nên về sau Shelley nhận thấy những sai lầm của mình. Mấy bài thơ cuối cùng của chàng nhiễm đầy giọng sầu muộn :

*« O world, o life, o time!  
On whose last steps I climb,  
Trembling at that where I had  
stood before;  
When will return the glory of  
your prime?  
No more — Oh, never more!  
Out of the day and night,  
A joy has taken flight;  
Frests Spring, and Summer, and  
Winter hoar,  
Move my faint heart with  
grief, but with delight  
No more — Oh, never more!  
(Alament, 1821)*

(Ôi thế-giới, ôi cuộc đời, ôi thời-gian, mà trên những nấc thang cuối-cùng ta vừa trèo vừa run-rẩy, chính chỗ trước đây ta đã đứng; bao giờ sự vinh-quang của tuổi trẻ sẽ trở lại? Không bao giờ, ôi, không bao giờ nữa.

Nguồn vui đã lìa bỏ ta suốt ngày đêm; mùa Xuân mát mẻ, mùa hạ và mùa đông tuyết trắng

chỉ gây phiền muộn cho lòng khô-héo của ta, chứ không còn gây sung sướng, chẳng bao giờ, ôi, chẳng bao giờ nữa).

Ngày 8 tháng 6 năm 1822, Shelley cùng với một người bạn chèo một chiếc thuyền con trên vịnh Lerici. Một trận bão thịnh-linh làm lật úp thuyền. Vài hôm sau, thi hài Shelley dạt vào bờ, và theo tục lệ Ý, được đốt ngay trên bãi bờ trước sự hiện diện của Trelawney, Leigh Hunt và Byron. Tro tàn được mang đến La Mã, chôn trong nghĩa-địa của đạo Tin Lành. Bên cạnh mộ Keats, bạn thơ của chàng.

### TÁC PHẨM CHÍNH CỦA SHELLEY

#### \* Alastor (1816)

Đây là một tập thơ tả một chàng «lý-tưởng» (idealist), đắm mình trong những ảo mộng đẹp đẽ và cố đem triết-lý của mình áp-dụng vào đời sống nhưng rồi phải chết trong thất vọng. Trong Alastor, ta thấy Shelley lang thang tìm kiếm người yêu trong mộng để thỏa mãn lòng yêu về Đẹp. Trong thi phẩm này, Shelley là nhà thơ của gió, của trăng, của tri tưởng tượng siêu-phàm. Những phong cảnh trong tập thơ phảng-phất phong cảnh một giấc mộng. Shelley viết tập này trong lúc thật chán-nản, sau một thời-gian

tranh-đấu. Vì vậy, Alastor có thể xem như một lời thú thật của thi-sĩ, không những thú thật sự thất bại của mình, mà còn muốn diễn-tả lòng hy-vọng bất diệt vào một cái gì tốt đẹp hơn sẽ đến.

#### \* The Cenci (1819)

Trong tập thơ dựa trên một câu chuyện cổ-tích nước Ý này, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất Shelley bàn đến một vấn đề thực tế. Nhân vật chính trong truyện, cô Béatrice, đau khổ vì có một ông cha vô-luân, cô bèn giết cha mình và cuối cùng cô chịu tử hình.

Béatrice là nhân vật độc nhất của Shelley có vẻ «người» nhất.

#### \* A defense of poetry (1821)

Đây là một tập khảo luận về thơ và về thi-sĩ. Theo Shelley, Thơ có một tác dụng luân lý gián-tiếp nhờ ở trí tưởng-tượng và ở lòng trắc-ân (sympathy) mà nếu không có, không có một thứ luân-lý nào có thể hiểu được. Tuy nhiên Thơ không thể là bài thuyết-giáo trực tiếp.

Khả năng của nhà thi-sĩ là trí tưởng tượng, nhờ đó nhà thơ «vén bức màn đã che mờ về đẹp của thế giới» và nhắc nhở cho ta rằng mọi vật bề ngoài tuy có vẻ có giới-hạn (finite) nhưng thực ra đều liên lạc với

cái Vô biên và Vĩnh Cửu (infinite and eternal). Cố nhiên Shelley đưa ra những hình ảnh lấy ở cuộc đời hiện-tại, nhưng không phải là những hình-ảnh mà mắt thường ta vẫn thấy. Chúng nó ở trong sự thật Vĩnh Cửu. Không có nhà thi-sĩ, sẽ không còn ai vén cho ta thấy những sự thật và những vật quý nhất trên đời — không ai hát cho ta nghe về đẹp của Thiên-Nhiên, của Tình Yêu, của lòng Ái quốc, của «những nỗi an-ủi chúng ta ở bên này và những hy-vọng của chúng ta ở bên kia năm mờ». Chỉ có thi-sĩ mới thật là người truyền giáo (prist) đứng đắn nhất vì chính người cho ta hiểu «cái thế-giới vô hình mà người ta gọi là tôn-giáo».

Nói tóm lại, từ một người duy-lý (rationalist) Shelley đã thành một người huyền-bí (mystic) và siêu-việt (transcendentalist).

#### \* Epipsychidion, Adonais (1821)

Viết tập Epipsychidion, Shelley đã rút cảm hứng ở một thiếu-nữ Ý, cô Emilia Viviani. Cô này bị nhốt vào nhà tu kín trái với ý muốn và Shelley đã tìm thấy ở người thiếu-nữ này người đàn bà lý-tưởng mà chàng vẫn hằng mong ước. Adonais là bài thơ dài nổi tiếng nhất của Shelley. Toàn bài là một tiếng thở dài náo nuột về cái chết của Keats. Cùng với bài Lycidas của Milton và In Memoriam của Tennyson, Adonais là một trong

ba bài bi-ca (elegy) hay nhất trong văn học sử Anh.

#### \* Prometheus Unbound (1818-1820)

Nhưng tác phẩm quan trọng nhất của Shelley là tập thơ Prometheus Unbound.

Như ta đã thấy, Shelley luôn luôn nuôi ý muốn «Cải-thiên lại thế-giới» (bài tựa tập Prometheus Unbound) Chàng đưa ra câu hỏi: Tại sao con người lại bị nô-lệ, và làm thế nào để giải-thoát khỏi cảnh nô-lệ đó?

Để giải-quyết vấn-đề, Shelley đã dựa vào một chuyện thần-thoại. Một nhà viết kịch trú danh ở Hy-lạp, Aeschylus, đã viết một vở kịch về Titan Prometheus, vị thần đã dạy cho loài người biết dùng lửa và khiến Zeus (Jupiter) tức giận. Prometheus bị hình phạt: trói vào một tảng đá. Và sau Prometheus giải-hòa với Zeus bằng cách tiết-lộ cho Zeus biết một mối nguy cơ đang đe-dọa triều-đình ông ta. Shelley không thích lối giải-hòa đó giữa một chiến-sĩ (champion) với một kẻ áp-chế nhân loại.

Khi vở kịch của Shelley mở màn, ta thấy Prometheus vì đã chửi rủa thậm tệ Zeus nên phải chịu cực-hình. Zeus bắt Prometheus tiết-lộ mối bí-mật đang đe-dọa triều-đình của mình, nhưng Prometheus nhứt định không nói, không chịu khuất phục cường quyền áp chế dù Zeus gia-tăng hình-phạt.

Trong lúc đó, tạt trong một thung-lũng xa xăm, nằg Asia, người yêu của Prometheus, sống ở đây. Nhận được tin của Prometheus, Asia đi tìm Demogorgon, một vị thần có sức mạnh hơn cả Zeus, chúa tể vùng Olympe. Nàng hỏi thăm số-phận của Prometheus và được Demogorgon cho biết rằng hai người sẽ sống trong hạnh-phúc. Sau đó, Zeus tự rước lấy thảm họa bằng cách cưới Thetis. Con của hai người là Hercule lật đổ vua cha và giải-thoát Prometheus. Tất cả các vị thần-linh của vũ trụ hát khúc âu-ca chào mừng sự tiêu diệt một chế-độ độc-tài và sự thắng trận của Tình yêu, của Tha Thứ.

Trong tập thơ của Shelley, Prometheus tượng trưng cho nhân loại, một nhân-loại đang bị hành hạ cực khổ bởi những chế độ vô lý được tượng trưng bằng Zeus (Jupiter) Demogorgon tượng-trung cho sự Cần-thiết (Necessity) và Asia là linh-hồn của Tình Yêu. Shelley đã mơ một thời-đại hoàng-kim không phải ở quá-khứ mà ở tương-lai.

Nếu ta so sánh Prometheus với Faust (của Goethe) và Cain (của Byron) ta sẽ thấy một điều dị-biệt lý thú: Trong khi nhân vật của Goethe thông-minh và tự-tin, nhân-vật của Byron khác-khổ (stoisic) và vô hy vọng thì Prometheus của Shelley lại nhân-nại chịu cực-linh, hy vọng một ngày mai xán-lạn.

Và Prometheus đã kết-hôn với

Tình Yêu để mắt đất có một giống người cao-cả lấy tình huynh-đệ thay thế cho những luật-lệ và ước-lệ (conventions) của xã-hội đương-thời. Đó là triết-lý của Shelley. Nhưng khi đọc tác-phẩm trên, người đọc ít để ý đến ý-nghĩa sâu xa đó mà chỉ say mê sự bông bột, sức tưởng-tượng siêu-phàm và nhất là nhạc-điệu kỳ-diệu của những vần thơ Shelley.

### \* Những bài thơ ngắn của Shelley

Prometheus Unbound là tác phẩm vĩ-đại nhất của Shelley. Tuy nhiên sự thành công của nó vẫn còn kém xa những bài thơ trữ tình của chàng. The Cloud, To a Skylark, Ode to the West Wind, To Night... là những bài thơ bất hủ trong văn học sử Anh.

Đọc những bài thơ trên, tự-nhiên ta nảy ra ý kiến so sánh Shelley với một nhà thơ lãng-mạn lớp trước: Wordsworth. Cả hai đều say mê thiên-nhiên, cả hai đều cho rằng những gì tự-nhiên mới là tượng trưng cho sự thật, cả hai đều thấy Thiên-Nhiên như thắm nhuần một linh-hồn sống-động. Nhưng trong khi Wordsworth tìm thấy một « linh-hồn của tự-tưởng » và vì vậy nhận-thức được sự cảm-thông giữa Thiên-Nhiên và con người; Shelley lại tìm thấy một « linh-hồn của Tình Yêu » nhưng linh-hồn này hiện-hữu vì nó, -chứ

không phải vì ai cả. Vì vậy « Đám mây » (the Cloud), « Gửi chim Sơn Ca » (to a skylark) và « Nhấn gió Tây » (Ode to the Westwind) ba bài thơ trong những bài thơ hay nhất của nước Anh không mang lại cho nhân-loại một sứ-mệnh nào rõ-ràng.

Trong bài « Hymn to Intellectual Beauty » Shelley giống Wordsworth nhất, nhưng trong bài « Sensitive Plant », nhờ sự tượng trưng và sức tưởng-tượng tế nhị nên Shelley không giống ai cả. Nếu ta so-sánh bài

« Lament » của Shelley với bài thơ nổi tiếng của Wordsworth « Intimations of Immortality » ta sẽ hiểu rõ hai tác-giả hơn; Cả hai bài đều gọi lại những kỷ-niệm êm đềm của thuở thiếu-thời, nhưng trong khi vẻ đẹp của bài trên chỉ làm cho ta buồn và thất-vọng, thì vẻ đẹp của bài dưới lại làm cho ta tin tưởng và tràn-trề hy-vọng. Nói tóm lại, trong Thiên-Nhiên, Shelley đã mất mình và Wordsworth đã tìm thấy mình.

Tạ Ký và Cao Huy Thuần

### \* KHÔN MÀ KHÔNG NGOAN

Một bà ăn-mặc sang trọng đang đi dạo phố thì một em bé chạy nhào đến vừa đưa tay vừa nói:

— Xin bà làm ơn cho cháu xin vài đồng để nuôi sống .. đứa em gái duy-mộ!

Động lòng, bà nọ liền mở bóp lấy tiền cho. Nhưng trước khi trao tiền cho thằng bé, hơi nghi ngờ, bà hỏi:

— Vậy chớ em gái duy-mầy đâu?

Thằng bé vội trả lời:

— Dạ nó đang đứng đọc báo chỗ sạp báo kia kia.

### \* CON CHIM BÒ CÀU TRẮNG

Tại nước Bỉ, dưới thời bị Đức quốc chiếm đóng, một em bé Bỉ dự cuộc diễn binh của quân đội Hitler. Đang lúc quân lính kéo cờ lên thì một con bò-câu trắng bay đến đậu trên cột cờ. Thằng bé vội vàng vỗ tay một cách cuồng-nhiệt. Lập tức một sĩ quan Đức đến cho thằng bé 100 marks (tiền Đức) và nói:

— Giỏi đấy bé! Lần sau tao sẽ cho mầy 100 marks nữa nếu mầy vỗ-tay như vậy;

Thằng bé trả lời:

— Nhưng mà tôi không biết rằng lần sau con chim bò câu trắng còn đến đậu trên cột cờ nữa không?



Kinh Phôi theo y-học cổ-thơ Tàu

Bác-sĩ  
**HOÀNG-MÔNG-LƯƠNG**

★ **Từ thời kỳ thạch khí đến thời kỳ nguyên tử:**



VỀ đời tối thượng cổ, đời Tam - Hoàng, Ngũ Đế, người ta dùng kim đá để châm; đá ấy là loại đá cứng, đá lửa

# Phép Châm

(silex). Kim đá bất tiện vì không được nhọn, châm đau; người ta bỏ kim đá để dùng kim tre hay là kim gạc; kim này hay gãy, không bền, lại bị đào thải dễ nhường chỗ cho kim sắt. Người ta còn giữ lại được một chiếu chỉ của Vua Hoàng-Đế truyền cho các Y-Sanh nên dùng kim sắt, bỏ kim đá; chiếu chỉ ấy nói rằng: «vì kim đá châm đau, bệnh lâu lành cho nên sưu thuế thân vào kén, ngân sách bị thiệt thòi». Theo cổ thơ, kim sắt làm với thứ sắt của máng ngựa. Các Y-Sư nghĩ rằng ngựa thuộc ngọc có nhiều hỏa, con ngựa ngậm máng sắt truyền hỏa khí cho máng ấy.

Mã đến thế kỷ thứ XIV người Nhật chế 2 loại kim: kim vàng và kim bạc.

Ngày nay phái châm-cứu cổ-hữu (phái độc kim) chỉ dùng một loại kim bằng thép (acier) mà châm. Đối lập phái cổ-hữu, có phái châm-cứu tân-tiến dùng 2 loại kim: kim vàng để bổ; kim bạc để tả. Nên nhớ rằng các loại kim thép, vàng, bạc làm bằng khoán chất mà thôi, chứ trong kim ấy không có luyện thuốc gì cả như người ta đã tưởng lầm.

## Hình vóc cây kim:

Từ xưa đến nay, người ta đã chế ra rất nhiều kiểu kim; nhưng xét kỹ, chỉ có 4 thứ thông dụng: kim dài, kim ngắn kim lớn, kim nhỏ; trừ 4 loại kim này, các loại khác ít dùng đến; nếu các Y-sư chế tạo nhiều thứ kim, sự đó là tùy sở thích của mọi người.

Có những nhà hàng chuyên môn làm các thứ kim trên tại ở các thành phố lớn: Tokio, Hong-kong, Ba-lê v.v... người ta có thể mua kim châm ở các hiệu chuyên bán dụng-cụ giải-phẫu (instruments de chirurgie).

## Giữ gìn kim:

Các thứ kim cần sắp đặt có thứ tự trong một hộp riêng, hộp ấy bằng thiết mạ kền, hộp nhỏ gọn gàng để bỏ vào túi; mỗi hộp có độ chừng 15 cây kim đủ các cỡ. Mỗi hộp kim có kèm theo một cái ống để lồng kim (kiểu Nhật-bôn) và một cái tấm bằng đồng để điem huyết (kiểu của Pháp).

## Tây uế kim:

Người ta dùng rượu 90 hay là ether để thấm bông gòn mà chùi kim; chùi trước và sau khi châm; ở các phòng châm-cứu chuyên khoa, sau giờ làm việc, mỗi ngày người ta dùng máy hấp điện để tẩy uế các dụng cụ theo thủ tục

khoa-học. nên nhớ rằng phép châm đã khai sinh tại Trung-quốc trước thời kỳ phát minh vi-trùng của Pasteur; như vậy 2 ngàn năm trước, người ta vẫn theo một thủ-pháp hết sức đơn-sơ về phương diện tẩy trùng. Không tẩy uế kim, có thể sanh abscess chỗ chích. Trường hợp ấy, tuy ít có, nhưng cũng nên đề-phòng.

## Tẩy uế bàn tay của người cầm kim

Cắt móng tay cho sát, rửa tay với xà-phòng cho kỹ.

— Rửa tay lại với rượu 90.

— Khi lấy kim, phải cầm đầu cây kim, không nên cầm mũi nhọn của kim.

— Chùi kim với một miếng bông thấm rượu, chùi từ đầu kim tới mũi kim.

## Tẩy uế các huyết.

Phải chùi huyết với rượu 90. Nếu gặp bệnh nhơn có ghẻ mụn nhiều, nên chùi huyết với thuốc đỏ (mercurochrome à 20/o). Nói tóm lại có 3 việc tẩy uế nên nhớ:

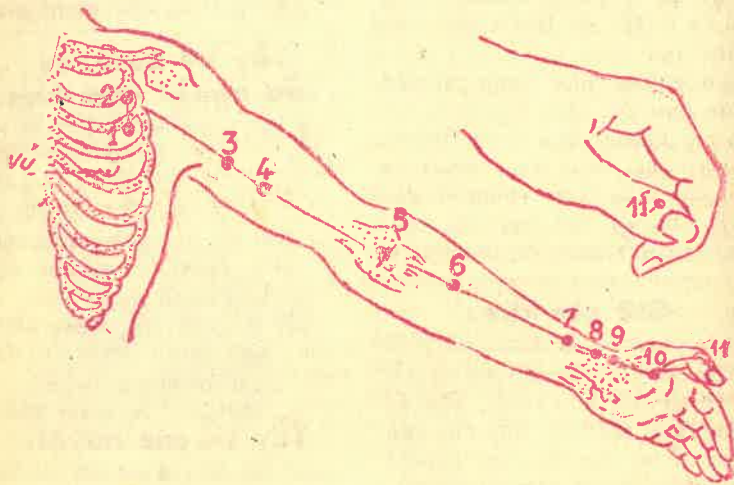
— a) Tẩy uế kim.

— b) Tẩy uế tay người cầm kim.

— c) Tẩy uế huyết nơi bệnh nhơn.

Trong những trường hợp gấp rút, người ta có thể tẩy uế sơ-sài nếu không có sẵn những thuốc sát trùng như ở một Y-Vụ-Sở chánh thức.

Thủ Thái Âm Phế Kinh 手太陰肺經  
Méridien des Poumons



- |                  |                     |
|------------------|---------------------|
| 1. Trung Phủ 中府  | 7. Liệt Khuyết 列缺   |
| 2. Vân Môn 雲門    | 8. Kinh Cự 經渠       |
| 3. Thiên Phủ 天府  | 9. Thái Uyên 太淵     |
| 4. Hiệp Bạch 夾白  | 10. Ngư Tế 魚際       |
| 5. Xích Trạch 尺澤 | 11. Thiêu Thương 少商 |
| 6. Không Tái 孔最  |                     |

**Thủ pháp châm**

Nói về bệnh **\*** nhơn. Nếu gặp người nhát gan, yếu vía, thì không nên châm liền; phải an-ủi người, ta cho khỏi sợ sệt, bảo họ yên tĩnh, thông thả thở đều hơi, bảo niệm Phật hay là niệm Chúa, các bắp thịt, các đường gân phải để tự nhiên, không nên co rút lại, sắc mặt điềm tĩnh không nên thất thần, khiếp vía « như người đập trên đuôi cọp hay ôm chặt đầu rồng ».

Không nên châm cho những bệnh nhơn quá yếu đuối, âm-dương suy nhược, có chứng chết giả. Nếu gặp những bệnh trạng ấy, thì phải cho uống thuốc hay là tiêm thuốc trước vài ba ngày; sẽ làm phép châm sau. Nếu cần trị liệu gấp, thì nên dùng « phép cứu »; nên cứu các huyết: quang-guyên, khí-hải, túc-tam-ly, cao-hoang, phục-lưu, v.v...

**Sửa soạn bệnh nhơn để chữa trị**

Theo thủ tục tây-y, thầy thuốc khám bệnh trong một phòng kín, trước mặt một người y-tá phục-dịch. Bệnh nhơn phải cởi khăn, áo, vớ giày; đối với bệnh nhơn á-đông, thì nên để cho bận 1 quần lót mà thôi. Nếu là một người đàn-bà, thì nên để quần và cả yếm che ngực nữa.

Nếu khám bệnh mà không bắt buộc sự « bán-khỏa-thân », thì thầy thuốc không thể khám kỹ được, sự đó ai cũng hiểu. Và

nếu châm cứu mà không bắt buộc sự « bán-khỏa-thân » thì điểm huyết không đúng.

Nằm ngửa khi cần châm-cứu ở bụng

Nằm sấp khi châm-cứu ở lưng  
Ngồi khi châm-cứu ở huyết cao-hoan

Ngồi khi châm-cứu ở cánh tay và bắp tay

Ngồi hay nằm khi châm-cứu ở vé và bắp chân

Đại khái sự sắp đặt như vậy, thầy thuốc sẽ tùy theo trường hợp mà làm, mục đích là cho thấy rõ huyết để châm cho đúng.

Những chi tiết trên cần nói, vì có một bệnh nhơn kể lại với tôi: « khi trước, có một lần, tôi đi « đến một thầy tàu, ông ấy châm « cho tôi nhiều huyết nơi tay, « nơi móng dít mà không bắt còi « áo, xăn-quần.

— Làm sao châm được ?  
« với những cây kim dài độ 0m10  
« ông ta châm qua mấy lớp áo,  
« sau đó, tất cả huyết bị châm  
« đều làm mũ, còn bệnh của tôi  
« không thấy lành. »

Thủ pháp châm như vậy rất lỗi thời, không thể dung thứ ở đời nay được.

**Châm bổ và châm tả**

Mục đích của **\*** phép châm-cứu là để đều-hòa chánh-khí, đều-hòa khí-huyết của tạng-phủ. Khi thân thể được mạnh khỏe thì âm-dương, khí huyết của tạng-phủ thăng-bằng; khi sự thăng-

bằng ấy bị chênh-lệnh, thì sanh ra bệnh. Người ta chia ra 2 loại bệnh: bệnh hư và bệnh thiết: hư nghĩa là bất túc, thiết nghĩa là hữu dư. Gặp trường hợp bất túc thì phải làm phép bổ; gặp trường hợp hữu dư thì phải làm phép tả; người ta bổ tả « gián tiếp » trên những kinh huyết, có tương quan gián tiếp với tạng-phủ lâm bệnh sẽ có dịp thảo luận dài về vấn đề này. Nay ta chỉ nghiên cứu về thủ-pháp-châm mà thôi.

### Trước khi châm

Phải rửa khí cho tự lại huyết với ngón tay ấn nhẹ trên đường kinh; ấn xa độ chừng 15 cm.; kể từ 15 cm. bắt đầu từ đó, ấn tới huyết. Có sách dạy vút ấn theo chiều của vận khí: chiều ấy chạy ở trên xuống hay là ở dưới lên; phải tưởng tượng bệnh như nằm thẳng hay là đứng thẳng, hai tay dơ thẳng lên quá đầu, tưởng tượng như vậy thì dễ biết chiều lên, hay là chiều xuống của đường khí vận.

### Thủ pháp châm

Tay mặt cầm kim với ngón tay cái và ngón trỏ (nhớ nắm đầu kim); tay trái lựa huyết và điểm huyết, lấy ngón cái và ngón trỏ cần da trước rồi châm kim. Phải châm cho gọn gàn; nếu dùng loại kim ngắn, kim tâu, thì không cần ống dẫn kim; nếu dùng loại kim Nhựt thì phải lồng kim vào ống dẫn trước, rồi mới nhận trên đầu kim sau nhận

manh và lạnh, thì mũi kim đâm vào huyết, ít làm đau đơn bệnh hơn.

Phải chú ý hơi thở của người bệnh để làm phép tả hay phép bổ.

### Châm tả

Phải thừa lúc bệnh như hít vào mà châm; nếu dùng kim bạc thì châm sâu độ 6m/m.; nếu dùng kim thép thì cũng châm sâu độ chừng 6 m/m. Đây chỉ nói độ chừng mà thôi: nên châm sâu hay cạn tùy theo chứng bệnh nặng nhẹ; đau lâu hay là mới đau; tùy theo bệnh như ốm hay là mập, cũng tùy theo địa điểm của huyết và tùy theo thời tiết: nên nhớ rằng khi-âm ở sâu, khi- dương ở cạn, nhớ để lựa kim dài hay ngắn mà dùng. Khi châm tả, châm sâu, thì mũi kim sẽ qua những lớp: da ngoài (épiderme), da trong (derme), lớp dưới da (tissu sous cutanée), lớp thịt (muscle), và xương (périoste et os). Khi mũi kim gặp lớp thịt tức là châm tới « địa », khi nó động tới lớp « dưới da » tức là nó động tới « nhưn » khi nó gặp lớp da ngoài tức là nó ở tại « thiên ». Muốn có công hiệu « tả », khi châm kim sâu tới lớp địa thì nhẹ-nhàn thong thả rút nó lên tới lớp « nhưn » lúc đó người bệnh nhăn mặt, kêu đau, lập tức xoay cây kim qua bên trái hay qua bên mặt, rồi lần-lần rút thẳng nó ra chậm-chậm, khi rút ra rồi, thì lấy ngón tay bành lỗ huyết để tà khí theo ra.

### Châm tả nên để kim lâu hay mau

Nếu muốn có công hiệu của phép tả thì phải để kim nơi huyết từ 1 phút đến 2 phút. Để kim lâu hay mau cũng tùy trường hợp. Trong một thời chậm, nếu dùng nhiều kim tả thì không nên để lâu quá 2 phút; nếu châm một bệnh như yếu sức, thì nên rút kim ra sau 1 phút, không nên để lâu. Ở Âu-châu một đôi nhà châm-cru châm tả với một thứ kim bạc nặng 0.006 trong những chứng gân thịt co rút và đau. Người ta lựa huyết rồi châm một cây kim ngắn « punaise » rồi dán băng dính trên đầu kim, cho bệnh về, 24 giờ sau trở lại, người ta mới rút kim ra.

### Châm bổ

Dùng kim vàng, châm cạn, kim qua lớp da ngoài độ 2m/m. đến 4 m/m, thừa khi bệnh như thở ra mà châm vào từ-từ, thong thả. Để kim lâu từ 3 đến 6 phút. Thừa khi bệnh hít vào mà rút kim ra cho mau. Lấy ngón tay dẩy huyết khi đã rút ra rồi.

Loại kim	Bạc, Tả	Vàng, Bổ
Châm vào lúc nào	Châm rất lạnh Lúc hít vào	Châm rất chậm Lúc thở ra
Châm sâu, cạn?	2 m/m. đến 6 m/m.	2 m/m đến 3 m/m.
Để kim mấy phút?	1 phút đến 2 phút	2 phút đến 6 phút và lâu hơn
Rút kim lúc nào	thở ra, nơi lỗ huyết rút ra chậm chậm	Hít vào, bịt lỗ huyết rút nhanh

### Nói tóm lại

Nên chú ý đến sự tả tà khí và bổ chánh khí.

Phép châm « Tam tài » theo các sách xưa của Tàu tức là phép đưa cây kim qua các lớp: da, thịt, xương.

Bây giờ đối với các Y-sĩ châm cứu, không còn những lối thủ pháp « Từ linh » nữa nghĩa là châm kim theo lối:

- Bạch hổ điều đầu.
- Thanh-long bãi vĩ.
- Bích-phụng tầm nguyên.
- Đơn-quì thám huyết

### Tích ở nội kinh

Bệnh huyết nên châm huyết Vinh.

Bệnh khí nên châm huyết Vệ. Bệnh mới phát, tà khí ở lớp da ngoài, khi châm phải chú ý: muốn tả tà khí thì châm cạn không nên châm sâu; vì châm sâu, tà khí có thể theo kim mà vào tới lớp tấu-lý làm thương tổn Vinh khí.

**NÊN NHỚ:** Tà khí ở cạn, nơi lớp da trên (épiderme).

Vệ khí (trọc khí) ở lớp da dưới (derme)



Vinh khí (toanh khí) ở sâu, nơi cơ nhục (aponévrose, muscle).

Phải đọc kim dùng một loại kim thép để bỏ hay tã.

Phải da kim dùng kim vàng để bỏ, kim bạc để tã.

Trên một huyết, người ta có thể châm tã trước, rồi rút kim ra châm bỏ sau.

Dầu châm một thứ kim hay 2 thứ kim, nguyên tắc bỏ tã vẫn in nhau

### Thời tiết và châm cứu pháp

Phải tùy theo thời-tiết mà châm-sâu hay, châm-cạn. Về vấn đề này, nội kinh đã nói: mùa xuân khí vận ở lớp da mỏng (épiderme) nơi phần trên của da ấy, ở lỗ lông.

Mùa hạ khí vận ở lớp da mỏng (épiderme) nơi phần dưới của lớp da ấy. Mùa thu khí vận ở lớp da dày (derme) và trong lớp tế-bào dưới da dày ấy (hay là tấu-lý). Mùa đông khí vận ở tận xương thịt.

Vả lại, mỗi tháng đến tuần trăng tròn, thủy triều lên, thì ở trong thân thể khí huyết được sung mãn; trong thời sung mãn ấy, nếu gặp tà khí, thì thân thể đủ sức không cho tà khí vào. Trái lại, trong tuần trăng khuyết, khí huyết đều kém, nếu gặp tà khí thì tà khí dễ đột nhập thân thể. Châm nhằm những ngày xa tuần trăng tròn, thì phải châm nhiều lần thì mới có hiệu quả tốt. Những ngày

trăng lên (từ lưỡi liềm đến mặt tròn) tránh được phép tã thì tốt. Những ngày trăng xuống (từ mặt tròn đến lưỡi liềm) tránh được phép bỏ thì tốt.

Đại khái, khí vận của con người chịu ảnh hưởng của khí vận vũ-trụ như vậy, người chữa bệnh phải tùy theo thời tiết mà sai-khiến cây kim hay là trạng thuốc cứu. «Tùy thời biến dịch, giả tông đạo giả»

### \* THAM KHẢO THƯ LOẠI Sách báo Việt-Nam:

— Lê-hữu - Trác (Hai - thương - Lan ông) sách Y-tôn Tâm Lĩnh bản chữ Hán 1887.

— Hắc - đạo - Lao - nhơn Đông-phương y-học toát yếu xuất bản Hanoi 1936

— Nguyễn-An-Nhân y-học Nhật nam thư quán Hanoi xuất bản.

— Nguyễn-dinh-Cảng Châm-cứu-nhập-môn bản thảo Hán tự 1934

Bác - Sĩ Nguyễn - văn - Quan Châm-cứu-pháp (luận án) Balé 1930

— Bác - sĩ Nguyễn - văn - Nhã « những dị đồng » trong châm-cứu-pháp Presse médicale de Paris tháng năm 1937

— Bác-Sĩ Hoàng-mộng-Lương : Notes d'Acup. Bulletin Méd. chir, Hanoi 1936.

— Mon point de vue l'acup. « La clinique » Mai 1937

— La Quintessence humaine Revue I.A 1950.

— La Prise de Pouls chinois 1951

— Le traitement des Coliques Vermineuses en collab. avec le Dr. Trinh-van-Dam Revue I.A 1952

— La Placentothérapie en Médecine Chinoise en coll. avec M. Tran-tiên-Hy R. I. A. 1952.

— Nguyễn-van-Ba kỳ kinh bát mạch quốc-tế 1952

Đỗ-phong-Thuần Y học thực nghiệm Saigon 1954

Phó-dức-Thành tập chỉ Y-học Việt-Nam Vinh 1942 — 1945

Phạm-văn-Điều Y - dược - học Saigon hiện còn xuất bản 117 Nguyễn-phi-Khanh Saigon

### Sách Tàu và Nhật:

Hoàn-Đề Nội-kinh tổ-vấn, xuất bản Thượng-Hải

Biển-thước Nạn-kinh, xuất bản Thượng-Hải.

Châm-Cứu đại-thành, Hồng-bưu tế thư-cuộc Thượng-Hải

Thừa-Đam-Âm, Châm-cứu-học giảng-ngiã, Khanh - thanh ấn-cuộc, Hong-kong

Chu-Liên, Tân-châm-cứu-học, xuất bản Bắc-kinh

Trần-Tôn-Nhơn, Kinh huyết Thanh-Minh đồ, Hong kong

### \* NGƯỜI ĐÀN-BÀ LÀ CHIẾC Ô-TÔ.

Thi-sĩ Ý Galrielezio cho rằng: Người đàn bà rất giống chiếc ô-tô ở điểm làm ồn thành phố, thích chạy loăng quăng, và ưa hôn hít một cách bất hợp pháp! Cái vô ngoài choáng lộn và cái đệm êm ái. Tuy nhiên ô-tô và đàn bà còn có tính ưa nhóng nhéo hay đau ốm, khó dậy, rần mặt, kiêu căng, ưa qua mặt và lâu lâu lại... nổ lốp 1 lần!

Nakayama Châm-Cứu-Pháp và Hàn-Y

Hàn-Y thực nghiệm tại Nhật bản Y-học tập-chi Hippocrate no 1, 2, 3.

Sakarazava nguyên tắc duy nhất xuất bản tại Paris 1930

### Sách báo Pháp quốc:

— Ch. Flandin L'Acupuncture chinoise, Progrès médical no 49 Déc. 1933

— G. Soulié de Morant Précis de la Vraie acupuncture, chinoise Mercure de France Paris 1934.

— G. Soulié de Morant Traité d'acupuncture, Mercure de France 1939

— De La Fuye, Traité d'Acupuncture I, II, Librairie le François Paris 1947.

— P. Ferryroles L'Acupuncture chinoise Ed. Slei dille

— A. Chamfrault, Traité de médecine chinoise, Ed. Coquemard Angouleme France Paris

— J. I. H Niboyet, Essai de l'Acupuncture pratique, Ed. Dominique Wapler

— Revue Internationale d'Acupuncture 8 avenue F. Roosevelt Paris (8)

# ĐÂY... XỨ' LÀO

## tho' mộng

HOÀNG THẮNG  
và HUY ĐÔNG

« Trâu gỗ mỡ, chó leo thang  
Cơm lam nước sông ».

Hai câu trên đủ để các bạn hình dung ra nước Lào, một quốc-gia láng giềng sát cạnh Việt-Nam.

Chắc các bạn sẽ ngạc nhiên một cách khó chịu nếu chẳng may bạn tới vào những ngày đầu năm của họ mà đi đường được thưởng thức cái cảm giác của vài ba gáo nước lạnh dội từ đầu đến chân bạn trong những ngày nắng cháy da thịt.

Sau đây, chúng tôi xin hiến các bạn ít nhận xét về đời sống cùng phong tục của nước bạn, nếu có dịp đến thăm các bạn sẽ tránh được những sự ngỡ ngờ trước những tập quán của họ trong những ngày đầu.

★

NƯỚC Lào có con sông Cửu-long chảy dài từ Thượng-Lào cho tới Hạ Lào và là biên giới thiên-nhiên của gần khắp lãnh-thổ với nước Thái. Nước Lào là nơi nhiều rừng núi, đa số dân chúng đều sống ở ven sông, đườn



giao-thông hiểm trở, ít ai cho nên sự vận tải ở trong nước rất là phiền-phức.

Nước Lào có hai mùa : mùa nắng và mùa mưa. Mùa nắng từ tháng 11 dương lịch cho tới cuối tháng tư và mùa mưa tiếp trong những tháng còn lại.

Nước Lào đất rộng, người thưa, dân cư đa-số còn chất-phác nên đời sống của họ rất bần nhiên, bình-dị.

Xưa kia nước Lào đối với đồng bào ta thật là xa lạ nên trong ca dao đã có câu :

« Đương xa trở ngại Ngô-Lào... » để tỏ những gian-khổ của kẻ tha-hương phải chịu biết là đường nào. Nhưng ngày nay, đối với con cháu các cụ thì không còn xa lạ gì, chỉ có ba tiếng đồng hồ thôi, máy bay đã đưa mình tới rồi. Lẹ biết bao !

**Những nàng Phù Sao  
trong những chiếc áo  
mỏng Nylon.**

Nếu các bạn tới thăm nước Lào với trái tim của những chàng trai hai mươi thì nước Lào sẽ ghi vào lòng bạn những kỷ niệm êm đềm của những nàng Phù sao (con gái) với các búi tóc cò-điền quấn mấy vòng giây vàng và có cái trâm cài vào đó, với chiếc áo cắt kiểu mới và một chiếc Sin (xiêm) bằng lụa, ở gấu dệt kim-tuyển sặc sỡ những hình kỷ hà học, ngoài Sin là chiếc giầy lưng bằng bạc hoặc vàng chạm, uyển-chuyển với đôi Khụ (thùng đan đựng nước) gánh trên vai d.ời những bông đũa lá lướt hoặc tươi cười

hơn hở trong các Bua (hội) của các chùa.

Các cô gái Lào xưa kia ngoài tấm xiêm che thân, trên ngực chỉ có cái khăn quàng vắt ngang để che ngực một cách... nửa kín, nửa hở (xem hình đầu bài). Nhưng đó là các cô ở các bản xa xôi, còn các cô gái ở Vạn-Tượng thì có phần tân tiến về cách phục sức hơn.

Những cô gái Lào ở các bản có cái tự nhiên nhất là có thể bỏ cái giầy lưng bạc ra, gỡ xiêm dù mấy cái rồi quấn lại cho chặt dù là ở ngay chợ hoặc là tới giếng tắm chỉ kéo cái xiêm cao lên che ngực. Các cô, mặt vẫn cứ tỉnh như không, không chút chi là e lệ, thẹn thùng. Ở bên mình, ngày giữa chợ Bến Thành hay chợ Cầu Ông Lãnh liệu có cô nào dám làm như vậy không ? Làm vậy còn chi là thuần phong mỹ tục nhỉ !

Riêng các cô gái Lào ở thị thành, nhất là Vạn-tượng đã bỏ búi tóc lệch cò điền để thay bằng những kiểu búi tóc trẻ trên lưng như các cô gái Việt hoặc cắt ngắn, uốn cuốn như các thiếu nữ Tây Phương.

Hàng Nylon mỏng trở nên thứ hàng rất thịnh hành để may áo ngắn che thân. Đa số các cô gái đều mặc Nylon để khoe da thịt sau làn vải mỏng.

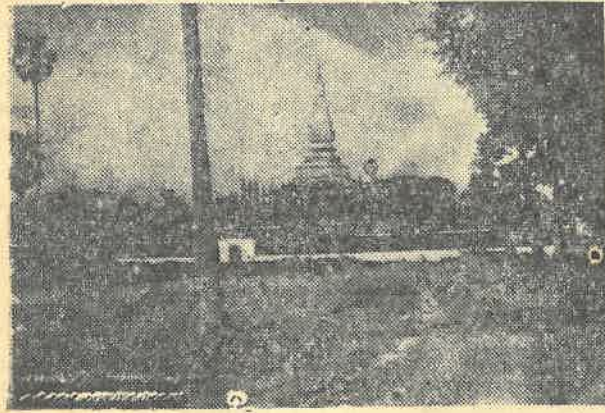
**Nhà ở**

★

Người Lào đa số đều ở nhà sàn lợp ngói, nứa hoặc gỗ, trước

mặt là một cái thang gỗ hoặc tre mà ở bên có một cái cột cao trên để tắm gỗ có lu nước đựng nước mưa hoặc nước giếng để mỗi khi sau bữa ăn ở ngoài hiên, họ ra uống hoặc là để chủ nhân đãi khách.

Quanh cửa là một cây khô mọc quanh làm cảnh và trên hiên để một vài ống bơ trồng hoa mào gà hoặc một cái khay rách đồ đất trồng rau thơm. Tuy đất rộng ở vườn chủ nhân cũng để mặc cho cỏ mọc và rút giang sơn hoa lá vào mấy cái ống bơ làm cảnh. Dưới nhà sàn là nơi hoặc



chứa thóc trong những cái bồ cao ngấp đầu hoặc là nơi để khung cửi mà chủ nhân dệt lấy vải để mặc.

Bước lên thang qua hiên là nơi mà họ dùng để tiếp khách hoặc ăn uống. Đầu gian nhà là trái bếp và gian nhà chỉ là buồng ngủ. Có những nhà liền nhau không cần bờ rào mà có khi là

những nhà lưu động mà họ chuyển đi chỗ khác rất nhanh.

### Những bữa ăn giản dị.

Vấn đề ăn uống của người Lào rất giản dị, một chút xôi đựng trong một cái giỏ đan bằng nứa eo nấp, một miếng thịt kho nướng là có thể xong một bữa cơm, ăn xong đã có nước sông, nước giếng tráng miệng.

Ở nhà thì thức ăn bày trên một cái mâm nứa đan, chung quanh là những chiếc ghế tròn và thấp cũng bằng nứa để ngồi,

hoặc họ ngồi xếp chân bằng tròn trên chiếu đan bằng nứa. Một chút xôi, mẳm cá, một vài ngọn rau sống, lá bèo tây, lá đu đủ non, một vài thứ hoa lá không tên tuổi là một

bữa ăn thịnh soạn rồi. Trong bữa ăn họ thích dùng chất cay của ớt. Món quà thịnh hành nhất của người Lào là đu đủ bằm nhỏ rồi trộn ớt, cà chua sống, nước mẳm cá rồi họ cho vào cối giã mềm ra. Món quà đó phổ thông lắm cho nên đến chơi một nhà Lào nào bạn cũng có thể được nếm nhưng bạn sẽ

không chịu được chất cay của ớt bốc đến tận mắt.

Món ăn này rất dễ làm nhưng họ lại không chịu làm lấy và chỉ ra chợ mua sẵn mang về dù ở chung quanh nhà họ có đu đủ, có cà chua, có ớt giông. Chỉ cần một cái vốn nho nhỏ độ một trăm kip (100 đồng bạc) để mua một cái cối nhỏ và một cái chày để bán món quà «tằm sụn» đó (giã chua) bạn có thể sống ung dung rồi vì tuy đủ đủ rẻ nhưng bán công giã đu đủ rất đắt và người ăn lại lười không muốn làm. Chẳng thế mà có nhiều người trở nên giàu có, trong nhà có xe hơi Mercedes hoặc Opel vì giã đu đủ bán.

Người ở đây để ăn uống nên các hàng quà bánh không cần ngon lành lắm cũng có thể sống đàng hoàng và làm giàu trong chốc lát.

Ở Lào có món quà ngon nhất là «khẩu lam». Đó là một thứ sồi trộn cùng nước dứa mà họ đổ vào trong ống nứa đem nướng. Khi ăn đem tước bớt cái vỏ nứa đi còn lại cái màng nứa mỏng quấn lấy xôi ăn rất bùi và ngọt. Đó là thứ quà rẻ tiền và thú vị nhất của xứ Lào.

### Tình yêu giữa trai gái rất tự nhiên

Người Lào hồn nhiên quá cho nên bạn có thể đến bất cứ một nhà nào, bạn có thể qua nhà không cần phải hỏi han xã giao, bạn cứ việc lên uống nước, uống xong lại xuống coi như là nhà không có chủ. Và nếu bạn lại gặp một Phù sa đang ngồi dệt

vải ở đó bạn có thể cứ ngồi lỳ để ngắm đôi bàn tay xinh xinh dịu dàng vắt chỉ trên khung gỗ.

Nếu bạn biết tiếng, bạn có thể hỏi chuyện bâng quơ rồi lần sau lại đến và nâng đến thế là quen thân. Trái với phong tục của người mình là các bạn phải đề phòng tránh những cái nhìn cau có, khó chịu của cha mẹ hoặc anh em cô gái, thì ở đây bạn không cần phải quan tâm đến vì cha mẹ cô gái cho là một cái vinh hạnh lớn khi con gái mình được trai lạ đề ý tới và các bậc cha mẹ tự ý rút lui có trật tự để mặc đôi trai gái chuyện trò cởi mở nỗi niềm tâm sự. Nhưng những mối tình như thế phải đưa tới sự xây đắp tổ ấm chứ không phải như thứ ái tình hơi hợt để các chàng học Sĩ lệ bước rút lui sau khi ong bướm đã chán chường hoa lá vì pháp-luật của nước Lào buộc hôn nhân rất ngặt.

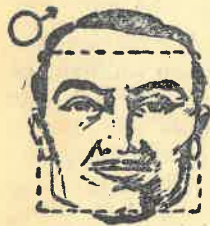
Nếu các bạn cũng có tâm hồn thơ mộng như họ thì bạn có thể quên đường về để ở lại ăn xôi chấm mẳm cá đấy. Nhưng các bạn cũng nên cẩn thận, tuy các nàng bình dị nhưng các nàng có thể đòi hỏi ở các bạn những cái xiêm mớ với chiếc giấy lưng vàng có khi làm nhẵn hết tháng lương của bạn. Một chiếc giấy lưng vàng giá có khi tới 6 ngàn kip. Thiệt là đau khổ hơn là dân «nàng» đi tua chợ Bến Thành hoặc dọc đường Lê-Lợi, Tự Do và «anh mua cho em chiếc nhăm kia đi», hoặc..... vân vân và vân vân..... (Còn nữa)

# 7 KHUÔN MẶT CỦA CON NGƯỜI

**X**EM tướng mặt là một nghệ thuật rất xưa để hiểu biết tâm tính con người qua diện-mạo. Mỗi người có một khuôn mặt khác nhau: người thì mặt vuông chữ điền, người thì mặt nhọn, trái xoan v.v...

Mỗi khuôn mặt thuộc về một vì sao và tánh tình của mỗi người khác nhau theo khuôn mặt của mình. Đầu năm mới, mời các bạn hãy nhận xét diện mạo của bà con thân thuộc để hiểu biết tánh tình và năng khiếu của họ.

## MẶT CHỮ ĐIỀN



Hay là mặt vuông (thuộc Hỏa Tinh) Người mặt vuông thường có hình vóc tráng kiện, xương quai hàm mạnh, vể, đôi mắt oai nghiêm, miệng rộng môi mỏng.

Người mặt vuông thường tính tình cương quyết, đầy nghị lực, cần cù và kiêu hãnh. Đó là hạng người hoạt động, can đảm nhưng đôi khi hơi hung hăng. Có thể có tánh nóng nảy. Chịu ảnh hưởng của Hỏa Tinh.

## MẶT TRÒN



Đôi má phúng phính, môi dày, điệu bộ chậm chạp nặng nề, các bắp thịt vai và bắp về nở nang. Bề ngoài rất hiền hậu.

Thường có tâm địa tốt, tánh tình hiền hậu, nhiều trí tưởng tượng và đa cảm nhưng thụ động và ít ỏi làm công việc, hay mơ mộng hão huyền. Ngay thật, có thể tin cậy được. Chịu ảnh hưởng của mặt trăng.

## MẶT NHỌN hay TAM GIÁC



Tánh tình sấu sắc, lạnh lợi, khôn ngoan. Thường đi đôi với thân hình mềm mại uyển chuyển, thon người; có những cử chỉ đột ngột. Miệng xinh xắn, môi khô, đôi mắt nhìn một cách bén nhọn sâu sắc và hơi cứng rắn.

Tánh tình mềm dẽo, minh mẫn, lạnh trí và có óc tính toán.

Người mặt nhọn thường có lòng tham vọng vô bờ bên đi đôi với sự khéo léo. Phải đề phòng những lúc nổi nóng. Có thể là những người hay giấu diếm che đậy, đôi lúc nguy hiểm.

Chịu ảnh hưởng của Thủy Tinh.

## MẶT TRÁI XOAN



Khuôn mặt dễ coi và đáng yêu nhất, thường đi đôi với nước da tươi tắn, đôi mắt trong sáng và dịu dàng. Diện mạo đều đặn cân đối. Miệng có duyên, môi đỏ mỏng.

Thường là những người rất có duyên và được yêu mến. Mặt trái xoan là khuôn mặt của những người có nhiều tình yêu, lạc quan và tin tưởng ở tương lai, nhanh nhẹn trẻ trung, có nhiều năng khiếu về văn nghệ nhưng đôi khi trí óc sơ thiển không được thâm thúy lắm. Thường không có ý chí mãnh liệt và nhẹ dạ. Ảnh hưởng của Vệ Tinh.

## MẶT BANH

(hay mặt hình THANG)

Giống mặt Bang Bạch, trên nhỏ dưới banh ra. Người có óc thực tế, ưa những thú vui vật chất.



Miệng to rộng. Đôi mí mắt nặng trĩu. Đứng trước những người này ta có cảm tưởng nặng nề. Giọng nói oang oang. Bề ngoài hiền từ nhưng thường che giấu một ý chí cương quyết chí. kỷ lạnh lùng. Thường là những người dày khí phách nhưng ít khi là những văn nghệ sĩ. Ảnh hưởng của Mộc Tinh.

## MẶT HÌNH THANG NGƯỢC



h Như mặt bệnh nhưng ở trên phềnh ra, dưới thóp lại. Diện mạo và tánh tình khác hẳn với những người mặt bệnh. Mặt thường nghiêm nghị cau có lòng mày thường nhíu lại, đôi mắt nhìn lo âu. Miệng thường xệ xuống với đôi môi khô khan. Vẻ mặt không tươi đẹp.

Nhưng trái lại những người này có những đức tính tinh thần rất trội và dưới bộ dạng khó hiểu ấy thường che đậy một bộ óc, một lòng lo lắng đến sự hoàn mỹ và một trí óc khao khát hiểu biết không bao giờ thỏa mãn. Đó là khuôn mặt của những kẻ ưa tìm tòi, những

chính trị gia, những nhà bác học. Đôi khi, những lúc mà trí óc bị sai đường, thì khuôn mặt ấy trở trọng trung cho những người buôn bán tàn nhẫn, những người say mê vì tiền bạc. Ảnh hưởng của Thổ Tinh.

## MẶT TRÁI XOAN DÀI

Nét mặt rất đều đặn về mặt tươi đẹp; duyên dáng tự nhiên nhưng vẻ đẹp huy hoàng hơn những người mặt trái xoan ngắn. Tánh tình tự tin và oai quyền nhưng có những điệu bộ vui vẻ dịu dàng đáng yêu.

Thường có tính khoe khoang, sợ sự nhỏ nhen và lòng ti tiện. Mặt của những người cao thượng giàu sang thường ra sự tinh mịn. Ảnh hưởng của Thái Dương.



## \* CÔ GÁI KHỎA-THÂN TRÊN TẤM LỊCH.

— Thi-sĩ Nhật Motsukio cho rằng: Khi nhìn 1 tấm lịch có hình 1 thiếu nữ khỏa thân thì 100 người sẽ không có ai lại nghĩ đến chuyện cô gái đó hiện là một bà già khụ. Bởi lẽ đó quyền lịch nào có in hình thiếu nữ đẹp chỉ là món hàng lừa bịp mọi người cho rằng thời gian không quá đi nhanh chóng như người ta vẫn tin tưởng.

## THO' VUI VỀ TOÁN SỐ

### Tình hăng số là Đạo hàm vô nghĩa

Anh XÁC ĐỊNH tình yêu HAI NGHIỆM số:  
Anh và em HAI ĐIỂM giữa KHÔNG GIAN  
Một ĐẠO HÀM LIÊN TỤC đến vô vàn,  
Em DI CHUYỂN anh luôn tròn BIẾN ĐỘ

Em vụng tính đề thành ra ĐƠN THỨC  
Lạnh lòng em đời MỘT NGHIỆM u buồn:  
LŨY THỪA lên, tăng CẤP SỐ tình thương  
Anh BÉ NHỎ (1) nhìn em mơ VÔ CỰC

Anh sợ quá đứng bên ngàn ĐẲNG THỨC  
Cầu xin em tìm hiểu một NGUYÊN HÀM.  
Anh là Y em là X BÌNH PHƯƠNG  
Đừng VÔ NGHĨA một ĐÀO HÀM BẠC NHẤT

Em độc ác không ưa tìm GIỚI HẠN  
Em ngây ngô nhìn QUỸ ĐẠO tình yêu  
Em vô tâm làm GIÁN ĐOẠN anh nhiều  
Tình khó giải tìm em gần TIỆM CẬN

Anh đâu muốn đời ta là GIA SỐ  
Của THỜI GIAN và của cả KHÔNG GIAN  
Khi bước chân em ĐI CHUYỂN bên Thiên đàng:  
Anh THỪA THẢI một tình duyên đang dở

Em ơi đợi gì không LIÊN TỤC  
DI CHUYỂN đi cho tìm nở ĐIỀU HÒA  
Cho KHÔNG GIAN thành cả một trời hoa  
Anh sung sướng trọn đời không ƯỚC LỢC

HỒNG LIÊN  
KHOA-HỌC-TOÁN-BÁN-CÔNG-HUỆ

(1) Ép-si-long:  $x \rightarrow \frac{+}{-} \infty y \rightarrow \frac{+}{-} \infty$

# NGÀY TẾT TÔI GẶP...



## MA HEO!

GIỮA thế kỷ Nguyên-tử-lực này mà nói đến Ma thì còn có ai tin được. Chính tôi cũng vậy. Có người bảo ma chỉ hiện ra trong những trường-hợp đặc-biệt khi các yếu-tố siêu-hình thể-hiện đầy-đủ. Như vậy, họa-hoảng mới có người gặp được ma.

Có lẽ chính cái chỗ tôi không tin mà ma đã xui tôi gặp chúng. Cuộc kỳ-ngộ hi-hữu, xin thuật lại hiến các bạn.

Tối hôm 30 tháng chạp, bạn tôi mời tôi qua nhà ở xóm Lò-Heo Mới bên Gia-Định để nhậ-nhật chơi cho vui. Sự tiếp tế thật là dồi-dào căn-bản trên « nguyên-liệu » Heo.

Sau khi « đập » chừng 3 lít để Hóc-Môn, « càn-quét » hết độ mười đĩa thực-phẩm, tôi say sưa già-từ ông bạn quý ấy. Có lẽ đã khuya lắm thì phải vì hai bên hàng xóm ngủ im-lìm. Trời thì không trăng mà cũng chẳng có sao. Chân nam đá chân xiêu

### XUÂN-GIANG

trên con đường gồ-gề, tôi sém chúi xuống sinh ba bốn lần, nhưng cố gắng - gương nhắm về phía Saigon đang hừng lên một vùng sáng hồng hồng. Bỗng một cơn gió lạnh buốt tạt qua làm cho tôi xây-xâm mảy mặt, lão-đào rồi té nhủi vào một đồng rác bên đường. Hình như tôi ngất đi rất lâu. May sao cái mùi nồng-nặc ả-ả của đồng rác đã làm tôi tỉnh. Tôi uể-

oải cúi xuống phủ bụi cát bám đầy vào gáy, tai và quần áo. Khi nhồm dậy định bước thì một cảnh-trạng lạ-lùng khiến tôi quên tất cả mọi sự.

Trước mắt tôi, quanh một đám lửa hồng một bầy heo chừng vài chục con đang quây-quần chen lấn. Có con lang, có con đen sậm, con thì bạc má, con thì da hồng. Con mỡ cụt, con mỡ dài, vài con nái, vài con sè, có chú ti-hon con bú mẹ, có chú lớn tướng xù-xì lông lá mồm để lộ hai chiếc nanh trắng hếu như giống heo rừng miền cao-nguyên.



Chúng nằm xen lẫn có hàng ngũ, yên lặng như đang nghe ngóng gì. Tôi cho đó là một sập heo của một chủ vừa nào sắp đem đi chợ tiết để mai bán cho kịp Tết Tây. Nhưng không. Tôi cố lắng tai. Qua tiếng ụt-ịt lại văng vẳng có tiếng người xầm-xì. Tò mò tôi mon men bước nhẹ lại gần, nấp sau một thân dừa lớn cách chừn chừng 5, 6 thước gì đó.

Tôi chú-ý nhìn thì thấy một chú heo già nua, da-dẻ nhàn-nheo, mồm há hốc đỏ lôm, răng chỉ còn vài ba chiếc lôm-chôm.

La thay nó phát ra những tiếng nói mà tôi hiểu. Nó... nó nói tiếng người. Nó... Tôi sợ nhờ đây là khu-vực lò heo và... người ta bảo thường có... ma... Thôi, đúng là Ma Heo rồi! Đàn heo này là đàn heo ma! Ý Trời ơi! Tôi luống cuống vì quá sợ hãi, toan bỏ chạy thì chợt thấy con heo già đứng dậy có hai chân trước, chắp lại với nhau, trịnh-trọng xà một cái và nói lớn: « Thừa anh chị em, vậy thì kẻ thù không đội trời chung của chúng ta là ai? »

— Cả đàn heo rống lên: Loài người! ụt... ịt...

— Phải loài người. Mười hai năm sập qua, theo cô-lệ chúng ta cứ mỗi Giáp-lại hội-hợp nhau một lần để nhắc-nhở cho nòi-giống ta mỗi thú truyền-kiếp. Họ hàng chúng ta càng ngày càng đông đảo thêm vì mỗi ngày loài người sát-hại biết bao nhiêu sanh-linh heo. Những cảnh tượng máu đổ thịt rơi vẫn tiếp-diễn. Nói riêng về khu-vực chúng ta hiện đang khai hội. dân bản-xứ đối xử với chúng ta quá thậm-tệ. Chúng đồ thừa chúng ta thích ở dơ, kỳ thực nếu chúng ta có mỗi đũa một chiếc chũa sạch-sẽ, lát gạch bông, lợp ngói, thử xem chúng ta có biết xử-dụng hay không (có tiếng ụt... ịt... biểu đồng tình)? Anh chị em thử coi, chúng ta mặc dậu chũa chỗ chật hẹp dơ dáy, còn biết vén khéo, rải phân tại một góc, ăn ngủ tại một góc khác. Nhưng

toài người cố tâm hạ tầng địa- vị chúng ta nên không chịu kiểm một biện-pháp nào để nâng cao đời sống cho chúng ta. Thành-kiến đối với chúng ta vẫn sai lầm. Nghĩ thật là tủi nhục cho nòi giống chúng ta biết mấy (có tiếng ụt-ịt, en-éc như bực-tức).

Họ mà nói đến chúng ta là y như có một ngụ-ý mỉa-mai khinh-miệt. Nhiều danh-từ không đẹp được gán vào cho chúng ta: như mặt heo! Ngu như heo! Dơ như heo, lười như heo... Treo đầu heo bán thịt chó.

Từ ngày Tây lại sửa sang lại có thêm nhiều danh-từ mới không kém chế-diếu: như Cỗ son, Heo lòng... Thật là bỉ-thủ. Kịp đến văn minh Anh Mỹ tràn qua, đem lại những danh-từ mới là như xăng-nyít, Chó nóng (Hot dog) Duy họ còn biết an-ủi chúng ta bằng tiếng Bà-con (Bacon).

Nhưng hết thấy đâu có biết từ thuở Tạo Thiên Lập Địa. Trời đã bắt chúng ta chạy thi với các súc-vật khác để giành chức-vị «can-chi». Mà tổ-tiên chúng ta đã cố-gắng kéo lê cái thê-chất phi-nộn mở một nước rút thần-tốc để kịp chiếm địa-vị «đen đỏ», nhất nhì (1, 2) chỉ chịu thua những con vật thần-kỳ như Rồng, Cọp chẳng hạn, nhưng còn hơn cả Sư-Tử và Voi... Chính chú Khuyển sỏ-dĩ hơn tổ-tiên ta là vì quen đi săn với chủ và vì cổ dài mồm nhọn.

Nhưng trong cái vòng lần-quần của năm, tháng biết ai đứng đầu ai?

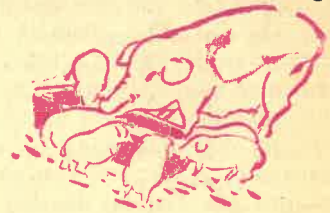
Loài người vẫn nhờ chúng ta mà có tuổi. Ta đã cầm sanh-mạng cho gần một triệu triệu con người trên trái đất. Bao nhiêu dân-tộc đã dùng ta mà đặt tên cho năm, tháng. Rất nhiều kẻ quá mừng vì được đội lốt của ta. Vì theo họ, chúng ta chỉ biết ăn no ngủ kỹ! Thật thế, nào ai dám bắt ta làm một việc nặng nhọc gì? Con trâu, con bò còn phải kéo cày, lội sinh hôi-hám... (Đàn heo có vẻ khoái vì được tâng-bốc, cười ục-ục).

Nhưng tại làm sao ta lại được hưởng sự biệt-đãi ấy? Vì chúng ta là vật trung gian giữa họ và thần-thánh, giữa người sống và người chết, chúng ta còn là cái gạch nối giữa người và người nữa! (có tiếng xi-xâm như thắc mắc). Các anh chị em hãy khoan phản-đối hay thắc-mắc, vì nghĩ rằng tôi đã quan-trọng-hóa địa-vị của chúng ta. Thì đây là những bằng chứng cụ-thể. Không có chúng ta thì tiệc tùng đình đám rất khó thành vấn đề. Kề có chúng ta thì người đâu để Tế Thần với lễ Tam-Sanh được? Không có chúng ta làm gì có giỗ to, kỵ lớn. Không có chúng ta thì hôn-lễ bất thành. Mỗi khi chúng ta chết, loài người phải mời họ hàng đông đủ, họ cạo gọt thân-thể ta cho sạch-sẽ (có tiếng cười rúc rúc) và chúng ta đã ngự-trị nên một mâm đồng sáng

loáng giữa một rừng hương đèn khói trầm nghi-ngút. Chúng ta đã chồng mông cho loài người xi-xụp, suốt cả hàng chục thế-kỷ nay mãi cho đến khi văn-minh Âu-Tây đem một sự cải-cách quan-trọng và một số người đã hết lạy-lục chúng ta nữa, chúng ta tuy vậy đã bị lợi-dụng vì đã chịu hy-sinh để cho loài người hồi-lộ thái-thần.

Những kẻ thù của chúng ta chính là cái anh chàng đã lỡ tay đốt nhà để làm cho da-dẻ chúng ta trở nên vàng rộm và dòn tan. Và cái miếng thịt thơm tho do anh ta đút vào mồm viên trượng-xóm là đầu mối của sự đau khổ bất tận của nòi giống ta vậy. Từ đó chúng ta, anh em chị em chúng ta đã chết còn phải chết một lần nữa khi phải chịu cực hình trên đồng than hồng. Trong khi mở chúng ta nhỏ từng giọt một, thì bọn người ác-nghịch lại hinh cái lỗ mũi lên và nuốt nước miếng! (Có tiếng xì-xụp và găm-gừ như tức-tối!) Hằng ngày, nếu anh chị em có dịp qua ngang Chợ Cũ liết mắt vào các quầy hàng của khách-trú thì sẽ thấy loài người chen-chúc hương về những thân-thể vàng rộm của anh chị em chúng ta! Không thể, họ còn phân thây xẻ thịt chúng ta ra trăm nghìn mảnh, họ không bỏ rơi bỏ rớt một bộ-phận nào. Ớt và tiêu đã làm cho lòng ruột ta xót xa trong chén nước mắm Phú-Quốc. Huyết chúng ta trở nên những

bát cháo ngon lành. Rồi thì tiết-canh, nem gỏi, chả thủ, giò chiên! Đồi cát của chúng ta đã giúp sức-lực cho mấy lão-già



mặc-dịch, tìm chúng ta đã cứu-vớt mấy ả quá yêu-đương! Chúng ta...

— Một chú heo trong đàn bỗng chồm dậy hét lớn: Chính cặp tay của tôi cũng bị chúng đằm giầu cả tuần lễ, và cái lưỡi của tôi đã bị chúng nấu sốt cà-chua!

(Cử-tọa phát ra tiếng en-éc chia buồn).

Nhưng lão Heo già tiếp-tục: « Văn minh Âu-Tây còn ác-hại gấp mấy. Chính cái món ăn tuyệt-mỹ tên là «cỗ son đỏ» là do từ Tây-Phương mới nhập cảng. Cái món này giết chết bao nhiêu thế-hệ còn đở hơn hơn của nòi Heo chúng ta, chính nó đã chặn đứng một cách tàn-ác sức tiến-triển phong-phú của các mầm non hy-vọng và nền móng của tiền-đồ nòi giống chúng ta. (Cử-tọa trở nên lộn-xộn, không-khí cân-thẳng, có nhiều tiếng en-éc lẫn với tiếng ụt-ịt cảm-tức vang lên tới-tấp).

Lão Heo già biết trước cơ-hội để đánh một đòn tâm-lý

quyết-định : Lão ta vron mình há hóc mồm, về mặt cứng rắng, đống đặc hời : « Vậy thì anh chị em sẽ xử trí ra sao đối với loài người ? » Lão mở lớn đôi mắt heo tròn xoe nhũn quanh cả cử-tọa một lượt. Khi cặp mắt của hần từ-từ xoay lại phía tôi đang núp, tôi rùng mình vì có cảm-giác đôi mắt hần đang cố xoi bói vào bóng tôi. Tôi toan chạy trốn thì lão Heo già đã quay đi ngả khác, rồi như uất-hận ngồi phịch xuống đồng thời một chị heo nái đứng phất dậy phát-biểu ý-kiến :

— Thưa anh chị em, loài người rất độc ác, chúng đã không biết ơn chúng ta mà còn sát hại cả con cháu chúng ta. Như bọn ta đã luống tuổi rồi thì chẳng nói làm gì, chớ cái thứ heo sữa khi không mà cắt đứt ngang xương sự sống của chúng thì thật là quá tàn nhẫn. Tôi là một heo nái, đã bao lần làm mẹ, đã bao lần tăng-gia heo-sổ, chính tôi đã thấu - triệt tình mẫu tử là thế nào ! thắm-thiết bao-nhiêu ! Tôi cương-quyết xin đề-nghị chấm-dứt sự sinh-sản đề hành-phạt giống người vô ơn bạc nghĩa.

(Cử-tọa hoan-hô nhiệt-liệt).

— Lão Heo già nói tiếp :

« Bà Chị nói rất phải, nhưng muốn cho chúng ta có một ý-niệm khá sâu-sắc về mối thù truyền kiếp, tôi yêu-cầu anh chị em có những thành tích gì khả dĩ củng-cố sự căm-hờn uất-ức

của chúng ta đối với loài người thì cứ việc phát-biểu rộng-rãi cho cử-tọa thông-cảm ».

(Cử-tọa kêu en-éc chấp-thuận)

— Một chú heo đứng dậy, chân trước vừa trở vào chiếc tai cụt ngùn vừa nói :

« Anh chị em thử coi, chỉ vì đũa con gái động-cổn của lão sui-gia với ông chủ tôi mà tôi bị cắt nghiêng mất một tai.

— Tại sao vậy ? Một chú heo con hỏi.

— Nghe đâu, cậu Hai tưởng cô kia còn duyên, mới đem cau lỏng rượu ché rước cô gái đồng-trình đó về. Đêm đông phụng hoa-chúc mới hỏi ôi ! Ngày mai chúng liền cắt tai tôi rồi đem tôi qua biểu nhà gái. Anh chị em nghĩ thế có oao-ức không ? Thiệt là họa vô đơn chí ! (Cử-tọa lão-xào).

— Còn tôi, cái lão Xã làm chuyện quốc-sự quốc-siéc gì đó. Đêm Tây đi lũng, lão sợ quá, liền nhào đại vô chuồng của tôi bươi đống phân của tôi ra, nằm lệt xuống, lấy lá chuối khô phủ kín... Tôi đang còn cười hề-hề thì Tây vô lục-lạo, đánh tôi những roi đau điếng. Nhưng tôi cứ lì ra, cố tình che đậy lão Xã. Thật ra tôi cũng tội nghiệp cho lão. Ai dè, Tây tức mình xách tôi ra, cho một phát súng rồi đem sả thầy ngọn hết !

— Hy-sinh đến thế là cùng !

— Ăn ở có nghĩa đến thế là cùng !

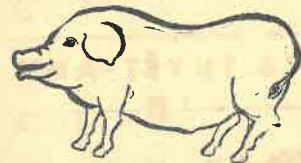
— A hèn gì về sả người ta vẫn gọi lão ấy là Xã Heo !

Lão Heo già khoác chân trước nói lớn :

— Còn chú Heo rưng nãy giờ vẫn im lặng, xin mời chú góp chuyện chớ !

Heo rưng nhe nanh ậm-ự rồi ư-ừ :

« Tôi đã chứng kiến một vụ đi sả rất buồn cười, loài người



có làm cái kỳ-cục đáng phê-bình... Có một anh thợ sả xách súng đến miệt tôi đang sanh sống. Anh ta biết chúng tôi ưa thích sả và khoai nên đem đem ra núp cạnh mấy vòng đất trồng thứ đó. Anh ta rình-rập thế nào mà chúng tôi đào bới xục hết độ nửa vòng rồi mà anh vẫn nằm lì. Chúng tôi khoái chí đang nói cạnh nói khía anh ta và cười rưng-rức thì đột nhiên con Mực mắc dịch trong nhà đánh hơi nhảy bổ ra sủa vang vừa đuổi nà bọn tôi. Bọn tôi vụt chạy trốn chết. Bỗng nghe một tiếng : « Đoàng » rồi con Mực phất lên kêu « Ầng, Ầng ». Bọn tôi đợi đến khuya trở lại đào sả nữa chúng tôi đào sát vách nhà chẳng ai hay biết. Ấc no nè, chợt thấy ánh đèn còn le lói, tôi bước nhẹ lại nhìn qua khe hở thì thấy...

Cử-tọa hỏi dồn : Thấy gì ?

— « Trời đất ơi ! anh thợ sả

đang tập cho con gái bà chủ nhà lên cò !

(Cử-tọa cười rưng-rức).

— Chưa hết ! Đêm sau, ăn quen bọn tôi trở lại định đào nốt ba vòng nữa. Muốn chắc ăn, bọn tôi đợi thật khuya mới lò-mò rủ nhau đến. Vừa úi úi được vài cái, bỗng nghe tiếng la chi-choé trong nhà. Có ba bốn giọng nói. Hình như hai giọng đàn bà và một giọng đàn ông. Bọn tôi sợ thất hồn, nhưng cố nán lại để xem tình hình ra sao : Tôi nghe vắng lại : « Hứ ! mày nói mày đi sả heo ! Té ra mày chui vô đấy mà sả hả ? Nè sả heo... Nè, sả heo... » heo... (có tiếng roi đui đui) : Lay mình, tôi xin chừa. Thôi, thôi... Tôi chừa đi sả heo rồi... »

(Cả đàn heo cười rộ)... bỗng nhiên một con heo nhỏ từ đám tối hót hơ hót hã xìng vào la lớn : « Anh - chị, em Đờ-tê đã tới ! » Cử-tọa đồng-thanh : « Trời ơi ! Đờ-tê ! » Sự kinh - khủng hiện lên trên mọi nét mặt. Đàn heo luống cuống ùn ùn sắp chạy trốn thì con Heo già chới-với nhưng cố làm ra vẻ bình-tĩnh tuyên-bố : « Bé mạc ! ».

Cả đàn heo phụt chốc biến vào trong đêm tối...

Tôi bàng hoàng chột tỉnh, ngoảnh lại thì thấy một đám người hăm-hở đi tới, tay mỗi người cầm một con dao sáng loáng. Tôi vội-vã lao-đào bước gáp trên con đường lóm chớm đá... quyết tâm chẳng bao giờ bèn mảng tới đó nữa...





# PHỤ-NỮ thể dục

CÔ TUYẾT-ANH

**Đ**ỨNG chân trước chân sau, hai tay để xuôi theo mình, chân trước xếp lại.

Đứng nhanh lên vừa đá mạnh chân sau lên tới trước và 2 tay cũng đưa cao lên một lượt với chân.

Trở về chỗ cũ và đổi chân tập.



(Hình I)

Quỳ gối, 2 bàn tay lên hông.

Ngồi lẹ lên gót chân vừa nhào nửa thân trên tới trước. Hai tay cũng duỗi thẳng tới trước (xuôi theo đầu) trong khi thân trước nhào tới, (Hình II)



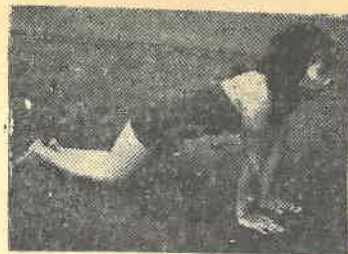
(Hình II)

Nằm giống hệt như hình III.

Chân trái đưa mạnh xuống và lên. Đến khi mỏi thì đổi chân.



(Hình III)



(Hình IV)

Nằm giống như hình IV.

Co và duỗi thẳng 2 tay để nhắc người lên và hạ người xuống.

Nếu các bạn mạnh hơn, thì đừng nên chống 2 gối xuống đất mà chỉ chống với 2 đầu bàn chân thôi.

Lúc ấy toàn thân, từ đầu đến gót chân, phải thật thẳng.

Đứng, hai chân dang ra xa, hai tay đưa lên khỏi đầu.

Ngồi xuống (một chân xếp lại, một chân thẳng) vừa nghiêng người sang phải, chân duỗi thẳng. Hai tay cũng hạ xuôi theo chân thẳng trong lúc nghiêng mình (Hình V).



(Hình V)

Qui gối, hai tay đưa ngang vai.  
Nghiêng người ra sau vừa chắm  
bàn tay trái xuống đất

Qui lên như cũ và đổi tay.

CHÚ-Ý: bàn tay đưa ra sau  
để chắm mặt đất, càng xa càng  
tốt (Hình VI).



(Hình VI)

Qui trên một gối (như hình  
VII) chân trái đưa thẳng nhưng  
không đụng đất.

Đưa chân trái tới trước và  
ra sau.

Khi mỗi thì đổi chân.



(Hình VII)

Đứng, hai chân dang ra xa,  
hai tay đưa ngang vai.

Ngồi xuống, chân mặt xếp lại  
(như hình VIII) vừa kéo bàn tay  
trái cho đụng gót chân mặt.

Đứng lên như cũ và tập tiếp  
nhưng đổi chân và tay.



(Hình VIII)

\*

## ĐỘNG TÁC ĐỀ BỎ KHUYẾT

Ở các bài trước, tất cả các  
động-tác đều nhắm vào mục-đích  
làm cho thân thể được mềm dẻo  
và làm nở tất cả các bắp thịt  
trong người. Mỗi động-tác có kết-  
quả cho rất nhiều bắp thịt.

Một phụ nữ có thân hình hoàn  
toàn nở-nang cân đối thì không  
cần đến bài này nữa; nhưng  
trường-hợp này rất hiếm đối  
với phái-yếu chúng ta. Thế nên  
tôi nêu ra đây những động-tác

đặc-biệt để các bạn sửa-chữa lại  
thân-thể. Nhưng thế nào mới  
gọi là một thân hình đẹp? Tôi  
chắc rằng tất cả chúng ta đều  
thắc mắc điều ấy. Vì thế, sau  
khi sửa-làm, tôi nêu ra đây một  
bản trắc-lượng để các bạn căn-  
cứ vào đây mà sửa lại thân mình.

Muốn làm nở hoặc làm nhỏ  
lại một bắp thịt nào, ta chỉ cần  
cho bắp thịt ấy vận động nhiều  
hơn hoặc xoa bóp cho tan mỡ  
ở bắp-thịt ấy. Kết-quả của những  
động-tác sau đây tiến rất nhanh  
chóng. Chúng ta có thể thấy sau  
vài tuần tập. Những nơi có mỡ  
sẽ tan dần, nhường chỗ cho bắp  
thịt nở lên. Khi có một bắp  
thịt nào bị lép đi, cử động này  
có phận sự lấp lại chỗ lép ấy  
bằng cách làm cho bắp thịt nở  
vòng lên.

Mỗi ngày chúng ta nên tập lối  
15 phút thôi. Các bạn không nên  
tập liên tiếp 2 cử động có một  
kết-quả như nhau. Thí dụ: các  
bạn tập một động-tác ở cổ rồi  
đến một động-tác ở vai hoặc ở  
ngực, xong mới trở lại động tác  
đầu tiên. Mỗi động-tác chỉ được  
tập lối từ 20 đến 25 lần thôi.

Chúng tôi chia các bắp thịt  
chánh trong thân thể ra làm 9

nhóm: cổ, vai, tay, ngực, bụng,  
phần thác lưng, lưng, hông và  
chân. Mỗi nhóm có 6 động-tác.  
Trong lúc tập các bạn nhớ thể  
thật nhiều và đều hòa. Muốn  
làm nở bắp thịt nào, ta chỉ nên  
lựa những động-tác có kết-quả  
ngay bắp thịt ấy thôi. Không nên  
tập quanh quẩn. Khi tập các  
bạn nên đặt tất cả tâm trí và  
hy vọng vào các động-tác đang  
tập, không nên nghĩ vẩn vơ. Lúc  
cần phải cho eo và giãn một bắp  
thịt thì ta phải tập cho nó eo  
và giãn thật hoàn toàn. Nếu tập  
các động với tay thả g thì ta  
nên tập với tạ đôi nặng 0kg500  
mỗi bên; nếu với tay eo lên thì  
nên dùng tạ đôi nặng 1kg mỗi  
bên. Nếu muốn rút ngắn bắp  
thịt lại, ta nên nắm quả tạ thật  
chặt khi tập. Không nên dùng  
tạ có lò xo.

Nếu cần tập đến đây chưa, các  
bạn nên lựa thứ dành riêng cho  
phụ-nữ (vì có nhiều thứ) và trong  
mỗi thứ, nhà sản-xuất đều có chỉ  
rõ cách sử-dụng.

Kỳ sau tôi sẽ nói đến phần  
thực-hành có hình chỉ dẫn.

(Xem bản trắc-lượng ở trang sau).

## \* DANH NGÔN

Tôi sung-sướng vì tôi không phải là một người đàn ông, bởi  
nếu là đàn ông thì tôi bắt buộc phải cưới một người đàn bà.

(Bà STAEL, Nữ-sĩ Pháp)

# THI-SĨ HỒI!

Nên chăm dốt những vần thơ hèn yếu  
Than mây bay với gió thoảng bên màn  
Hãy rên khóc những mảnh tình đan dia  
Cùng tiếc thương những duyên kiếp mong manh!

Nên im hết những vần thơ ủy mị  
Hãy thay bằng những tiếng hét oai hùng  
Giờ đâu phải lúc ta ngồi yên nghĩ  
Đề mơ say theo điệu nhạc nhớ nhung...!

Ta thi sĩ, là người trong thế hệ  
Thanh niên hùng của đất nước Việt Nam  
Có sứ mạng phải hết lòng bảo vệ  
Và điem tó bồi đắp mảnh gian san.

Ta đang sống trong thời kỳ « xây cất »  
Cho nước nhà mạnh tiến được vững bền,  
Thanh niên Việt là những người trước nhất  
Đưa sức tài khéo bị xóa mờ tên.

Thi sĩ hồi, ta hãy cùng nhau nhé!  
Nhập bứt cùng với cuộc bừa: Một lòng  
Khai phá đất, xây cửa nhà tổ về  
Bức dư đồ đất Việt cõi trời đồng

HỮU-DUY-NGỌC

## BÀN TRẮC LƯỢNG CỦA PHỤ NỮ

Cao	Nặng	Vòng cổ	Vòng vai	Vòng ngực đo trên năm vú	Vòng ngực đo dưới vú	Vòng bụng đo ngay rốn	Vòng háng	Vòng bắp tay trên	Vòng bắp tay dưới	Vòng đùi	Vòng bắp chúi	Vòng ngực thì ra đo dưới vú
thước	phần	phần	phần	phần	phần	phần	phần	phần	phần	phần	phần	phần
1,50	43	29	92	81	73	55	82	26	21	46	33	63
1,51	43,9	29,2	92,5	81,5	73,5	55,5	82,5	26,2	21,2	46,5	33,2	63,5
1,52	44,8	29,4	93	82	74	56	83	26,4	21,4	47	33,4	64
1,53	45,7	29,6	93,5	82,5	74,5	56,5	83,5	26,6	21,6	47,5	33,6	64,5
1,54	46,6	29,8	94	83	75	57	84	26,8	21,8	48	33,8	65
1,55	47,5	30	94,5	83,5	75,5	57,5	84,5	27	22	48,5	34	65,5
1,56	48,4	30,2	95	84	76	58	85	27,2	22,2	49	34,2	66
1,57	49,3	30,4	95,5	84,5	76,5	58,5	85,5	27,4	22,4	49,5	34,4	66,5
1,58	50,2	30,6	96	85	77	59	86	27,6	22,6	50	34,6	67
1,59	51,1	30,8	96,5	85,5	77,5	59,5	86,5	27,8	22,8	50,5	34,8	67,5
1,60	52	31	97	86	78	60	87	28	23	51	35	68
1,61	52,9	31,2	97,5	86,5	78,5	60,5	87,5	28,2	23,2	51,5	35,2	68,5
1,62	53,8	31,4	98	87	79	61	88	28,4	23,4	52	35,4	69
1,63	54,7	31,6	98,5	87,5	79,5	61,5	88,5	28,6	23,6	52,5	35,6	69,5
1,64	55,6	31,8	99	88	80	62	89	28,8	23,8	53	35,8	70
1,65	56,5	32	99,5	88,5	80,5	62,5	89,5	29	24	53,5	36	70,5

# NGÀY LỊCH-SỬ

## I. — THÁNG GIÊNG

★ NGUYỄN-TRIỆU *Sưu Tầm*

### 1

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

8 Février 1959

★ 1 THÁNG GIÊNG, QUÝ-TỊ  
(25 Janvier 1533)

DUY-NINH, là con út vua Lê Chiêu-Tôn được chúa Nguyễn Kim lập lên làm Vua tại Ai-Lao tức LÊ TRANG-TÔN và lấy niên-hiệu là Nguyên-Hòa.

★ 1 THÁNG GIÊNG, CANH-TÝ  
(5 Février 1780)

Nguyễn Phúc Ánh tức GIA-LONG lên vương-vị tại thành GIA-BÌNH.

★ 1 THÁNG GIÊNG, CANH-THÌN  
(14 Février 1820)

HOÀNG-TỬ ĐỖM lên nối ngôi Vua Gia-long, lấy niên-hiệu là MINH-MẠNG.

### 2

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

9 Février 1959

★ 2 THÁNG GIÊNG, ẤT-DẬU  
(15 Février 1835)

Thành Tuyên - Quang (Bắc - phần) bị quân CÔ-ĐEN vây, tướng Pháp BRIÈRE DEL'ISLE phải đem quân từ Lạng-Sơn về Hà-nội để đưa lên giải-cứ.

★ 2 THÁNG GIÊNG, ẤT-TỊ  
(26 Janvier 1905)

Cụ Sào - Nam PHAN BỘI-CHÂU cải-trang làm thương khách trốn xuống tàu đi Monaco rồi xuất dương.

### 3

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

10 Février 1959

★ 3 THÁNG GIÊNG, MẬU-TUẤT  
(8 Février 1418)

LÊ LỢI khởi binh ở Lam-Sơn tự xưng là Bình Đĩnh-Vương.

★ 3 THÁNG GIÊNG, KỶ-DẬU  
(16 Février 1780)

NGUYỄN HUỆ thắng quân THÀNH ở Hạ-Hải (gần Thường Tín thuộc Hà-nội). Quân địch thua kéo cờ hàng.

### 4

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

11 Février 1959

★ 4 THÁNG GIÊNG, BÍNH-THÌN  
(11 Février 1076)

LÝ THƯỜNG KIỆT, xuất kỳ bất-ý đón đánh quân nhà TỐNG ở Côn-Li n-quan và cả phá tan quân cứu-viện thành Ung-Châu.

### 5

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

12 Février 1959

★ 5 THÁNG GIÊNG KỶ-DẬU  
(18 Février 1789)

NGUYỄN-HUỆ phá tan quân Thanh ở Đống-Đa. TÔN-SĨ-NGHỊ chạy trốn về Tàu. Đồng-thời, SÂM-NGHI-ĐỒNG bị thua ở Đồn Khương-Thượng, về Đống-Đa thất cớ tr-lần.

★ 5 THÁNG GIÊNG QUÝ-SỬU  
(10 Février 1918)

LƯƠNG-TAM-KỶ lừa bắt rồi chém đầu ông HOÀNG-HOA-THÂM tức Đề Thám, đem nộp cho viên công-sứ Pháp là BOUCHER.

**6**  
Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

13 Février 1959

**7**  
Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

14 Février 1959

★ 6 THÁNG GIÊNG ẤT-DẬU

(17 Février 1285)

Quân Ô-MÃ-NHI xâm chiếm Đền Vạn-Kiếp và Núi Phô-Lại.

★ 6 THÁNG GIÊNG NHÂM-THÌN

(18 Février 1592)

Chúa TRỊ H-TÔNG phụng mệnh Vua LÊ ra đánh MẠC, hạ được thành Đại-La tức Hà Nội bây giờ, phá hủy san thành đất phẳng. (Lũy thành Đại-La hiện nay tức là con đường cao bờ đê sông Cái đi xuống ô-cầu Dền gần Bạch-Mai thẳng sang làng Kim-Liên ở Đông-Làm, qua ô chợ Dừa sang Cầu-Giấy, vòng lên chợ Bưởi rồi lại quanh lên Đê).

★ 6 THÁNG GIÊNG ẤT-MÙI

(31 Janvier 1895)

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG cùng nghĩa binh kéo về đến Núi Quạt, sai quân-sĩ giả làm nông-dân và thương-khách qua Quảng-Bình mua gạo rồi lên chở theo đường rừng đem về.

★ 7 THÁNG GIÊNG, KỶ-HỢI

(19 Février 39)

Hai bà TRUNG-RẮC và TRUNG-NHỊ thao-luyện tướng sĩ ở Bãi Trường-sa bên sông Bạch-Hạc (thuộc tỉnh Vĩnh-Yên Bắc-Phần).

★ 7 THÁNG GIÊNG, ĐINH-DẬU

(21 Janvier 1477)

Vua LÊ THÁNH-TÔN cử binh vào đánh CHIÊM-THÀNH, quân thủy, bộ tiến đến cửa Tân-Áp.

**8**

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

15 Février 1959

**9**

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

16 Février 1959

**10**

Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

17 Février 1959

★ 8 THÁNG GIÊNG, MẬU-TÝ

(10 Février 1288)

Quân nhà TRẦN thắng quân MÔNG-CỔ ở ngoài cửa bể Đại-Bàng, quân Nguyên bị tử-thương rất nhiều.

★ 8 THÁNG GIÊNG, TÂN-MÔN

(8 Février 1731)

Quân chúa TRỊNH DOANH đánh lấy được Đền Hương-canh (thuộc Vĩnh-Yên Bắc-phần) của NGUYỄN DANH-PHƯƠNG.

★ 9 THÁNG GIÊNG, ẤT-DẬU

(14 Février 1208)

Vua TRẦN NHẢ -TÔN tự làm tướng huy-động 10 vạn quân đánh đuổi Ô-MÃ-NHI ở Bình-than (nay là Bàn-than thuộc huyện Quế-Dương, giáp Lục-đầu, thuộc tỉnh Bắc-Ninh Bắc-phần).

★ 9 THÁNG GIÊNG, MẬU-TUẤT

(14 Février 1418)

Nội-thần nhà Minh là Ỗ-KỶ cất quân sang đánh LÊ-LỢI ở Lam-Sơn.

★ 10 THÁNG GIÊNG, MẬU-THÂN

(26 Janvier 1428)

TRẦN-CÁO (tên thật là Hồ-Công, tức vua Thiên-Khánh) bị triều thần bắt uống thuốc độc chết, vì lòng dân không phục và muốn tôn LÊ-LỢI lên ngôi.

# 11

## Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

18 Février 1959

★ 11 THÁNG GIÊNG, MẬU-TÝ  
(13 Février 1288)

Phó-tướng TRẦN KHÁNH-DU đánh chìm hết thuyền lương của quân MÔNG-CỔ ở Cửa Lục (phần bờ gần Hongay trong Vịnh Bắc-phần ngày nay).

★ 11 THÁNG GIÊNG, KỶ-MÙI  
(13 Février 1859)

Thủy-quân PHÁP, sau khi đã chiếm được Mũi Cà-Mau và đồn Vũng-Tàu tiến vào công-phá thành SAIGON.

# 12

## Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

19 Février 1959

★ 12 THÁNG GIÊNG, ẤT-DẬU  
(17 Février 1285)

Trận « Dục-thủy » của TRẦN HƯNG-ĐẠO bày ở Vạn-Kiếp bị quân của THOÁT-HOAN nhà Nguyên phá vỡ. Địch thừa thắng tràn đến cướp phá Gia-Lâm, Vũ-Ninh và Đông-Ngạn thuộc tỉnh Bắc-Ninh.

★ 12 THÁNG GIÊNG,  
CANH-NGỌ  
(10 Février 1930)

« VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG » khởi nghĩa ở Yên-Báy (Bắc-phần).

# 13

## Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

20 Février 1959

★ 13 THÁNG GIÊNG,  
MẬU-TUẤT  
(14 Février 1418)

LÊ LỢI đem quân đến đóng ở Lạc-thủy, đặt mai-phục để đánh quân nhà Minh, bắt được lương-thực cùng khí-giới rất nhiều. Giết chết hơn 3.000 quân địch, rồi dời quân về đóng ở núi Chí-Linh thuộc phủ Trấn-Định tỉnh Nghệ-An.

★ 13 THÁNG GIÊNG, QUÝ-TỊ  
(13 Février 1593)

Quân TRỊNH-TÙNG đến Chí-Linh chia binh đuổi bắt MẠC-KHA G-HỮU ở làng Tân-Manh, huyện Hoàn-Bồ, tỉnh Quảng Yên (Bắc-phần).

# 14

## Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

21 Février 1959

★ 14 THÁNG GIÊNG, QUÝ-TỊ  
(14 Février 1593)

Chúa TRỊNH-TÔNG bắt được MẠC-KÍNH-CHỈ là chất Mạc-Đặng-Dung tự-lập làm vua đóng ở vùng Đông-triều tỉnh Hải-dương.

# 15

## Tháng GIÊNG, KỶ-HỢI

22 Février 1959

★ 15 THÁNG GIÊNG,  
NHÂM-THÂN  
(15 Février 1272)

Tiến-sĩ Lê văn Hưu đời nhà Trần, dâng lên Vua coi bộ SỬ « ĐẠI-VIỆT-SỬ-KỶ » tất cả 30 quyển là một pho sử « trùng-tu » trước nhất ở Nước ta.

★ 15 THÁNG GIÊNG, ẤT-TỊ  
(12 Février 1835)

Sinh-nhật Thi-sĩ Tam-nguyên YÊN-ĐỒ tức Nguyễn-Khuyến.

(Còn nữa)

★ **Sanh đôi + Một**

Hai đứa trẻ chơi đùa bên vũng nước trước nhà, chúng giống nhau như đúc. Một người khách đi đường hỏi:

— Hai em có phải sinh đôi không?

Một em trả lời: — Dạ không.

Người khách hỏi đứa trẻ hai:

— Em bao nhiêu tuổi? — Dạ, sáu tuổi.

Người khách quay lại hỏi đứa kia:

— Còn em, năm nay em mấy tuổi?

— Dạ, cũng sáu tuổi?

Ngạc nhiên người khách hỏi tiếp:

— Sao lạ quá vậy? Hai em đều 6 tuổi và giống nhau như hệt, mà không phải là sinh đôi à?

Vừa lúc đó người mẹ trong nhà đi ra trả lời:

— Tại nó không phải sinh đôi mà sinh ba. Đứa thứ ba đang còn ngủ ở trong phòng.

H. P.

# ÔNG NĂM -

# CHUỘT

CHUYỆN NGẮN

của

★ PHAN KHÔI

(trích trong báo **VĂN** số 36, xuất bản ở Hà-nội, ngày 10-1-1958)

*ÔNG PHAN-KHÔI là một nhà Văn lối-lạc mà tất cả các bạn đều biết tiếng. Ông là một nhà Văn độc-lập, chủ-trương Tự-do Văn-nghệ, nhất-định không chịu để một áp-lực nào chỉ-huy tư-tưởng của ông, và đề-nên lương-tâm của ông. Thời kỳ chiến-tranh ông bị kẹt ở Việt-Bắc, nhưng mãi đến ngày nay ông vẫn giữ vững lập-trường và hiện bị chế-độ cộng-sản ở Bắc-Việt kết-án là phản-động.*

*Bài « Ông Năm Chuột » dưới đây vừa đăng trong tờ báo « VĂN » số 36, ra ngày 10-1-1958, thì báo ấy liền bị đóng cửa. Đây là một câu chuyện phỉ, nhưng viết với lối văn di dóm, duyên-dáng, và ngụ ý mỉa-mai rằng : dù kẻ thống-trị chuyên-chế cố che lấp các tội lỗi của mình, nhân-dân vẫn thấy rõ.*

*Nhận thấy bài này rất lý-thú, chúng tôi xin trích đăng trong **PHỒ-THÔNG** để bạn đọc được dịp thưởng-thức một bài văn mới nhất của ông PHAN KHÔI, xuất-bản tại Hà-nội.*

**PHỒ-THÔNG**



Hồi tôi còn mười bốn tuổi, mười lăm tuổi, thì đã nghe người làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột.

Về gốc gác của hắn, chỉ thấy nói là người làng Kỳ-lam, cái làng ở phía Bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe hỏa gọi là ga Kỳ-lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình như hắn cũng không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hắn làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi đó hộ, như Huế, Đà-Nẵng, Hội-an.

Họ nói Năm-Chuột là thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhưng lại nói hắn tỏ làm đồ vàng gả, mỗi khi được gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho người ta, nhà chủ đả ngồi cạnh bên hắn cũng cứ tráo bạc, tráo đồng vào, lấy vàng ra, không làm sao biết được. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có, vốn biết Năm Chuột là thợ khéo nhưng không ai dám thuê hắn làm việc gì về cái nghề của hắn cả. Nhiều người còn nói Năm-Chuột dúi sừng, đúc bạc giả được. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí mật, hình như họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, « làm giặc » chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào, người ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng « mười voi không được bát xáo »

tức là mắng người ấy đã lại nói láo nói phét rồi, có khi chỉ dùng một chữ : chuột quá, tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng, lại thỉnh thoảng nghe người ta nói chuyện về Năm Chuột như thế, như thế, tôi cũng chỉ nghe dăm tai mà thôi, không để ý mấy. Mà hắn thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng, đang lo sôi kinh nấu sử đề khoa tới đây đỗ thủ khoa, không thì cũng cử-nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải để ý đến chuyện một anh thợ bạc.

Năm hai mươi tuổi tôi thi đồ tú-tài — lạ quá, sao lại đồ tú-tài ? — Về nhà cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân đài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một buổi cơm trưa, đến xế chiều, tôi cáo về thì vừa có một người đến. Người trạc dưới bốn mươi tuổi, mặt trệt nước da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi trề ra, hàm và cằm như nguyên không có râu, không phải cạo, người thấp song cũng không thấp lắm, đầu trọc, quần cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sống. Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ cái nón ra, mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc-tầu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khăm xa-cừ và bịt bạc, bịt vàng

gi đó. Cậu tôi chào như không phải chào :

— Anh Năm phải ?

— Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù có gặp một người khách mới vào hỏi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc nãy. Anh ta tự giới thiệu :

— Tôi là Năm Chuột đây.  
Rõ đột ngộ hồ tôi :

— Nghe nói cậu đậu Tú-tài mà cậu không, có phải không ? Giả sử cậu được đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì ?

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống ! Tôi bẽn lẽn, ấp úng cười hi hi không trả lời được. Bởi vì cái lễ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thì thì thôi, đã đi thì thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm-Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta có đưa cái dọc tàu lên, nói với tôi :

— Ông cậu của cậu thật là kẹo quá cái dọc. à ! thế này mà cầm trả có năm đồng bạc.

— Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chang.

Tôi nói cho có nói, chứ không

có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng :

— Quan lớn hồi xưa, (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng-Đốc Hà-Nội vừa chi, mà không có tiền lợ, nổi cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói ; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm tri-phủ có ba năm về « chung đường », mua được những mười mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói không có nhiều tiền ?

Tôi thấy cái điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dưng anh ta cất tiếng cười một cách rất xa lạ, rồi nói tiếp :

— Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây !

Nghe câu này, tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như với vát một ít :

— Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đời, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.

A h ta bữ môi, cái môi đã trệ rồi, còn bữ nữa rất khó coi.

— Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp :

— Hèn chi mà quan lớn chết ở Hà-Nội năm Ngọ, năm Dậu

thất-thủ kinh đô, nghĩa hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi, Tây kéo lên đóng đồn ở chùa Phi-Phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang tá trong cái đồn ấy. Để làm chi ? Cậu có biết không ? Để đàn áp nghĩa hội.

Nhưng chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ tôi biết cả, nhưng tăng lơ nói :

— Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi mới đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy ?

Anh ta lại cười, nhưng không xô lá, nhìn vào mặt tôi :

— Thấy người ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu tôi cũng thấy cậu thông minh thật.

Thình lình anh ta nhảy mũi đập hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi cả nước mắt nữa, rồi nói thêm :

— Như tôi, anh ta lấy tay phải ấn vào ngực, ghìền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà cũng hút thì hết thấy những người nghiệp chúng tôi đều phải lấy làm lạ.

— Sao vậy ?

— Quan lớn hồi xưa có cùng mấy ông em lập một bản « gia-ước » trong có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng-trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó : cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái « gia ước » mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại tìm th c.

Đây đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại để mấy lời từ biệt. Năm Chuột nắm tay tôi và nói :

— Tôi nói này giờ cô làm mếch lòng cậu không ? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, bà tốt thì gặp cậu lần đầu phải nói để làm mếch lòng cậu, nhưng tôi cô gặp cậu chuyện đáng nói thì cứ nói.

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ, « à ra Năm Chuột là con người như thế đấy ». Là một anh thợ bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm lạ.

Tối hôm ấy, tôi đem cả câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo :

— Cái thằng lão đến thế là cùng !

— Nhưng những điều hẳn nể, con thấy như cũng có cái đáng. Tôi rón rén thưa lại.

— Đùng kia à ? Mặc dầu ông chẳng nữa, cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế à ?

Thấy thầy tôi nói hơi căng, tôi làm thinh. Một chặp tôi mới dịu giọng hỏi :



— Cái « gia ước » ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không ?

— Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông bản (nhà quan thượng Phạm phủ Thứ) thì có, còn nhà Xuân-Tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình :

— Cái thằng lão quá !

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chừng vào khoảng 1920 một lần tôi ở Hà-Nội về nhà, thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ở ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác như là một vật gì mình đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại.

Làng tôi có một chỗ gọi là Cồn mũi guom, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làng làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hấn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm thấy trong nhà chỉ có một căn van nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phen tre, ngoài ra là cái lò bễ bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hấn ở trần, ngồi cạnh cái lò bễ đang

hơ cả người trên lửa. Hấn xin lỗi tôi và nói : « Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghê, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước ». Hấn mời tôi ngồi trên ván, tôi không ngồi, ngồi trên cái đôn kê đặt ở đất gần lò bễ, chỗ sắm cho bạn hàng ngồi xem hấn làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bễ, bắc ấm nước lên, rồi gọi vợ sút cá bình tích trà hãm đi, cho trà khác vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cùng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng :

— Mười năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.

— Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân-Đài đến Bảo-an.

Anh ta đưa tay lên khoát-khoát, nói thật nhanh :

— Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cư ở làng ông được.

Tôi nói :

— Đã thế thì đến phiên tôi.

Trước kia ông không sợ méch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ méch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.

Anh ta cười một cách thẳng thắn.

— Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay àu cấp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bễ đến đây làm gì ?

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng :

— Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khóa tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.

— Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cấp vàng không ? Và ăn cấp như thế nào ?

Anh ta lại cười một cách xỏ lá :

— Thứ ăn cấp mà kể gì ? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cấp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo-an đây thì tôi không thêm.

Rồi anh ta thuật lại một chuyện ăn cấp vàng cho tôi nghe :

— Năm Thành-Thái thập nhị, ông Nguyễn hữu Thăng làm Tổng-đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hóa-Mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đôi đến, lính bẩm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm

cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói « được » và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vòng lụa trắng tinh khiết bỏ sẵn trong túi, bên lấy lột trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vòng lụa. Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu và cảm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đầu ra đó, còn vận chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi, tôi trả đôi vòng lại và nói : « Bầm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vận ra vận vô của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không ? » Cô ta nói : « Tôi biết, nó là chữ « ngọc ». Tôi nói : « Con có thể làm đúng y như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn ». Cô ta đồng ý.

Nói đến đó, anh ta nổi ngập một ngói đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp :

— Tôi về nhà, cày - cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm bằng đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm, cho

đến cái chữ ở trong, đều y hệt như đôi vòng của cô Hóa-Mộc, dù mà đánh tráo, có thánh cũng không biết...  
Tôi nghĩ :

— Đáng rằng ông làm một cái rất giống, còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được ?

— Ấy thế mới là tài. Anh ta trời húp mắt mà không ra tiếng. Chính àn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thử kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng hạn, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trước mặt anh ta. Kéo xong điều thuốc, anh ta dằng hắng một cái, ngồi đây cầm dây chuyền lên trên tay nhắc nhắc một cái, rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu ly đưa cho tôi, nói quả quyết :

— Ông biết mặt cân chứ ? Đưa xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hai yếu một chút, song để n vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên :

— Thế thì tài thật, xin chịu.

— Anh ta lại nói :

— Con một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ

kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chì cùng một thể tích thì trọng lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không to hơn, thể mới là khéo, nhưng cái đó có thực hành mới cắt nghĩa được, nói miệng sơ ông cũng không hiểu.

Nghỉ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo :

— Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thỏa thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng điệp ra đặt trên sạp, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lạng hai, tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai. Cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng đây cầm bó vàng điệp cả chỗ một lạng hai cắt vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đây vuông lạng trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chia bàn tay có vuông lạng trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sắp lưng đi về chỗ sạp. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lạng từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cô ta, và

tôi gấp nhanh vuông lạng có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi : « Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à ? ». Tôi nói : « Bầm bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin đảm bảo làm thật đúng ». Cô ta khen : « Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng ». Bấy giờ chừng mười giờ sáng tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng điệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vĩnh-Điện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chính hiệu củ « bà lớn » gửi cho một người anh em « đồng đạo ». Tôi không quên câu tục ngữ : « Có gian phải có ngoan ».

— Ông ăn cắp chỉ có thế, hay là lúc trở lại làm còn ăn cắp nữa ?

Tôi hỏi,

— Không, tôi đại gì mà ăn cắp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cắp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cắp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì. Cô ta ngẫm-nghĩ rồi bảo : « Tôi là người Hóa-mộc, khắc chữ «mộc» cho tôi ». Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hệt, có khắc chữ khác nhau dễ làm dấu thì mai sau đôi giả có xì ra, hẳn thì không có thể ngờ được là đôi do tay tôi làm ra. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, như thế, sẽ làm

cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi đã làm cho hấn đôi vòng thật đó hóa ra là người thợ bất lương thiện, nhưng ông tính, đã gết người ai còn gớm chầy máu !

— Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không ?

— Kể ra cũng không ít, nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp như Tổng đốc, Bố chánh, Án sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc này đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết đi « mách miệng » cho kẻ khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với người ta cũng như với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu ?

Hỏi đến lúc đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo :

— Ta có nấu sắt được đâu mà đúc súng ? Nhưng chữa súng thì có. Hồi tôi ở Đà-nẵng, các thư súng liệt máy của Tây thường đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng lính ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.

Nam Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loại kim và phép hợp kim, naur đồng và kẽm mỗi thứ bao nhiêu hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thì thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi :

— Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết.

Anh ta vung ngời dậy, cười, ra điều đặc ý, vỗ vào đùi tôi :

— Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ đọc có một cuốn sách là cuốn Kim-Thạch chí biệt.

Tôi sùng sốt, nghĩ bụng : té ra anh này còn biết chữ nữa kia. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác, tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim-Thạch chí biệt không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu tôi kiếm đường nói trở chữ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc Lô Tấn toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học-thức, viết báo viết biếm, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ẽ quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà-Nội hoặc Sài-gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.

★

Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện như đã phê bình cậu tôi một cách không nề nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói : « Tôi chỉ phục có hai người, một là ông Biện-Chín, một là ông Tám Thứ ».

Ông Tám-Thứ, người Minh-Hương, ở ngụ làng tôi, nghề chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện-Chín tên thật là Phan-Định chủ ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bôi. Chú tôi là dân trắng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người « cần kiệm liêm chính, lại khảng khái nữa, chính tôi tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi. Tôi không tham gia ý kiến gì, chỉ ngấm ngầm chịu anh ta là biết người phê bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý, là anh ta không phục thầy tôi. Thầy tôi đã đồ đại khoa, làm quan, bỏ quan về ở làng, cầm cân nảy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai, mang tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người

ngoài trêu nghị mà mình không biết chằng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Nam-Chuột khen phục chú thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng dưng anh ta hỏi tôi :

— Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không?

Tôi lấy làm lạ, sao hẳn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời :

— Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ-Hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Số dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi nghe thoáng qua dư luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải phòng gặp Lê bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự tòa sứ Nha-trang, thầy tôi làm tri phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái ăm :

— Ở làng này còn có hai ông

nữa đều làm đến Tri huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hưu tri, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao?

« Thằng cha khó chịu thật, tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hắn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non sót quá :

Việc hai ông ấy thì tôi không biết.

— Anh ta vẫn cười cái lối xỏ lá rất khả ố. Ngọt con cười mòi bình tĩnh nói :

— Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.

— Thì ông cứ nói đi.

— Làng Bảo-an, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên Đồng-Khánh, Thành-Thái đến giờ ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông Huyện kia cày cục mãi đến ngoài bốn mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà

ta về sớm là vì mới ba mươi tám tuổi đã làm Tri-phủ.

Tôi làm như không để ý gặt gặt như anh ta kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng, là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đồng Mỹ, đông giáp làng Xuân đài, hai làng này đều có Tổng đốc, mà làng tôi, thì đồ thi đồng, đại khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thử Tự Đức ông Nguyễn-duy-Tự làm đến phủ doãn Thừa-Thiên, ông nội tôi làm đến An-sát Khanh-hòa, cũng đều bị cách. Tôi không tin. phong thủy, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Nam Chuột rõ ràng mà đánh thụp lằm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của n./rời viết báo, tôi không thể cái chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét.

Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đôn kê xem anh ta làm việc, hểc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem thì là một cuốn Thương-Sơn thì tập không có

bia, đã xé mất nhiều trang, tôi hỏi :

— Ông cũng có sách này à ? Nó là một bộ đến mười cuốn, sao ở đây chỉ có một cuốn ?

— Tôi có mà tôi xé để quần thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quỳn, quần thuốc tốt lắm.

— Ông có xem qua chứ ?

— Thơ của ông Hoàng minh xem thế nào được ? Tôi chỉ xem được có mỗi một bài **Mại trúc diêu**.

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ Thương-Sơn rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài **Mại trúc diêu** là bài thế nào, tôi có biết đâu ? Chỉ vì giữa đốt, tôi lại cư làm tỉnh, không hỏi anh ta.

Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ Thương-Sơn ra tìm, tìm được bài **Mại trúc diêu**. Về sau, tôi dịch ra đăng báo Phụ-nữ Tân-văn, sau nữa đem in trong **Chương Dân thi-thoại**. Lọc ra đây để bạn đọc thưởng thức cái mức thưởng thức văn học của anh thợ bạc :

### **Bài hát bán tre**

*Ngày đốn hai cây trúc  
Bán đi để dẫn bụng  
Tron của tre dầy kho.  
Ngoài cửa tiền chẳng cho  
Không nói thì cũng khờ,  
Nói thì rồi đi sẽ quật chú.  
Rày về sau dùng đốn tre nữa,  
Đói nằm trong tre chết cũng đủ !*

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý kiêu. Tôi có ý trách. Anh ta giải thích thế này : « Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề làm thợ bạc cho tôi ».

Anh ta làm thợ bạc, nhưng cũng kiêm thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta như cái kim của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà-nội về nhà được mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Bữa quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái tốp

tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú già đập bàn quả : « Mày gọi bằng Năm Chuột bằng ông, thì gọi sao bằng gì ? » Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là ông Năm Chuột.

(Rút trong quyển TRÂM HOA ĐUA NƠI, TIÊN ĐẤT BẮC, của Một trận báo vệ Tự-do Văn-Hóa)

**Bạn đọc xem trong số sau :**

**NHỚ CỤ**

**PHAN-KHÔI**

của THIẾU-SƠN

### **★ Đính chính về tên « PHAN-BÁ-NGỌC »**

Trong Phò-Thông số Xuân, bài « **Minh ơi !** », cuối trang 124 và đầu trang 125, có câu : « cũng như có ai ngờ con trai của cụ PHAN-ĐÌNH-PHÙNG là Phan Văn Ngọc, lại làm diêm-chi đi bắt vua Hàm-Nghi giao cho Tây ». Câu ấy in lộn, vậy nay xin sửa đúng lại nguyên-văn như sau đây : « cũng như có ai ngờ rằng cụ Phan-đình-Phùng đã theo vua Hàm-Nghi đánh Tây mà con trai của cụ là PHAN-BÁ-NGỌC sau lại đi làm diêm-chi cho Tây ».

Tài-liệu bổ túc : cụ Phan-đình-Phùng có 4 người con trai : 3 người con trai lớn bị chết vì bệnh điên, còn người con út tên là Phan-đình-Từ, tự là Bá-Ngọc, hay Văn-Ngọc, lúc thiếu thời có theo Cụ kháng-chiến chống Pháp. Năm 1896, sau khi cụ mất một năm, Phan-Bá-Ngọc xuất dương qua Nhật. Nhưng về sau, cùng với Nguyễn-Bá-Trác về quy-thuận chính-phủ thuộc-địa, rồi được Pháp sai qua Tàu để làm mật-thám dò xét các nhà cách-mạng Việt-Nam hoạt-động bên ấy. Vì sự phản-bội ấy mà Phan-Bá-Ngọc bị đày cách-mạng ta thủ-tiên tại Hồng-Khẩu (Tàu) cuối năm 1921.

**ĐIỆU HUYỀN**

# SÂN KHẤU CẢI-LƯƠNG

## ĐÁ ĐƯỢC 41 TUỔI

(Tiếp theo P. T. số 5)



TRONG kỳ trước, quý bạn đã rõ biết Cậu Hai Hiền, người sáng lập ra gánh hát xiếc «THÁI ANH TINH» (có phụ họa ca tài tử), cha đẻ của «sân khấu» và ông Phó-Mười-Hai, thi tổ của lối hát cải lương.

Chính ông Phó-Mười-Hai chế biến ra cách ca bằng sự phân vai cho nhiều người (trong một bản hát), rồi sau đó mới đi đến lối ca có «ra bộ tịch». Thấy lối ca hát mới mẻ này có kết quả bằng sự ham mê của dân chúng, cậu Hai Hiền mới đưa nó ra, xen kẽ với các màn xiếc, như lối «attractions sur scène» trên các sân khấu chớp bóng ngày nay.

Sân khấu ngày xưa phần nhiều nhằm mục đích giúp vui dân chúng, chưa ai nghĩ đến việc làm CHỦ GÁNH, tạo ra chế độ BẦU BÌ.

Cũng nên nói thêm rằng trước khi Cậu Hai Hiền biết lợi dụng «lối ca phân vai, ca ra bộ»,

nhóm trí thức bến Long-Hồ là ông PHÓ MƯỜI-HAI, ông Kinh Lịch Hườn, ông Trương Tòa Giang, ông giáo sư Hạnh, đã mượn rạp hát CẦU LẬU của ông Trần Văn Thiệt (phu thân của kịch sĩ tạt nguyên ĐUY LÂN) để đưa lối ca ra bộ lên sân khấu.

Những người «lên sân khấu», ca hát có bộ tịch ấy, toàn là «mấy ông mấy thầy» ở tỉnh. Họ không là ca sĩ chuyên môn, họ chẳng cần tiền, nhưng họ có tâm hồn yêu mến ca nhạc, họ chỉ tìm sự vui thỏa khi được tiếng vỗ tay gần trước nóc rạp.

### NGUYỄN-ANG-CA

Độc đến đây, chúng tôi xin quý bạn đón xem trong một số tới kịch sĩ lão thành BẢY NHIỀU sẽ nói với bạn đọc biết rõ về lối CA RA BỘ hồi 40 năm trước. Bây giờ, chúng tôi mời quý bạn nghe kịch sĩ ĐUY LÂN tham gia ý kiến về nguồn gốc phát sanh cải lương.

Nghệ-thuật hát cải-lương, gồm ca, nhạc, vũ cổ-đền lồng trong kịch-thề, chắc chắn không ở nguồn Hát Bộ — tuồng cổ — phát

sinh hay canh cải ra, mặc dầu trong thời phát triển ban khai, nghệ-thuật này có vay mượn ít nhiều hình-thức để bổ-xung, mà lại là do nền ca-nhạc cổ-diễn và kho cổ-tích, thơ, truyện, của miền Nam nước Việt cấu tạo nên, đúng 6 bản Bắc, 3 bản Nam, 5 bản oán, 7 bài lễ, và các bản vắn, phối hợp vào các lớp đối thoại bằng văn vần, văn xuôi làm căn-bản diễn xuất và có dựa vào ý-thức kích thê học được của Pháp ở phần Trung-học mà xây dựng nên. Nên gọi nghệ-thuật ấy là ca-kịch — như opérette của Pháp.

Giữa cuộc Âu-châu đại - chiến 1914-18, miền Nam nước Việt dưới ách thực dân Pháp, toàn dân đều mượn thú cầm ca làm môn giải-trí thuần nhứt. Do đó mà nền ca-nhạc cổ-diễn miền Nam rất mực thịnh-hành. Miền Đông như Chợ-lớn, Gò-công, miền Tây như Vĩnh-Long, Sađéc, Mỹ-tho v.v... các nho tài-tử ca nhạc, các hội cầm kỳ thi họa đua nhau nảy nở. Đâu đâu cũng có người mộ điệu tranh nhau học hỏi, tập dượt, hòa tấu,

đờn ca, ý-thức ấy thúc đẩy mạnh đến thê-hiện rõ-rệt từ trong những vườn phòng tao mạc, dưới cổng làng, trên giòng trăng nước, ca đua nhau lên phố tài đờn, ca, hát trên sân-khấu một vài rạp hát Bộ nhằm những buổi lễ hội lớn lao.

Sự trạng ấy nảy nở trước ở vùng Long-Hồ,



Hồi 30 tuổi, nhưng Cô Bảy PHÙNG-HÀ — trên sân khấu — vẫn trẻ đẹp như 25 năm trước

lĩnh Vĩnh-Long, nơi được xem là đất giàu phong thê van-nghệ, mà chỉ với một ông Trần - văn - Hườn, kinh lịch Tòa-án, một tài họa xuất chúng về cầm kỳ th họa có nhiều khả - năng sáng tác nhất, đã được người trong điệu cầm ca khắp nơi ca ngợi là mực thước chánh tông, vốn là học-trò yêu quý nhất của hai danh sư được sùng bái như đờng thời, Ông Phạm-đăng-Đàn, Ông Thủ-bôn-Thiêng; nhà cầm quyền Pháp lợi-dụng ngay cơ hội

tốt, mượn phong trào cầm ca làm lợi khí tuyên - truyền để quyền góp tiền nhân-dân giúp «Mẫu Quốc» đang lâm nguy. Khẩu-hiệu «Rồng Nam phun bạc đánh đờ Đức tặc» được thực-dân tung ra và khai-thác «Quốc



CÔ THANH - LOAN

*Cô đào có vẻ đẹp thủy mị và cốt cách phong lưu của sân khấu cải lương.*

trái» đến triệt-đề.

Đầu năm 1916 một buổi hát ca kịch lên khởi đặt viên gạch đầu tay cho nền móng hát cải lương, được khai-sanh tại rạp hát tuồng cổ duy-nhứt tại tỉnh của ông Trần-văn-Thiết, nghiệp-chủ, là thầy-sinh của kẻ thuyết trình về bi-môn này, lấy tiền giúp «Nước Mạ» bên kia trời.

Ai khởi xướng ra buổi hát lịch-sử ấy?

Một danh-sĩ tài-hoa là Ông Tống-hữu-Đình, (tục danh là Thầy Phó mười hai) vốn giọng dõ một công-thần nhà Nguyễn, Ngài Tống-phước-Hiệp, thần hoàng bốn tỉnh, người đã sáng-lập ra Văn-Thành miếu thờ Đức-Không, hiện còn hương khói hiển linh, mà cũng là người đã nâng đỡ, chịu toàn nền cô-nhạc Long-Hồ được vang danh thuở

ấy, đã góp công cùng quý Ông: Nguyệt-thành-Điềm, Đốc-học Thiệp, Hồ-chí-Giang v.v... với các bậc danh cầm như quý Ông: Trần-văn-Huờn, Trần-văn-Điềm (tục danh ông Năm-Điềm) Trần-van-Triều (ông bảy Triều) — 2 ông sau là ông nội và cha của Trần-ân-Khê và quái kiệt Trần-văn-Trạch hiện nay — Ba Phương, Ba Giỏi, Hai-Nghị, v.v... và nhất là ông Lê-van-Hiền, một bậc chí sĩ ân-danh, đồng xây-dựng nên buổi hát khởi thủy ấy.

Cương trình buổi hát ấy có những gì?

Một màn cầm ca với hai hàng ghế, một dành cho các tay đàn ngồi sau lưng mấy trang «tài-kử» thay nhau ca Bắc, oán, Nam, v.v... giữa sân khấu. Rồi đến màn linh-hoạt nhưt với lớp ca diễn mang nhiều tính chất kịch-nghệ, đó là màn «Tứ-đại-Oán» «Bùi-Kiệm» với ba người thay nhau ca ra bộ trong bản tứ đại nhịp tư ấy. Một bản ca được xem là mẹ đẻ, là cơ cấu phát triển điệu hát Cải-lương chính là bản Oán «Kệ-m từ khi thi rớt trở về» này. Nội-dung bản ca diễn-tả từ lớp Bùi-Kiệm bị Bùi Ông mắng nhiếc, Bùi-Kiệm trêu ghẹo Nguyệt-Nga, Nguyệt-Nga lay tượng, đề thơ cảm biệt họ Bùi rồi trốn đi. Lời văn duyên dáng, ý-từ trào-lộng thi vị của bản ca đã giúp sáng-kiến cho từ một người ngồi ca trọn bản, rồi hai nam một nữ đua tài, đến cả ba người vừa ca vừa ra bộ, rồi cuối cùng đem nhau lên sân khấu phô-diễn

thành một ca-nhạc phẩm cực-kỳ linh động và lý-thú — toàn là lời ca, không chen một câu nói nào cả, như lối Opéra của Pháp trong một lớp ngắn. Cô ba Định trong vai Nguyệt-Nga tha thướt, Ông giáo Du trong vai Bùi ông... rầu bông gòn, và nhất là ông giáo Diệp-minh-Kỷ trong vai Bùi-Kiệm... rầu lọ nghẹ với câu nói pha lũng độc nhưt giữa lớp ca Thiên sanh ngã đại... Dương, ngã tùng thiên... hé... hé do ông xuất khẩu thành câu văn «đề» đã giúp cho toàn tỉnh một trận cười thỏa thích. Lớp ca diễn «Tứ đại oán Bùi-Kiệm» thuở ấy, tuy nội-dung không nói gì nhiều hơn là châm biếm nhẹ nhàng trào lộng một kẻ công tử bột thì rớt trở về. Nhưng nó được thể-hiện trên sân khấu lần đầu tiên với đầy đủ tinh chất ca-kịch, cho nên nói — 1 p. ca diễn Tứ đại oán. Bùi-Kiệm — được coi là điển hình trong thời kỳ thoát sinh đã đặt viên gạch đầu cho nền ca kịch xứ ta.

Đề quý nài được chiêm khảo tận tận gốc lối ca đạo diễn đầu-tiên ấy của nghệ thuật sân khấu xứ mình, chúng tôi xin trình bày phần minh họa lớp «Tứ đại oán Bùi-Kiệm» do ba nghệ sĩ Ba Văn, Bảy Xê, và danh ca Lê-Liễu đảm nhiệm, đề giới thiệu cùng quý ngài một nghệ thuật sân khấu cải lương trong buổi sơ sinh. Đây lớp «Tứ đại Bùi-Kiệm» bắt đầu (điễn).

Một điệu nhạc nhiên kỳ thú

nhất, là một tiêu hài-kịch đầu tiên được trình bày xuất sắc, mà tài năng của các diễn-viên thuở ấy, đã làm ngạc nhiên toàn tỉnh lý, mặc dầu nội dung lớp trào-phúng kia chỉ đề quyền «Quốc-trái» cho Pháp. Với đề tựa «Ông Bá Hộ Gon cho vay», câu chuyện diễn tả một ông Bá hộ keo kiệt, nhưng vì việc «nghĩa» nên cũng sẵn sàng mở túi bạc đã thắt chặt từ lâu nay. Ông Kỳ-Thị trong vai thằng Lộ — tên này đã thành tục danh một thời — và Ông Đặng Bá Phúc trong vai ông Bá-hộ, vô tình đã gây nên ý-thùc hài kịch trong dân chúng trong bước đầu rất khả-quan.

Dựa vào sở-thích cầm ca của toàn dân, nường kết-quả rực rỡ của buổi trình-diễn nói trên, thực dân Pháp mở rộng cuộc thu góp lạc quyền cùng khắp, từ Sài-gòn-Chợ-lớn lan dần ra các tỉnh.

Nhưng ngoài lễ cuộc «hát Quốc-trái», viên gạch cầm ca đã đặt nền móng được xây-dựng lên rào-riết, gây thành phong-trào «Cải-Lương» vừa phổ-diễn vừa náo nhiệt.

(Còn tiếp)

(Bản kềm ở P. T, số 5, ảnh Kim - Lan và Thanh - Loan chụp không phải Kim-Lan và Thu Cúc.)

# KIÊN TRINH

## Truyện dài của CỐ VÂN-NGA

(Tiếp theo P. T. số 6)



UỐI năm ấy, nhà tôi sau mùa gặt hái rồi cũng tổ chức cúng lễ hạ điền. Lễ làm lấy ở nơi trại ruộng way wco, không tung bưng náo nhiệt như mọi năm. Heo mổ ra, một con trắng một con quay, dọn chung cùng nhiều mâm xôi nếp ngon vụn chùn.

Cậu Bẩy tôi thay mặt gia chủ, thấp nhan khẩn vái đất nước ông bà cùng linh thần thổ địa cho năm tới được mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt luôn như thế. Xong rồi, heo quay thì xả ra cho khách khứa và tá điền ăn uống vui chơi, còn heo trắng chia làm nhiều phần kính biếu hàng xóm láng giềng. Người ta cờ bạc, đá gà; sát phạt nhau thẳng tay.

Tôi tần ngần đứng nhìn quang cảnh vui nhộn ấy, bùi ngùi nhớ lại thời thơ ấu vừa qua. Năm tôi còn bé, những sòng cờ bạc kia thế nào cũng có mặt tôi ngồi lấy xâu trong khi cha tôi bận rộn khách khứa, không dòm ngó thấy sự lên lút của tôi. Tôi ngồi canh chừng ngoài chiếu, khi xong một tụ liền quăng một chiếc đĩa vào làm thế, cứ đến mười thế thì được một xu, tha hồ ăn

quả. Một bận nọ, ba tôi bắt gặp, phát dit một cái thật mạnh và mắng tôi:

— Con gái đừng bao giờ tập tành cờ bạc, đừng tham đồng tiền không tự bàn tay cần cù của mình làm ra, vì như thế một ngày kia sẽ đi vào con đường bất chánh.

Bây giờ cha tôi không còn nữa để mà dạy dỗ tôi những lời như thế. Naurng tự hận, suốt cả đời tôi, tôi vẫn nhớ mãi lời giáo huấn ấy.

Hôm ấy, có vợ chồng ông bác-vật Phát vào dự lễ. Đi theo hai người là một thầy ký trẻ tuổi, ăn mặc bảnh bao, thường đàm đàm nhào vào tôi. Dượng bác-vật chỉ thầy ký giới thiệu với má tôi đây là cháu vợ của ông. Dượng còn bảo riêng với má tôi:

— Tôi thấy con Tư cũng đã lớn rồi, chị nên tìm người đứng đắn mà gả đi cho rồi. Nhà chị không đàn ông, phải cần kiếm một thằng rể làm việc nhà nước, thông thạo việc quan quyền mới được.

Má tôi đáp lại:

— Tôi quê mùa, ít thấy rộng,

biết ai đâu mà kiếm? Dượng giao thiệp nhiều biết ai xứng chỉ đem đi.

— Thằng cháu tôi đó, chị xem được không. Năm nay nó tuổi Hợi, nghĩa là 22 tuổi, làm việc giỏi lắm, quan thầy của nó khen hết sức, hứa sẽ cất nhắc nó lên cho.

Má tôi nhìn thầy nọ một lúc lâu, đoạn bảo:

— Việc đó để tôi tính lại coi.

Nhưng về sau, má tôi phản nảm với cậu Bẩy tôi:

— Thằng cháu của dượng bác-vật mặt mày xem cũng khá, hiem vì cái tướng cục một chút. Đàn ông gì mà đi lủi thủi như gà mổ thóc, cả đời không làm sao sang được.

Hiếu ý má tôi, cậu Bẩy liền nói:

— Chị định kén chồng cho cháu thế nào?

— Tao nghĩ đời bây giờ, làm việc nhà nước cũng không bền đâu. Người ta mau làm giàu là nhờ buôn bán, và nhờ thế lực kim tiền lúc nào cũng mạnh.

— Vậy chị định sẽ gả nó cho thằng chủ t em Thành Nguyên ở đầu cầu tàu Mỹ đó sao?

Má tôi gật đầu và phân bày:

— Thằng Kim - Hến cũng tuổi Hợi, năm nay 22 tuổi, mặt mày trắng trẻo để coi, lại là tay buôn bán giỏi nữa. Mày bết tiệm hàng sên của nó có đũa cả trăm ngàn đó chớ? Nó còn nhờ chú Hai Tít, ở Cái - đước làm mai

mà chưa trả lời dứt khoát, v còn phải trình lại bà nội sắp nhỏ nữa.

Kim-Hến cũng có vào dự lễ hạ điền hôm ấy. Đây không phải là lần đầu tiên tôi thấy mặt người con trai ấy. Anh ta thường vào chơi nhà tôi luôn, lấy cớ là hỏi thăm tin tức và lo lắng công việc của anh ba Khanh. Chưa bao giờ tôi nói chuyện với Hến hơn ba tiếng, và mỗi khi anh vào chơi nhà là như tôi tìm cách lẩn tránh.

Tôi đã biết được ý định của má tôi, nên đối với Hến tôi có hơi thẹn thưỡng hơn những người khách lạ khác. Hến tánh tình trầm-lặng, có vẻ làm nghiêm, và giỏi tính toán. Lúc nào anh cũng cân phân từng chất, tính toán lời lỗ, lợi hại của mọi vấn - đề. Và cũng vì thế nên tôi nhận thấy Hến có vẻ nhứt-nhất và xa lạ quá đối với người mơ-ước của tôi.

Có gái dậy thì nào lại không ôm ấp một hình bóng của một ý trung-nhân tưởng tượng trong tâm khảm. Người thanh - niên trong mộng của tôi, vị hoàng-tử của lòng tôi, phải là một con người bật-thiệp, nhanh nhẹn và sâu-sắc. Chàng sẽ là người hoạt-bát nhất trong các cuộc đình đám đông người, chàng làm cho mọi người ganh tức vì sự thông-minh, giỏi giảo của mình và nhất là luôn luôn chẳng tỏ ra cao thượng và hào hùng, không hề ngần-ngại để giúp ích một ai.

Khi ấy, tôi không biết rằng con

người mộng tưởng của tôi chỉ là một con người tiêu-thuyết, không xương không thịt. Con người ấy tôi phẫn - phất thấy nơi Chín Miên — ở kỳ lạ thật, — có vài nét phát hơi giống giống. Tôi có ngờ đâu người cậu họ ấy không ngọt đầu độ tâm hồn tôi đủ mọi cách, bằng những tiêu-thuyết lẫn-mạn cậu ta dụng ý chọn lựa cho xem, bằng những lời nói úp mở vãn-vơ, bằng vài bài thơ thổ thạn mơ-mộng bạn tri-âm, v.v.. Chín Miên bản lĩnh lắm, nhiều lúc tôi đã ngỡ là y thật tình, nếu tôi không biết đến đời tư của y từng làm nhòe lệ bao nhiêu thiếu nữ xinh đẹp trong vùng, kể luôn cả trong vòng bà con nữa.

Một linh tính trong bản chất thuần lương đã cảm giác cho tôi biết cần phải đề dặt đến con người lúc nào cũng giả ra là hiền hậu, tử tế để che đậy một xảo trá, màu mè ngoan cố không cùng.

Chín Miên thường đề cập đến vấn đề hôn nhân tự do giữa những người trong một cánh họ. Y cực lực đã phá thủ tục cổ truyền và cho là một bất công xã hội đã xui khiến cho bao nhiêu thanh niên, thiếu nữ tương lai của đất nước phải tìm cách quyền sinh trước định luật danh giáo quá khắc khe. Theo quan niệm của y : ai tình không ranh giới, trừ ra tình ruột thịt.

\* Tôi không khi nào làm những lý luận nguy hiểm ấy. Cái bẫy của y vô ích. Y không khắc phục

được tôi, càng cố tình đeo đuổi không buông.

Chín Miên dăm ra ghen ghét Kim Hến một cách cay đắng. Y châm chọc tôi luôn :

— Chị Năm muốn có rề giàng, nhưng mẹ nó say rượu chưởi tôi ngày, chịu đựng sao nổi, dầu ăn vàng cũng đừng ham.

Tôi lẳng lẳng không trả lời. Đối với Kim Hến, hay là đối với ai đi nữa, tôi tuyệt nhiên chẳng quan tâm đến. Lòng còn đau khổ vì tai ách liên miên, tôi chỉ biết lấy việc chăm lo cho các em và săn sóc mọi việc trong nhà làm nguồn an ủi.

Thầy ký, cháu dượng bác vật Phát, hay là Kim Hến thì cũng thế thôi. Khi nào bà nội tôi bằng lòng, chừng ấy tôi hẳn nghĩ đến. Với một tâm hồn trong trắng, với một tình yêu sẵn dành cho người làm chủ cuộc đời mình, tôi tia tưởng ái tình sẽ đến sau hơn nữa.

Sau lễ hạ điền một ít lâu, đến đám giỗ của ông nội tôi. Kim Hến từ chợ Rạch-giã đem hai mâm đồ lễ vào đi cúng. Hến khôn khéo lắm, gây được cảm tình khắp nhà, từ mấy em tôi đến bạn bè làm công cho nhà tôi ai ai cũng mến. Mọi người vẫn định ninh là sự cầu hôn của Hến sẽ thành.

Nhưng Chín Miên không ngọt thọt gây bành xe, y bảo cùng bà nội tôi :

— Người ta đồn ông già của

Kim Hến có bệnh cùi, tuy chạy chữa lắm mà mặt vẫn nổi đơ trông thấy đáng ghê.

Bà nội tôi hỏi dò nhiều người nghe sự nổi đơ có thiệt, vội vả khước từ một cách khôn khéo. Kim Hến biết thất bại, buồn bã lắm, nỉ non khóc với má tôi, ưỡng tức duyên nợ không thành. Bác Cả Mến trả hai mâm lễ vật lại, nhưng Hến nằng nằng không thâu nhận, nói là để cúng vong hồn ông tôi.

Chú Hai Tít làm mai không xong đám ấy, trong bụng cũng phiền, cố đốc xúi Hến đi cười một cô gái khác ở đầu vòm Cái-đuốc-nhỏ, tên là Lan, bạn thân của tôi, tuy không sắc sảo nhưng cũng mặn mà dễ thương. Đám cưới làm linh đình lắm, chưa có đám nào bằng, với dụng ý làm bí mật nhà tôi.

Lan đích thân đến mời tôi dự tiệc cưới :

— Chị ơi, thuở nay chị em mình thân nhau lắm, vậy chị đừng vì một lý lẽ nào từ chối mà làm em phải tủi nhé chị.

Tội nghiệp, Lan không hiểu thâm ý đảng trai, hay nàng đã biết mà vẫn muốn giữ lấy tình bạn. Tại sao tôi lại không đi? Tôi cảm tình Lan hơn cả, hơn nữa, sự có mặt của tôi trong buổi tiệc cưới ấy sẽ đình chánh tất cả mọi hiểu lầm.

Tôi cầm tay người bạn gái của tuổi thơ và gọi nàng bằng cái tên thân mật :

— Luối (Lan) ơi, nếu sự có mặt

của tôi làm vừa lòng Luối, thì dầu sao tôi cũng phải đến.

Hôm lễ cưới ấy, tôi đi theo họ đảng gái. Bên họ đảng trai, nhiều người nhìn vào tôi, xù xì cùng nhau những gì tôi không được biết nhưng cũng có thể đoán ra là người ta chú ý đến cô dâu hạt, hơn là cô dâu chánh.

Cũng như hầu hết những đám cưới vườn, khi rượu vào lời ra, người ta đua nhau tranh chấp từng lời ăn tiếng nói, hoặc đem cổ vãn ra bình luận, hoặc ghép thơ chơi chữ khoe nghề túc học, hoặc đá móc nhau tài nói mếp đầy những châm chích ý nhị mà người dân quê rất thích nghe.

Trong một lúc rả sân hồng mát, bất đồ tôi gặp ngay Kim Hến. Đây là lần đầu tiên, tôi và Kim Hến đối diện nhau trong chỗ vắng. Kim Hến rụt rè bảo cùng tôi :

— Cô Tư, cô hiểu vì hoàn cảnh nào mà tôi phải lấy vợ? Cô có xét tôi bằng một cách khác khe chàng?

Tôi hơi luống cuống một chút, nhưng vội trấn tĩnh lại được, vì đối với tôi vấn đề đã dứt khoát: Kim Hến là chồng của bạn tôi chứ không còn là người si tình đeo đuổi tôi như trước.

Tôi thành thật bảo :

— Tôi còn nhỏ tuổi, chưa dám biết xét ai một cách khác khe...

— Chắc đi Năm, hay là những người bạn ở, vẫn có nói chuyện của tôi cho cô nghe chứ?...



Tôi, tôi quý cô lắm... Nhưng tôi đã làm hết sức tôi...

Nghe Kim Hến gọi lại chuyện cũ, tôi vội dứt ngang:

— Từ nay về sau, anh nên lo đến hạnh phúc của chị Luối.

Kim Hến gạt đầu và nói:

— Phải, đó là bổn phận của tôi. Nhưng hôm nay, cố ý gặp cô trong giây lát là để tôi nói hết những lời tâm sự cuối cùng, kéo mà cô hiểu lầm tôi và chế cười khinh bỉ tôi.

Tôi bứt nát một cành lá mạn và nói:

— Tại sao tôi lại dám khinh bỉ anh? Anh đừng nghĩ thế. Từ lâu tôi vẫn trọng anh, như tất cả những người bạn của anh Ba tôi vậy.

Kim Hến thở ra một cái, vui vẻ bảo:

— Như thế, tóm tắt những điều tôi muốn nói với cô, chúng ta... không thể... như tôi định, thì vẫn có thể là bạn thân chăng?

Tôi ngược mắt lên nhìn thẳng vào mắt Kim Hến:

— Nếu tình bạn anh vừa nói là một tình bạn chân thành và trong sạch, thì chính điều ấy tôi đang cần lắm.

Kim Hến mỉm cười:

— Tôi vẫn ao ước có thế; một tình bạn, và cũng chỉ tình bạn mà thôi. Từ nay trở đi, cô có điều chi cần dùng đến tôi, đến Luối, cô cứ ngỏ lời, chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng tiếp giúp.

Thấy câu chuyện đã lâu, tôi khẽ cúi đầu chào Kim Hến và quay gót trở vào nhà trong sau khi đã cảm động bảo cùng anh:

— Cảm ơn anh, và chúc anh vui đầy hạnh phúc.

Nơi bàn tiệc giữa nhà, dưới ngọn đèn măng-sông sáng chói, người ta đã bớt cái lầy ãn ào và đang bàn tán đến những công chuyện xảy ra trong vùng.

Chú Ba Úi, một điền chủ ở cạnh nhà tôi, có nhiều bà con ở Sài-gòn, ngỏ ý phân vân về những lời đồn đãi mà chú được nghe khi ra châu-thành Rạch-giá:

— Lạ quá, hai bữa nay không có xe ở Sài-gòn về. Không hiểu tại làm sao? Không biết những gì đã xảy ra ở trên?

Thầy giáo Thông là thầy học của anh Ba tôi, gạt gù bảo:

— Người ta đồn Nhật đảo chánh Pháp ở trên rồi. Không biết quả vậy chăng? Nếu thế, tại sao ở tỉnh mình lại êm rơ?

Chệt Lái cũng là một tay giàu có trong vùng, bô bô nói:

— Nhật muốn làm thì mấy hồi? Hồi trưa này, có một tàu binh Nhật không hiểu từ đâu tới đậu ở gần cầu tàu Mỹ. Coi mấy chú ba lùn vậy mà dữ thật, gắp Tây đầu là đánh đó, lại đánh ác nữa chứ: cứ một thoi ngã một trụ Tây dinh dăng thấy mà ớn!

(Còn nữa)

## Thoát

Ta muốn thoát qua khung trời quang đặng.  
Nhịp nghiêng nghiêng, chấn vũ-trụ quay cuồng,  
Cấp tinh-cầu, vò nát mảnh trăng sương,  
Cho tan nát cuộc đời đầy tội lỗi.  
Ôi nhân thế! Muôn linh hồn vô tội.  
Giữa cuộc đời: vạn kiếp sống đau thương,  
Bao tiếng than u uất vọng đêm trường,  
Lòng thi-sĩ dâng sâu hoen mắt lệ.  
Tình và ý, có nghĩa gì cho thế-hệ,  
Có phải chăng một nghĩa sống của đời,  
Một hồn thơ vươn tỏa khắp nơi nơi.  
Cho nhân loại một tình thương bất-diệt.  
Một tiếng khóc hay đôi lời ly biệt,  
Lăn tiếng cười man-dại ý cao sang.  
Nét kiêu xa đâu ngại ý thụ tàn.  
Mang rét mướt cho bao người khốn khổ.  
Mảnh áo mỏng ngại ngừng từng hơi thở,  
Mảnh thân gầy dầy dạn với phong sương.  
Môi run run thân gục đổ bên đường.  
Thân xác rã mảnh hồn đơn tan tác,  
Đời sương gió thoát về trong sương gió,  
Cho linh hồn lộng lộng giữa trời cao  
Cho hồn thơ muôn thuở vẫn rạt rào,  
Một ý sống một tình thương muôn thuở.

T. V. XUÂN HUY

(Huế đỗ trên chuyến tàu  
xuôi về Nam).



## Phóng sự thời đại của NGUYỄN THU MINH

L. T. G. — Các nhân-vật trong bài này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai. Mong quý độc-giả hiểu cho.

(Tiếp theo P. T. số 6)

**N**GHE vậy, Thành nhìn tôi tươi cười, tiếng cười đang vang lên một cách hứng thú liền bị Bi h — thiếu nữ ngồi cạnh — chấm dứt bởi hai bàn tay búp măng, diu-dịu vi vu vào đầu Thành bắt xoay lại để cho nàng được nâng-niu, mon tròn bằng những cái hôn vụng về, giả tạo chạy đều trên gò má.

Vết son loang lổ trên má Thành, tôi có cảm tưởng rằng hung khí

của Bích đã bắt đầu rực cháy thiêu lán thề xác Thành.

Nhìn phớt qua vài khuôn mặt đang tráo tráo cười như một kẻ nghiện thuốc đến hồi lên cơn mà còn vờ vui giấu diếm.

Alice-Lan cúi xuống hắt-hơi trông dễ thương lạ lùng.

Giọng Hoàng lại sang-sảng :

— Alice vào xem hộ anh phòng đi.

Nàng ngược đôi mắt mờ buồn sâu như đại dương nhìn chông chọc vào tôi dò hỏi.

Thấy Alice-Lan còn lưỡng lự, Hoàng đứng dậy vịn vào vai nàng định kéo đi...

Hiều thấu sự chần chờ qua cái cần môi của nàng, tôi bỗng nảy ra ý nghĩ nên cản trở Hoàng, liền bảo Hồng :

— Em Hồng sao tẻ vậy, không chịu vào rũ chăn cho anh Hoàng để anh ngồi nói chuyện với Alice chốc nữa.

Hồng liền phụng phịu trả lời :

— Anh Hoàng chê em mà, anh muốn đi với Lan thôi.

Hình như hơi ngượng giữa tôi và Thành, Hoàng vờ nói :

— Minh muốn nói với Alice một chuyện riêng vài phút...

Vừa nói Hoàng ghé miệng sát vào tai tôi :

— Minh bỏ dở với nó đưa về nhà tối nay mà.

Tôi vờ cười gật đầu.

Những nỗi buồn man mác lần đến. Tôi cảm lấy ly rượu còn lại nốc cạn. Mùi nồng của rượu xông lên nóng bừng cả mặt khiến tôi choáng váng cơ chừng gục xuống bàn, chỉ muốn nằm nghỉ. Tôi liền đề nghị và kéo giật Hoàng lại :

— Hoàng, Hoàng! Thôi, chúng mình đi nghỉ cả cho rồi, mình cũng hơi mệt. Hồng đang chờ cậu kia kia. Alice, em lại dẫn hộ anh vào phòng nghỉ đi.

Như được dịp thoát thân ra khỏi tay Hoàng, nàng nở nụ

cười sung sướng bước đến đưa tay lên sửa lại cổ áo hộ tôi, trông chừng như bàn tay dịu hiền của một người yêu hay người vợ đang tỏ nỗi vui mừng...

Bốn ánh mắt nhìn nhau.

Quang cảnh cuồng loạn của gian phòng đã bớt dần.

Tôi hồi hộp theo nàng vào phòng. Những cảm nghĩ buồn buồn trở đến khi nhìn tấm drap trắng còn nguyên nếp ngạo nghề giữa căn phòng.

Alice-Lan nhìn tôi khẽ cười như để che đậy sự ngỡ ngàng của đôi lứa trong một căn phòng vắng vẻ u buồn. Tôi cười trả một cách gượng gạo rồi lặng lẽ tháo giày và thay quần áo.

Ngoài kia Hoàng và Thành cũng đã chia tay nhau đi nghỉ trưa với người tri kỷ bên lề cuộc đời.

Thấy tôi nằm ngã ra giường có vẻ mệt nhọc nên nàng vội pha đem đến cho tôi một ly nước lọc và bắt uống cho kỹ được. Có lẽ vì hơi rượu làm tôi mất thăng bằng đôi xử nên sau khi nốc cạn ly nước lọc, tôi liền ôm choàng lấy nàng mon tròn một cách quá vụng về.

Riêng nàng, hình như đã rõ tôi hơi chệnh choáng men rượu nên không một cử chỉ kháng cự mà còn đưa tay nhẹ đặt lên trán tôi triu cảm, lo lắng. Năm ngón tay tròn trĩnh thon thon lồng vào tóc tôi diu diu và êm ả. Một cảm giác tê mê rừng rực

chạy khắp cơ thể tôi như đèm đong ngồi bên lò sưởi — một thứ lò sưởi của người con gái ngây thơ đầu tiên đi vào đời tôi, và cho tôi những nhận xét về trai và gái sau này — Tóc Alice-Lan phủ lòa xòa xuống mặt tôi cơ chừng như nàng muốn truyền những nhịp thở của con tim sang người tôi để cùng chia xẻ nỗi ấm êm lẫn thương đau của cuộc đời.

Ánh sáng của gian phòng chừng như dịu xuống theo với nắng chiều, cùng hơi thở của tôi và nàng qua những phút ái ân vụng dại...

Sau một lúc triền-miên, khi tỉnh dậy tôi bắt chợt nàng đang chăm chú nhìn tôi với hai giòng lệ rớm đều trên gò má. Không hiểu sao lúc ấy tôi lại vờ nhắm mắt như một kẻ còn say giấc. Nhưng chỉ trong giây lát lại mở ra để mà nhìn nàng thồn thức.

Tôi định hỏi một câu đề an ủi nhưng nàng đã vội lau hai giòng lệ và vờ làm vui :

— Nhìn anh ngủ mà em lo quá ?

Tôi mỉm cười, đưa tay vuốt nhẹ lên hai má nàng :

— Anh ngủ chứ có gì mà lo.

— Vì anh say quá chứ sao. Mà một khi đã say thì hay tàn nhẫn.

Tôi hơi ngạc nhiên về câu nói của nàng nên nói :

— Trông anh tàn nhẫn thật sao ?

Alice-Lan dịu dàng cầm tay tôi ấp vào ngực nói rất khẽ :

— Anh có gì đâu, đấy là em chỉ sợ vậy thôi. Nhìn anh ngủ em thấy buồn buồn làm sao ấy...

Thế rồi nàng gục đầu xuống gối khóc âm ức. Không hiểu Alice khóc cho nàng hay cho tôi, hay là cho tất cả những người đồng trang lứa với nàng.

Tâm hồn tôi bỗng rụng nao nao, xao xuyến lạ thường, cơ chừng như nghẹn thở. Có lẽ những giọt nước mắt của nàng đã thu hút lấy người tôi, trí não tôi, quả tim tôi cho nên tôi mới khác thường vậy chăng ? Hay tại tôi đã lỡ vụng dại đâm lên tâm hồn nàng, thể xác nàng. Có thể lắm, chữ tàn nhẫn... của nàng cũng đủ biểu lộ cho tôi hiểu như vậy !

Tiếng nấc của nàng lại càng tăng thêm sự ray rức ở lòng tôi. Nghe nó lạnh lùng, u uẩn làm sao ! Đố ai mà hiểu thấu, họa chăng chỉ có trời !

Lặng nhìn nàng trong giây phút đờn đau, tôi bản khoăn mãi với những lời và cử chỉ của tôi đối với nàng. Tôi muốn nói với nàng tất cả cảm nghĩ, nhưng rồi chân chờ mãi vẫn không sao nói được. Điều mà tôi muốn nói với nàng như vậy : « Buồn, khóc mà làm gì hở em. Cuộc đời đã vậy thì em cố gắng chịu thêm vào, nhắm

mắt đi mà bước xuống vài bước nữa ! Đều được chết sớm còn hơn kéo dài kiếp sống dằng dai này em ạ. Lúc đó anh sẽ tình nguyện đi cầu cho em một hồi kinh để em được trọn tiếng giữa cuộc đời này. Mấy ai được sung sướng vì cái khổ ấy đâu. Giá trị ở cả đó đấy em ơi ! »

Thời gian nặng nề trôi qua trong im lặng. . .

Không hiểu Alice-Lan đã khóc đến bao lâu, đã nói với tôi những gì qua đôi mắt chầu chửa ấy, đôi bàn tay mười ngón đan vào nhau ấy ! Thật là thắm-thiết...

Đang say sưa theo nhịp lòng rướm máu, quàng mắt thâm và sâu... Bỗng Alice-Lan giật mình rút mạnh tay ra khỏi người tôi, rời trong khoảnh khắc như nhớ lại điều gì, nàng chớp dịu đôi mắt, khẽ nhếch môi cười rất kín đáo :

— Em mãi nghĩ... mà quên mất là em đang ở bên cạnh anh.

Câu nói của nàng đã khiến tôi nghĩ ngợi thêm. Tôi không ngờ nàng lại đau khổ đến thế. Cuộc đời phủ phàng đối với nàng quá, người con gái béo bệu chưa bao lâu tuổi đã phải chịu làm khúc gỗ cho mọi người đẽo, gọt mua vui theo sở thích. Lúc nào cũng lo sợ hốt hoảng như người đi đường bị chó rượt, những cảnh mang rợ ghê tởm của đục-vong đã in sâu trong tim óc nàng, khiến nàng dè dặt, giữ miệng, giữ thân từng phút một.

Có tiếng của Bích gọi nàng, tôi đoán biết là Thành và Hoàng đang chờ đợi, chưa kịp bảo với Alice thì giờ già từ đã đến, nàng đã vùng dậy tươi cười :

— Anh dậy sửa soạn chóng lên kéo hai anh ngoài đợi. Em không muốn anh phải mang tiếng vì em. . .

Trời ơi ! Đến cả tình thương-cảm của nàng cũng bị bóp chẹt, nàng sợ đến thế thì thôi. Còn gì ở giữa cuộc đời để dành cho nàng vui sống nữa đâu.

Lúc ra về, nàng còn bảo thầm với tôi : « Anh nên ít đến những chốn như nơi này là hơn, nó « tầm thướt » người ra. Theo anh em bạn mà làm gì... »

Tôi chỉ biết im lặng, cảm-động nhìn nàng khuất dần sau cánh cửa xuống nhà ngang. Một niềm xót thương tràn ngập tâm hồn.

Khi lên xe trở về, Thành nhìn tôi với con mắt ranh mãnh :

— Cậu có gì lạ không, mà trông âu sầu thế ?

Hoàng chen vào :

— Thăng M. nó « cảm » nặng rồi, tao đố vài hôm nữa nó không trở lại chốn này tìm cô à thì mày chửi tao đi.

Tôi trả lời với giọng không mấy vui :

— Mình không muốn đùa thế, các cậu không hiểu mình gì cả.

Thấy Thành và Hoàng nhìn tôi ra vẻ ngạc nhiên, tôi liền giải thích :

— Thú thật, mình đang nghĩ và buồn cho Alice-Lan đây. Mình hơi hối hận đã có đôi chút tàn nhẫn với « en ». Có lẽ, bây giờ mình về nhà thôi, không thiết đi chơi đâu nữa cả.

Thành lặng nghe xong vội lên tiếng :

— Chúng mình đùa để mà quên! Chứ nghĩ đến thêm dày vò tâm tư..., nhìn cô em tớ cũng thấy thương hại. Còn trẻ quá ! chưa bao lâu tuổi đã bị đầy xuống hố sâu của cuộc đời !

Rồi như quá cảm động, Thành thở dài, nghe nao-nao cả lòng.

Hoàng này giờ vẫn làm thình, trông chừng như đang suy nghĩ gì lung lăm. Mắt đăm đăm nhìn qua tấm kính tới phía trước xe, chẳng nói chẳng rằng với ai câu nào. Mặc dầu trong câu chuyện đôi khi Thành có đã-động đến.

Sự im lặng triển miên giữa chúng tôi kéo dài cho đến khi từ giã nhau vẫn chưa thôi.

\*\*\*

Cách tuần sau, tôi lại gặp Alice-Lan ở đại lộ Lê-Lợi khi tôi vừa ở tòa soạn ra về.

Buổi chiều thứ năm lại nhằm ngày cuối tháng thật là buồn! Hơn nữa, ở vào khoảng bốn giờ rưỡi chiều ; thì giờ mà mọi người đang còn mải miệt trong các phòng giấy hay nằm nhà.

Phố xá vắng vẻ quá. Ánh nắng gay gắt của một ngày mới bắt đầu dịu nên vẫn còn oi bức.

Vừa thấy tôi, nàng đã nhoẽn miệng cười, đôi mắt sáng, hiện lên nỗi vui mừng.

Tôi mỉm cười, gật đầu chào trả, chưa kịp hỏi thăm, Alice-Lan đã nhanh nhẩu hỏi :

— Anh đi làm về ?

Tôi gật đầu :

— Thế Alice đi đâu đấy ? Hẳn là đi sắm sửa.

Alice-Lan lại cười, nụ cười hồn nhiên của tuổi trẻ chưa thể xóa nhòa ở nàng :

— Trông anh hôm nay hơi gầy và xanh ra đấy ! Anh làm việc nhiều quá chứ gì ?

Tôi lắc đầu, làm thình. Alice-Lan lại tiếp :

— Người như anh mà ốm nữa thì nguy. Lấy ai mà chạy chữa săn sóc cho.

Lời nói của nàng đã làm cho tôi xúc động không ít, tôi thầm cảm ơn nàng lo nghĩ đến tôi nhiều quá ! Dù sự lo nghĩ chỉ thoáng qua ở đầu môi. Nhưng, với cử chỉ ấy, đôi mắt ấy, lời nói ấy làm sao mà giả dối được.

Sau một lúc trò chuyện, tôi mời nàng ghé vào hiệu kem ngồi nghỉ và giải khát, nhưng nàng từ chối, Alice cho rằng vô ích ; tuy không tốn là bao. Vả lại, ý nàng muốn được đến nhà tôi ở cho biết mà thôi, và trò chuyện được thân mật hơn là ngồi ở các hiệu kem.

Tôi vẫn nhớ câu nàng nói khi thấy tôi còn ngần ngại :

(*Còn tiếp*)



## NGƯỜI LẦY KHỈ.

*Minh ơi !*

★ DIỆU HUYỀN

**1** giờ trưa, ông Tú đang nằm ngủ ngon lành trên giường đệm hoa. Ông có thói quen buổi trưa ngủ một tý để 2 giờ 30 dậy đi tắm rồi đến văn-phòng. Bà Tú nằm bên cạnh ông, nhưng không ngủ. Thói quen của bà là giờ ấy bà đọc nhật-trình. Bà còn có thói quen khác nữa là ưa nằm gác chun lên chun ông Tú, gối đầu trên cánh tay ông, và xem liên tiếp bản tờ báo trong lúc ông Tú nằm ngáy khò-khò, tiếng ngáy đều-đều như tiếng mô-tơ của nhà máy điện.

Trưa nay, thứ Bảy 21 tháng 2,

1959, Bà Tú đọc xong vút tờ báo xuống giường, quay lại khẽ đập trên vai phu-quân thân-yêu :

— Minh ơi !

Tiếng ngáy của ông Tú tự nhiên im bặt. Bà Tú lại gọi :

— Minh ơi !

Ông Tú vẫn còn ngủ nhưng miệng hỏi :

— Cái gì thế ?

Giọng nói của ông Tú hãy còn ngái-ngủ, khàn-khàn, uể-oải. Bà Tú lại hỏi :

— Minh ơi ! Người mà lấy khỉ được sao, hả Minh ?

Ông Tú làm thính, mắt vẫn nhảm riết.

— Hả mình? Người mà lấy khỉ à? Sao có chuyện ghê tởm thế? Hả Minh?

Ông Tú vẫn ngủ. Bà Tú lại lấy tay lay vai chồng:

— Minh! Minh ơi! Nói chuyện người ta lấy khỉ cho em nghe chút, rồi hãy ngủ, Minh.

Ông Tú cứ nhắm mắt, nhưng gắt-gồng:

— Chuyện cái con khỉ!

— Vâng, chuyện con khỉ lấy người ta ấy mà.

— Nó lấy ai, thầy kệ nó chứ! Đề cho anh ngủ đã chứ!

Bà Tú thò ngón tay vào nách thọc lét chồng. Tội-nghiệp ông Tú bị nhột quá chịu không được phải lật đặt ngồi nhồm đậy mở hai con mắt còn lim dim, ngó vợ:

— Con khỉ cái gì? Cái gì con khỉ?

Bà Tú cười kéo tay chồng nằm xuống, bà mơn-trơn hôn ông để xin lỗi phá giấc ngủ của ông, rồi nói tiếp:

— Tờ báo này nè, Minh à. Họ kể chuyện một con khỉ đột ở Cà-mau bắt một đứa con gái 9 tuổi đem vào hang làm vợ, rồi khi đứa con gái 14 tuổi thọ thai sanh được đứa con. Các báo nhao - nhao phản - đối cho là chuyện bịa-dặt. Họ phỏng vấn các ông Bác-sĩ đều nói là từ xưa đến

nay chưa có chuyện người lấy khỉ đẻ con bao giờ cả.

— Ông Bác-sĩ nào nói thế?

— Đây nè... Mấy ông Bác-sĩ danh-tiếng ở Saigon tuyên-bố rằng từ xưa đến nay trong lịch-sử y-học chưa có người lấy khỉ mà đẻ con bao giờ.

— Thế là mấy ông Bác-sĩ đó chưa nghiên-cứu đến nơi đến chốn. Nếu họ chịu khó tìm-tòi học hỏi thêm nữa, thì họ sẽ thấy rằng: Thế-kỷ trước đây đã có vụ người con gái bị nghi là lấy khỉ, và đẻ ra quái thai.

— Thật hả, Minh? Ở đâu đấy?

— Trong Thư-viện Quốc-gia Pháp, ở Paris, có một quyển sách mỏng về y-học, tựa là « *L'Anencéphale à type sim'esque, de la maternité de l'Hôpital de Vichy* », mà tác giả là Bác-sĩ A. THERRE chính là Giám-đốc bệnh-viện Vichy. Cái tựa sách khó hiểu ấy có thể dịch ra tiếng Việt là: « *Quái thai không có óc, giống loài khỉ, ở nhà Bảo-Sanh tại Bệnh-Viện Vichy* ». Trong quyển sách nhỏ ấy, Bác-sĩ A. Therre ghi chép rõ-ràng chuyện quái gỡ và xác-thật như sau đây. Cuối Thế-kỷ trước, tại một khu đất hoang ở ngoại-ô thành-phố VICHY của Pháp, có một gia đình hát xiếc đến trú-ngụ. Gia-đình chỉ gồm có một ông già 60 tuổi hiền-lành, ít nói, cô con gái của ông, 16 tuổi, mập-mạnh, hoàn toàn không biết chữ, và một con khỉ dục Phi-châu, còn trẻ, « un jeune anthro-

poïde d'Afrique ». Con khỉ này thuộc về loài *chimpanzé*, rất dễ thương, rất hiền lành, và cũng rất thông-minh, vì nó làm được nhiều trò xiếc tài-giỏi, nhờ nó mà hai cha con chủ xiếc kiếm được đủ tiền để sống. Gia-đình kỳ-cục này sống chung-chạ trong một chiếc xe roulotte, đi lang-thang tỉnh này qua tỉnh nọ. Dĩ-nhiên, người ta có thể tưởng-tượng cuộc sống chung như thế giữa một ông già lụ-khụ, một đứa con gái vô-học, thân mật hằng ngày với một con khỉ quen với hơi người, cuộc sống chung hỗn-độn và chật-chội bần-thiếu ấy có thể sinh ra hậu-quả bất ngờ.

Thế rồi, một hôm, đứa con gái có chửa. Ông bố già thấy thế, chửi mắng nó và la lối om-sòm. « Mày chửa với ai? » Thật ra thì không có chàng trai-trẻ nào tới lui nơi trước nhà xe của ông, hoặc làm quen với cô gái cục-mịch kia. Đầu tóc bõm-xòm, y-phục bệ-dạc, cô ả lại mập-mạp, và thô-lỗ, bộ-tịch không có chút duyên-dáng nào, làm sao quyến-rũ được một chàng trai trong tỉnh? Vả lại, ai cũng từng trông thấy đứa con gái bần-thiếu này chơi giỡn với con khỉ, và chính cô cũng hôi hám mùi khỉ. Thế rồi cô ả phải vô năm nhà Bảo-sanh ở Vichy, sau khi có chửa 9 tháng. Bác-sĩ chép trong quyển sách của ông: « Bà Moreau, là bà-mụ coi bụng cho thiếu-nữ, khám thấy rằng bào-thai không có đầu... và quái-

thai vừa sanh ra thì chết ngay » (Il convient de noter l'étrange constatation, pour le moins énigmatique, que fit la Sage-femme, Mme Moreau, à l'examen d'admission de la jeune fille à la Maternité, d'un orifice vaginal à peine déformé... La grossesse ayant eu un cours parfaitement normal, rien ne faisait présumer d'anomalies sur l'état du fœtus. Quant à l'accouchement, il s'accomplit normalement. Le monstre mourut après sa naissance.) Bác-sĩ Therre còn ghi chép những đặc-tính của quái thai như:

— hoàn toàn không có bộ óc (encéphale)

— xương-sống queo (malformation de la colonne vertébrale)

— tay chùn dài thông (longueur démesurée des membres)

Do đó, có kẻ đã vội vàng cho rằng đó là quái-thai của khỉ. Cảnh-sát có hỏi thiếu-nữ sau khi sanh nở, thì cô ả không chịu trả lời gì cả. Sau cùng, cô ký ầu vào một tờ khai nhận rằng « cô có sống thân-thiện với một con khỉ ». Trong lúc thiếu-nữ đi nằm nhà Bảo-sanh, thì con khỉ ở nhà một mình, không bạn quen, nên bỏ ăn bỏ uống mỗi ngày mỗi gầy ốm tiêu-tụy, ai đến coi nó cũng muốn nhảy ra cắn. Sáu hôm sau thiếu-nữ ở bệnh-viện ra thì con khỉ đã chết hôm trước. Bác-sĩ A. THERRE kết-luận rằng: « Có lẽ cô B... không có thụ-thai thiệt-thọ với con khỉ, nhưng có

mang quái-thai khi vì có bị ảnh hưởng tinh thần, vì bị ám-ảnh, vì bị tưởng - tượng thường-xuyên về nhục-dục, trong lúc ở chung hằng ngày với con khỉ.»

— Như thế, theo trường-hợp của cô gái xiếc kia, thì cũng có thể nghi rằng người lấy khỉ ư?

— Không thể nghi như thế được. Phê-bình vụ quái-thai ở nhà Bảo-sanh Vichy, nhà sinh-vật-học trứ danh JEAN ROSTANT đã viết: « Chắc chắn là trường-hợp quái-thai kia không phải do cuộc giao-hợp với nhau mà có: không thể nào có cuộc giao-hợp giữa người và khỉ, và cái quái-vật không có não kia chỉ là một quái-thai mà các nhà chuyên môn nghiên-cứu về quái-thai đều biết cả » (Le cas de la fille B. . n'est sûrement pas un cas d'hybridation: il n'y a pas de croisement possible entre l'homme et l'antropoïde, et l'anencéphalie est une monstruosité bien connue des tératologistes).

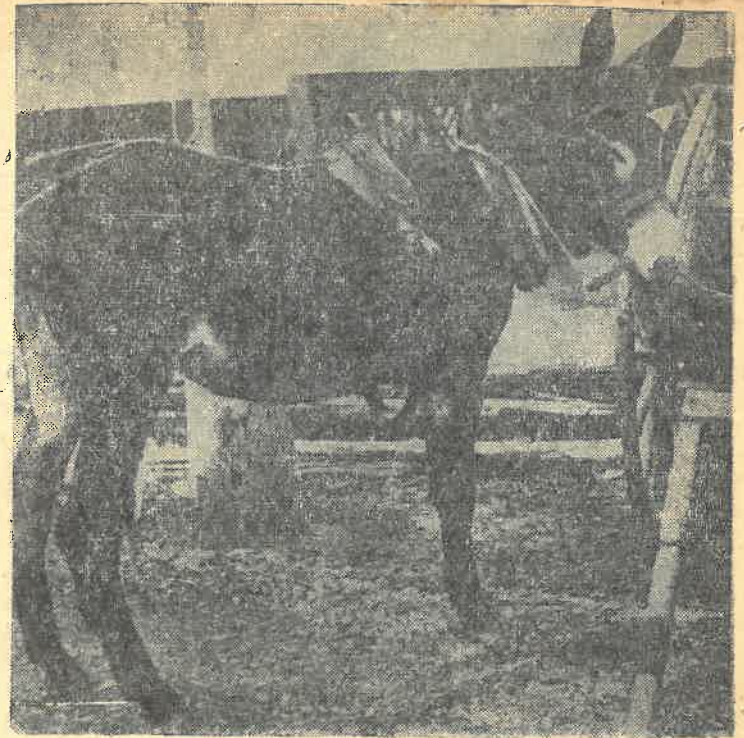
— Như vậy, tức là người và thú không thể lấy nhau được chứ! Như thế mới là hợp với luật thiên-nhiên chứ!

— Trong quyển « *Les grands courants de la biologie* » (nhà xuất-bản Gallimard) của Bác-sĩ JEAN ROSTAND, có viết: « Người chỉ sanh ra người. Kiến chỉ sanh ra kiến. Cây hoa hồng chỉ sanh ra cây hoa hồng. Sự đồng-chủng, đồng tính ấy của một giống sinh-vật, chính là sự di-điễn-tả của Luật di-truyền.» Nhà Bác-học

GEORGES MONTANDON, trong quyển « *L'Homme préhistorique et les préhominiens* » (nhà xuất-bản Payot) lại cho rằng « Có thể hai giống vật khác nhau giao-cấu với nhau được, nhưng khó mà thụ-thai được... Tuy-nhiên, đặc-biệt có giống LỪA ĐỰC và NGỰA CÁI giao - cấu với nhau gây ra giống LA đực (mulet), nhưng chính giống LA lại không thể sanh-sản được. Một nhà động-vật học Hòa-Lan có danh tiếng thế - giới, là ông BERNELOT-MCENS và viện Pasteur Pháp có thí-nghiệm ngay ở vườn Thú Vincennes (Pháp) một cuộc giao-cấu giữa một CON CỌP ĐỰC và một con SU-TỬ CÁI: Kết quả là con sư-tử thụ-thai, sinh ra con cọp con, hiện nay còn sống. (hình trang 110).

— Đó chỉ là những trường-hợp đặc-biệt của vài loại thú thôi chứ, Minh?

— Phải. Trở lại vụ người và khỉ, thì năm 1934, chính-phủ Nga-Xô có phái một đoàn người thí-nghiệm, do Bác sĩ ELIE IVANOFF cầm đầu, đến rừng núi xứ TURKESTAN, để ở chung với loài khỉ cái. Kết quả là những con khỉ cái giao-cấu với người đều chết hết sau khi giao - cấu. Tiếp tục cuộc thí-nghiệm, Bác-sĩ Elie Ivanoff áp - dụng cuộc thụ-thai nhân-tạo của người truyền qua cho bọn khỉ-cái, thì kết-quả cũng không có thụ-thai được. Cuộc thí-nghiệm này đã được một Bác-sĩ Anh-quốc, ông HOWELL ENGLAND, trình bày:



ại Hội-nghị Khoa-học ở Mỹ, háng Janvier 1935, và có đăng trong báo *Le Temps*.

Sau hết, Giáo-sư LOUIS BOUNOURE, trong quyển sách của ông: « *Déterminisme et finalité* » (nhà xuất bản Flammarion), phân-tách trường hợp quái-thai của cô gái B... sinh tại nhà Bảo sanh Vichy ngày 6-1-1897, trước mặt Bác sĩ A.THERRE, có kết-luận như sau đây: « Thí-dụ cô ả kia có giao-hợp với con khỉ của cô chẳng nữa, và cô thụ-thai thì

nhất-định cái quái-thai kia hoàn-toàn do cô quá trông trọng mà thành, chứ không phải vì sự giao-hợp ấy mà thành. » Nghĩa là con khỉ đột kia hoàn toàn không phải là cha của cái quái-thai.

— Như thế thì chuyện cô gái 14 tuổi ở Cà-mau, hoàn toàn là chuyện bịa đặt chứ gì, hả minh?

— Hoàn-toàn bịa-đặt vì giá-sử cô ấy đã bị con khỉ đột bắt về hang làm vợ thật đi nữa, và giá-sử cô ấy bị ám-ảnh mà thụ-thai thật đi nữa, thì cô cũng chỉ



sinh ra một quái-thai mà thôi, quái thai ấy sẽ chết liền, chứ không thể nào thành người, hay khỉ, và sống được.

— Thật là chuyện... khỉ!

Ông Tú ngó đồng-hồ mới 2 giờ, ông không muốn nói nữa, nắm quây mặt vào tròng, ngủ lại. Một phút sau, bà Tú đã nghe

ông ngáy khô khô. Bà khẽ đặt một nụ hôn trên má ông, rồi nhẹ nhàng đứng dậy xuống bếp nấu một sơn chè đậu xanh, để chốc nữa chàng thức dậy ăn cho mát dạ...

Vâng, tuy bà hay phá giấc ngủ của chồng, nhưng bà Tú cũng ông Tú hơn tất cả trên đời.

### \* CAN-ĐẢM CỦA ÔNG CHA.

Ba của Méo và Méo đi xem đá banh tại sân Tao-Đàn (Sài-gòn) thỉnh linh quả banh rơi vào khán-giả. Thằng Méo liền hụp xuống tránh thì ba nó ngồi ngay ở phía sau « lãnh đủ » vào mặt.

Tức giận, ông liền cho thằng Méo 2 tát tai và mắng rằng :

— Tao đánh mày như vậy để sau mày đừng còn nhút nhát nữa. Việc gì thấy trái banh mà cũng sợ, tránh mặt đi ?

# ẢNH ĐÈN

DỊCH RA VIỆT-VĂN  
VI - HUYỀN-ĐẮC



TIỂU THUYẾT TRUNG-HOÀ  
c ủa T Ừ - V U

(Xem P. T. từ số 2)

## VI



ÉU quả tình, cái mục đích của các cuộc thăm-vấn, là cốt để cho kẻ phạm-tội cung-chiêu, thì rõ ràng là quan-niệm của họ thiệt sai lầm !

Tôi hồi tưởng lại tường-tận, những cuộc thăm-vấn vừa qua, tôi thấy họ vô cùng ngu-xuẩn. Hình như, bắt đầu, họ có cái thành-kiến là tôi đây, nhất-định phải là một người phi-thường, một thứ anh-hùng, cho nên, đầu tôi có sẵn-sàng đề cung-chiêu, tôi cũng không thể nào nói lên được, vì họ có đề cho tôi nói đâu. Thứ nữa, họ cứ cho là mỗi lời thốt ra của tôi, đều là giả-dối cả. Thế rồi, họ làm cho tôi quá kinh-hoảng, thành thử ra, tôi luôn luôn mất hết cả lý-trí. Mà, thật-tình, xác việc đại-khái tôi nhớ rõ hết đầu đuôi, nhưng ngẫu-nhiên tôi nói khác đi, chỉ vì hoang-sợ. Sau cùng, đối với những điều tôi khai bậy, họ lại cho đó là một cách quý-quyết của tôi để che-đậy, để biến-trá. Thế rồi, sự đa-nghi đưa

họ tới chỗ họ muốn tìm ra sự-thật ở những điều toàn-thị là không tưởng cả. Rút cục, tôi không còn làm sao cung khai cho họ rõ những điều mà chính họ, đương tìm hiểu và muốn biết !

Đến bữa thứ hai, tôi lại bị điệu ra đề hình-thâm. Tôi cứ đinh-ninh trong bụng rằng, lần này, tôi sẽ cố cung-chiêu đi, cho xong chuyện, rồi nó muốn ra sao, thì ra ! Nhưng, trong khi tôi bị tra - tấn, khảo-đá, thì không còn có đủ tâm-trí để nói những điều tôi muốn nói. Và, sau khi thụ-hình, tôi không còn có một tí khí-lực nào, để cung-nhận nữa.

Tất cả những thứ tra-khảo mà tôi đã trải qua, nó rất đòi là phức-tạp, tôi muốn kể ra, cũng không sao kể xiết được. Tuy nhiên, tôi còn nhớ được rõ ba thứ độc hình.

Cái loại hình-cụ thứ nhất, là một thứ ống bằng sắt. Họ đem nó áp vào đỉnh đầu tôi, rồi họ dùng một cái thanh gỗ, đánh vào cái ống đó.

Họ đập như vậy, chừng hai, ba chục cái, rồi họ hỏi tôi, có nói hay không ?

Tôi đáp: — Có, tôi nguyện ý khai. Nhưng khổ thay! Lúc tôi định nói, thì ở trong buồng u-ám, bỗng, hai luồng ánh-sáng đèn, đã vụt bật lên một cách cường-liệt, không lời nào tả nổi. Thế là, lập tức tôi bị tối tâm cả mấy mặt, và đâm hôn-mê bất-tĩnh.

Họ cho như vậy là tôi giả vờ, để cố ý không cung khai. Ấy thế là, họ lại đập liên-hồi, vào cái ống sắt.

Tôi cũng chẳng còn nhớ, tôi bị hôn-mê bất-tĩnh trong bao nhiêu lâu, hoặc, tôi đã bị mê đi rồi tỉnh lại, tỉnh lại rồi lại mê đi, chẳng rõ mấy mươi lần! Nói tóm lại, khi họ nhắc cái ống sắt ác-nghiệt đó ra, thì hai mắt tôi bị ánh sáng của hai ngọn đèn cường-liệt đập thẳng vào đồng-tử, nó làm cho mắt tôi hoa đi, hoa đi cho tới mức, tôi chẳng còn trông thấy rõ một cái gì ở chung quanh tôi. Còn hai tai tôi, cứ vang-vang lên những tiếng ống sắt rung chuyển, nó làm cho óc tôi mê-sang, không còn nghe rõ một thanh-âm nào nữa.

Hình như họ đã bỏ tôi đó và họ đi ra hết, sau khi tắt phụt đèn đi. Tôi ngồi lặng thinh ở trong đến tối.

Mãi nửa giờ sau, đèn lại bật lên. Và tiếp đến là độc-hình thứ hai.

Họ đặt tôi nằm dài ra, rồi cho vào lỗ mũi tôi một thứ nước, nó cứ tuôn vào, tuôn vào mãi-mãi như không ngừng nữa. Tôi không rõ, một sinh-vật khi bị đau-đớn; thì cái hạn-độ ra sao, chứ riêng

tôi, tôi thấy, sự đau-đớn ở thể xác, chỉ tới cái mực, mà ở đó, tôi ngất đi, không còn lý-trí nữa. Ở tình-trạng ấy mà họ hỏi tôi, thì tôi còn biết gì nữa, vì tôi, cũng không biết tôi có còn sống, hay tôi đã chết rồi. Lúc ấy, cái tên La-hình-Lụy mà họ nhắc đi, nhắc lại bên tai tôi, để tôi trả lời họ, hẳn ở đâu; tôi có cái cảm-gác là La-hình-Lụy, hiện-thời, là một kẻ mà tôi quen biết tự ở kiếp nào ấy. Thế là họ lại cho là tôi ra gan, quật-cường, để cố-tình không cung-khai.

Cái độc hình thứ ba, là họ lột quần áo tôi ra, rồi lấy một thứ roi làm bằng toàn lông đuôi ngựa, mà quật vào dương-vật của tôi. Tôi đau đớn đến độ gào thét thất-thanh đi, và sau cùng, mồm tôi hộc máu ra. Tôi vừa hộc máu ra, thì hai ánh đèn lại rơi vào mắt tôi. Ánh đèn đó sáng trắng ra, như mặt trời chiếu thẳng xuống một cánh đồng tuyết vậy. Tôi mê đi và thấy như thân thể tôi bị tan rã ra, rồi, tôi lại bất-tĩnh nhân-sự, không còn biết một tý gì nữa.

Một hồi lâu sau, tôi tỉnh lại, do tiếng sập của cánh cửa sắt. Lúc đó, tôi mới rõ, người ta đã khiêng tôi về buồng giam. Tôi ước-lượng, giờ này, người ta đã cho mang cơm, nước, vào cho tù-nhân, nhưng, tôi không trông thấy mấy chiếc thùng kẽm mọi ngày. Rồi, có hai người Trung-hoa, lấy chân đá vào tôi để đánh thức tôi dậy.

Tôi biết ngay là số phận của tôi sắp sửa kết-liếu đến nơi | Lập-tức, tôi nhớ tới cái liều thuốc độc, tôi ngoái nhìn, thì cái anh chàng chủ-nhân-ông liều thuốc, vẫn còn nằm ở kia, nhưng, tôi không biết làm thế nào, để hỏi hắn mà lấy cho được. Trong khi đương phân-vân, thì họ đã nắm cổ áo tôi, lôi tôi dậy và điệu tôi ra khỏi phòng giam.

Quả tình, tôi chẳng phải là một vị anh-hùng chí-sĩ, tôi tự nhận thấy tôi không có một tâm-hồn cao-quý, hoặc một lòng tin tưởng gì ráo, ấy thế mà, rồi đây, tôi sẽ được-người ta giết tôi đi, như giết một kẻ anh-hùng chí-sĩ vậy. Ngẫm-nghĩ như vậy, tôi thấy tức cười cho cái số kiếp kỳ-quái của tôi!

Người ta điệu tôi ra ngoài, rồi đưa tôi đi theo một cái hành-lang dài thăm-thẳm, đi mãi mới tới những bậc thềm. Qua bậc thềm, tiếp tới một cái viện-lạc to, rộng; ở cửa viện lạc đã chực sẵn một chiếc xe hơi khá lịch-sự. Tôi bị đưa lên ngồi trên xe. Xe chạy ra lối cửa lớn, và đi theo đường phố. Thoạt đầu tiên, tôi tưởng, người ta đem tôi đi hành-quyết, nhưng, hiện-thời, tôi nhận ra, không phải thế. Tuy nhiên, tôi cũng chẳng muốn hỏi những người áp-diệu tôi.

Mãi sau, tôi thấy, người ta đưa tôi đến một y-viện. Ở đấy, y-sinh đã khám xét tôi rất kỹ-càng. Tôi đã tưởng có lẽ người ta sắp trả lại tự-do cho tôi, tôi ngờ-ý muốn

dùng giấy nói, báo tin cho người nhà tôi rõ, nhưng các hộ-sĩ không cho.

Năm hôm sau, vào buổi sáng sớm, một vị quan-quản Nhật, tự-xưng là Chiêu-tín-nhuận-thứ-lang, đến thăm tôi. Người đó ngồi ghé xuống bên thành giường của tôi và bảo tôi, bằng tiếng quan-thoại, nói một cách cực-kỳ lưu-loát:

— Chắc anh phải lấy làm lạ lắm đấy nhỉ?

— Vâng.

— Anh không biết tôi, chứ tôi thì quen biết anh đã từ lâu....

— À! Đó!

— Phải, tuy lần này, là lần đầu tiên tôi gặp mặt anh, nhưng tôi đã biết anh, trên những tác-phẩm của anh.

— Thiệt là hân-hạnh cho tôi. Nhưng, thưa tôn-ông, việc này có liên-quan gì tới tôi không kia ạ?

— Có chứ. Tôi là một độc-giả trung-thành của anh, tôi thiết-tưởng như vậy, chúng ta có thể trở thành một đôi bạn tâm đũa.

— Cái đó lại cũng là một vinh-dự cho tôi, nhưng thưa tôn-ông, nếu tôn-ông muốn hỏi tôi, La-Hình-Lụy, hiện ở đâu, thì thật là tôi chẳng rõ một tí, một li gì, về tung-tích người đó.

Trong thâm-tâm tôi, tôi sắp định nhân dịp này, cứ g chiêu quách đi, cho xong chuyện, nhưng, hình như, đối-phương không giới-ý tới điều đó, vì hẳn bảo tôi:



— Họ giao anh cho tôi, tôi phải giữ anh, cho tới khi nào, anh chịu cung khai với tôi, những điều họ cần biết.

— Nhưng, thưa thế, tôi có được tự do, đi lại hay không ?

— À, không, không, anh sẽ ở nhà tôi, rồi anh xem, anh sẽ rõ, tôi có phải là một người, biết thế nào là xử-thế nghi-tắc. Nhưng, tôi xin nói trước, nếu anh tự-tiện trốn đi, thì, thưa anh, lúc ấy, tôi sẽ trở thành vô-lực, đầu rằng tôi yêu-quý anh, trăm phần.

— Thưa, thế.....

— Anh hãy ở đây tĩnh-dưỡng thêm ba hôm nữa, vì y-sinh nói, ba hôm nữa, anh sẽ bình - phục hẳn. Trong khi ấy, tôi sẽ cho thu dọn một căn phòng tại nhà tôi, để anh tạm làm một quý-tân của tôi.

Nói đoạn, người đó đứng lên và vội-vã, cáo-từ tôi.

Ba hôm sau, lúc thượng ngọ, Chiêu - tín - nhuệ - thứ-lang, quá-nhiên đến đón tôi. Tôi cùng hẳn ngồi trên một chiếc xe hơi cực-kỳ lộng-lẫy, để về nhà hẳn.

Hẳn ở một ngôi nhà kiểu âu-fây, ở đường Ngu-vi. Ngoài cánh cửa sắt, có hai tên lính gác; phía trong là vườn hoa.

Xe hơi tiến thẳng vào trong vườn. Sau khi xuống xe, chúng tôi bước lên mấy bậc thềm, để đi vào một phòng khách khá rộng. Phòng này có thể chứa nổi ba,

(tiếp trang sau)

### Một tin mừng cho giới bệnh nhân chích PÉNICILLINE

Có một lúc giới Bác sĩ xứ này đã từ chối không chích Pénicilline cho con bệnh. Lê tức nhiên anh chị em Y-Tá đã chịu thiệt thòi rất nhiều khi. . . . . ngán Pénicilline như cơm nếp. Tội nghiệp nhất là bệnh nhân thối thân trai tử chiến đã gần rụng rụng nước mắt khi thấy phong trào ngán chích thuốc trụ sinh này càng gia tăng mãnh liệt.

Nhưng gần đây, được cuộc vừa cho ra những mẫu thuốc CHLOR-TRIMÉTON mà trong hồ cáo nói rằng có thể trừ những phản ứng do thuốc Pénicilline gây nên.

Một Bác sĩ ở Sài Gòn đã tự thử thuốc và chính ông nếu không có Chlor-triméton chắc phải ngắt nư rồi sau khi chích Pénicilline.

Và theo lời Bác sĩ đã tự mình thử thuốc ấy cho biết thì :

Chlor-triméton chích pha chung với Pénicilline sẽ thấy dễ chịu, không bao giờ ngứa ngáy như lúc chích riêng.

Lại có một Bác sĩ chích cho bệnh nhân một ống Pénicilline 500,000. Khi mũi kim vừa rút khỏi mình, bệnh nhân bị phản ứng dữ dội. Bác sĩ tiêm tiếp theo cho bệnh nhân một mũi Chlor-triméton, phản ứng ấy chấm dứt tức thì.

★

Như thế CHLOR-TRIMÉTON là thứ thuốc có thể trừ mọi phản ứng do PÉNICILLINE gây nên. Chắc hẳn tin này sẽ làm cho bệnh nhân. . . . . tử chiến và giới y-tá chích dạo sẽ thờ được một hơi dài khoan khoái.

NGUYỄN-ANG-CA

bốn chục tân khách và được bày biện một cách cực-kỳ hoa-lệ; về phía hữu, có một bức cửa sổ lát kính, hai cánh mở toang, trông ra một cái dương đài.

Một gã bộc-dịch đưa tôi lên chiếc phòng mà tôi đoán, họ đã dành cho tôi. Buồng rất sáng-sủa, có cửa sổ trông ra mấy gốc hòe. Tôi ngồi xuống cái ghế đề ở bên cửa, khá lâu. Sau, tên bộc - dịch lên hỏi tôi, có muốn đi tắm rửa không ? Nhân, tôi chẳng có áo quần để thay, nên tôi chối từ. Tiếp đó, Chiêu - tín - nhuệ - thứ-lang bước vào. Hẳn đã bỏ bình phục và mang trên mình bộ kimono rộng thênh - thang, hẳn cầm trong tay một chiếc phong bì. Vừa đưa phong-bì cho tôi, hẳn vừa nói :

— Thế-tất, anh phải có một hai thức cần yếu, vậy, tiền đây, anh cứ bảo bộc-dịch nó đi mua cho anh.

— Thưa, liệu tôi có thể nhờ bộc dịch tới chỗ ngụ của tôi, lấy ít áo quần, để thay đổi, được không ?

— Được lắm. Anh cứ biên mấy chữ cho người nhà mà lấy, nhưng, tôi xin anh, tuyệt-nhiên, anh đừng có nói chuyện chi khác, mà chỉ

nói qua rằng, hiện nay, anh đương ở bộ tư-lệnh, và báo họ chờ có quan tâm. À mà, anh nên cho lấy quần áo cho đủ mặc đấy. Tôi sẽ ra lệnh cho tài-xe xe, đi cho khỏi mất thì giờ.

— Thưa, nếu tôi không làm, tôi ám-hiệu, có lẽ, tôn ông sẽ giữ tôi ở đây trong một thời-gian khá dài, thì phải ?

— Đúng thế. Tôi có hy-vọng, anh sẽ vui vẻ ở đây với tôi, lâu-lâu.

Hẳn nói xong, liền đứng lên, nhìn quanh phòng một lượt, và nói tiếp :

— Thôi, anh hãy đi biên thư đi, rồi sau đó, chúng ta sẽ đi ăn cơm.

(còn liếp).

### ĐÍNH CHÍNH

Chúng tôi xin đính chính đề quý bạn đọc rõ :

Ông Hải-Phương cộng tác với Phò-Thông tạp chí hiện là một sinh viên năm thứ hai trường Luật khoa đại học chứ không phải là : Ông Hải-Phương Số 211 Trần-Binh-Trọng Chợ-lớn.

P. T. T. C.

### ★ HẾT BIẾT TRẢ LỜI

Má thẳng Méo rầy nó vì nó đánh thẳng Xẹo em nó :

— Khi con ăn hiệp mẹ: đứa nhỏ hơn con, con có biết xấu-hỗ không ?

Thẳng Méo nin-thình, một chập sau hỏi :

— Vậy sao má lớn mà má ăn hiệp con ?



\* **ĐỜI PHI CÔNG** của Toàn Phong.  
(Tô-Như xuất bản)

Đây là những bức thư tâm-sự gửi cho một bạn gái ở quê nhà do một sinh viên phi-công Việt-Nam trong 3 năm tập sự ở Pháp và Ma-Rốc. Lời nói văn-hoa, nhẹ-nhàng, pho diễn những cảnh sống từng bừng náo nhiệt bên trời Âu thơ-mộng, những đêm trăng sáng dịu-dàng trên giải Bắc-Phi với những đồi núi chập chùng cùng tuyết sương buốt giá. Tác giả đã nói được những niềm rung cảm thành thật của những cuộc phiêu-lưu hồi hộp trên mây gió bao la. Ngôi bút duyên-dáng của ông Toàn-Phong hiện nay là Trung tá Nguyễn xuân Vinh, tư lệnh Không-quân Cộng-hòa Việt-Nam, đã hấp dẫn được rất nhiều người đọc. Trình bày đẹp — 179 trang — giá 35\$

\* **VĂN-HỌC TẠP CHÍ**  
Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút Á-Nam **TRẦN-TUẤN-KHAI**

Tạp-chí nguyệt-san. Cơ quan sưu tầm, nghiên-cứu văn-chương, học thuật, với nhiều cây bút già-dạn, và các bài bổ ích cho thể đạo nhân tâm, mục đích xây đắp nền quốc học tương-lai.

Thành thực chúc quý đồng nghiệp được mạnh tiến trên đường phụng sự văn-hóa nước nhà.

\* **ĐỀ HIỆU ĐẠO PHẬT** của Phương-Bổ.  
(Tác giả xuất bản)

Một quyền luận thuyết về Phật giáo, gây cho tâm-hồn người đọc những nhận thức khái quát về Phật học, một môn học bao la không bờ bến — Sách dày 100 trang — Giá 30\$.

\* **BẾN NGÂN HÀ** của Lê-văn-Tất.

(Không đề tên nhà xuất bản)

Một tập kịch thơ thần-thoại. Kể lại chuyện một mối tình vụng trộm của Tiên-nữ Quỳnh-Giao và chàng Lưu-Nhai. Bởi phạm luật Thiên đình nên cả hai bị đày xuống trần gian, kẻ chân trời, người góc bể. Nhưng rồi họ cũng được đoàn-tụ nhờ sự giúp sức của các con thơ, chim và bướm.

Tuy cốt chuyện giản dị, đơn-sơ, song đối với một thi nhân tàn phế như ông Lê văn Tất đó là một cố gắng rất đáng khuyến-khích vậy.

\* **ĐIỀN-TÍCH DẪN-GIẢI** của Từ-Phát.

(Nhà xuất bản Thanh Quang ấn hành)

Một quyền sách sưu-tầm những điển-tích trong thời xuân thu, chiến quốc. Giúp cho ta hiểu rõ-ràng những điển-tích thường gặp khi đọc sách, truyện như là về cổ văn. Dưới những bài lại có lời phê bình, nhận xét xác đáng của soạn giả, ngoài những điển tích lại có những bài giải tri lãnh-mạnh; lý thú. Biên soạn rất công phu — dày 236 trang — Giá 42\$.

*Kính Quý Phật-Tử*

Muốn nghiên-cứu chơn lý cao-thâm của Phật Giáo,  
Muốn học tập đúng đường lối của Phật dạy,  
Mu biết tin-tức Phật-giáo nước nhà và thế-giới.

Hãy xem

**Liên-Hoa Nguyệt-San**

**Chủ nhiệm : Thượng-tọa THÍCH ĐÔN-HẬU**

với sự cộng-tác của quý Tăng-sĩ du-học tại hải-ngoại : Nhật, Ấn, Pháp, Anh và một số giảng-sư, cư-sĩ thâm hiểu Phật-Pháp ở Trung phần.



Có phát-hành tại chùa Xá-lợi, chùa Ấn-quang Sài-gòn, và các chùa Phật-giáo cùng các nhà sách lớn khắp các tỉnh miền Trung.

Thư từ xin gửi về :

**Tổng thư-ký : Thầy THÍCH-ĐỨC-TÂM**

số 25, đường Tô-hiến-Thành

Chùa Diệu-Đế — HUẾ



# Chuyện Vui của các em

của cô  
★ Bạch-yên

## TÌNH MẪU TỬ

của cô BẠCH YÊN



MỘT buổi trưa hè, nắng gay gắt, gió thổi hiu hiu, Bé Sơn cùng các bạn đang vui về nó đùa dưới gốc một cây bàng rậm mát.

Trên cành một con sáo mẹ đang đập cho con bay. Con vật bé nhỏ nhìn trời rộng mênh mông rồi đâm ra rụt-rè sợ hãi, mẹ nó miêng ngậm mỗi bay từ cành này sang cành khác nhanh nhẹn như để thúc giục đứa con thơ. Sáo con vùng lòng cất cánh lao mình theo mẹ, nhưng nó bay vụng về, chân bị vướng vào một chùm lá sum-sê, bị mất thăng bằng nó lảo đảo rớt xuống bên cạnh Sơn. Đứa bé mừng rỡ chạy lại chụp lấy con vật, mẹ nó hoảng hốt bay xót trên đầu

Bé Sơn, miêng kêu thảm-thiết như van lơn cầu khẩn buông tha cho đứa con yêu quý. Sơn chạy vội về nhà đem khoe với mẹ. Lòng nó láng mượt, thân mình tròn-trịa mũm-mĩm, mắt tròn-xoe nhìn ngơ ngác. Bé Sơn cảm thấy thương nó ngay. Sơn xin Ba sắm cho con sáo một chiếc lồng thật đẹp để cho sáo ở, em đem lồng treo lủng-lẳng trên cành cây ổi trước nhà, Hằng ngày Bé Sơn đều chăm sóc sáo thật chu đáo. Mỗi khi đi học về Bé Sơn đều không ngại nắng mưa, chạy vội ra đồng bắt cào cào, châu chấu hoặc lượm lúa thóc về cho sáo ăn, song Sáo không mần đến những món ngon vật lạ, từ sáng đến chiều sáo chỉ đứng thiam thiep trong lồng, đưa

đôi mắt thắm - sàu nhìn lơ đãng ngoài trời mây cao rộng. Thấy sáo buồn Bé Sơn cũng không vui. Nếu cứ để mãi như thế thì sáo sẽ mòn-mỏi mà chết đi. Bé Sơn lo sợ bắt sáo ốm vào lòng và đút cho sáo ăn. Nhưng nó vẫn thờ ơ trước tấm lòng tha thiết của cậu tiểu chủ. Thấy thế Bé Sơn an-ủi vỗ-về nó :

— Cung ơi ! cung hãy ráng ăn một tí cho Sơn vui đi cung.

Đôi mắt sáo vẫn buồn bã ngó Sơn, như âm thầm oán trách. Sơn lại tha-thiết ân-cần :

— Sáo giận Sơn rồi ư ? tại sao không biết chứ Sơn cưng sáo lắm cơ.

Sáo vẫn cứ lơ đãng, lạnh lùng trước những lời nói ngây ngô và chân thành của Cậu Bé. Hết lời dịu ngọt Sơn đâm ra giận hờn :

— Được rồi, tao sẽ bỏ mày đói cho mày biết !

Nói xong Sơn cầm Sáo ném mạnh vào lồng rồi xách bỏ vào trong căn buồng tối.

Vài hôm sau mẹ Sơn lâm bệnh nặng phải lên tỉnh để điều trị gấp, Bé Sơn ở nhà mặc dầu còn cha ăn cần săn sóc, song Bé Sơn cảm thấy buồn-bã biếng ăn, biếng ngủ, nó nhớ mẹ vô cùng, lúc này hơn bao giờ hết, Bé Sơn cần phải sống bên mình mẹ, để được mẹ chăm nom săn-sóc và an-ủi nó trong lúc buồn giận. Bé Sơn nhớ đến con sáo đáng thương kia, vội chạy vào buồng



xách lồng ra xem thì than ôi con vật đáng thương kia chỉ còn một cái xác cứng đờ. Lúc bấy giờ anh của Bé Sơn có kể lại cho nó nghe rằng, sáng nào cũng vậy, khi Sơn đi học, ở nhà sáo mẹ vẫn cứ bay lượn vờ văm quanh lồng con miêng kêu thảm thiết, trong lồng sáo con thấy mẹ nó kêu lên áo não rồi nó vẫy vùng, đập cánh lia-lịa như muốn cố thoát ra chiếc lồng quái ác kia. Sáo mẹ hình như không muốn chứng kiến cảnh đau lòng ấy nên vụt bay đi để rồi sáng hôm sau lại quay về, sáo con lúc ấy lơ-đờ, ủ-rủ không thiết ăn uống nữa.

Bé Sơn nghe rồi nó cảm xúc quá, đôi dòng lệ từ từ rơi trên đôi gò má thơ ngây. Đến hôm nay Bé Sơn mới cảm thông được tình mẫu tử của con sáo. Nếu nó hay được cảnh ấy sớm hơn thì có lẽ giờ đây con sáo đáng thương kia đã được trở về với mẹ, sống trong chiếc tổ ấm khi xưa !



## Buồn ối, Chào Mi!

### BẠN ĐỌC THẦN MẸN

Để rút ngắn câu chuyện, tôi chỉ dịch tóm-lắt những đoạn chính của cốt truyện, và bỏ bớt những đoạn mà tôi xét thấy không cần thiết lắm. Xin bạn hiểu cho.

### DIỆU HUYỀN

(Xem từ P. T. số 1)

Tôi nghiệp Tuấn-Sinh, lúc đầu chàng hơi kinh-ngạc nhận thấy có sự thay đổi nội-bộ trong gia đình chúng tôi, nhưng khi biết được kết-cuộc hợp-pháp như thế (việc Ba tôi quyết định cưới Ánh-Lệ) thì chàng vui mừng lắm. Chàng và tôi chèo thuyền ra biển. Chúng tôi tha hồ hôn hít nhau những lúc thềm muốn và thỉnh thoảng khi chàng đè áp

miệng chàng trên miệng tôi, tôi lại mừng rỡ thấy nét mặt của Ánh-Lệ, nét mặt uê-oải mà sung-sướng mỗi buổi sớm mai, cứ chỉ một nhọc mà khoái-trá thoả mãn của tình yêu, thì tôi lại thềm thường được yêu như nàng. Tuấn-Sinh và tôi hôn nhau đã đời, đến mỗi-một, và chắc chắn nếu chàng yêu tôi ít hơn thì tôi đã hiến thân tôi cho chàng trong tuần lễ ấy rồi.

Sáu giờ, chúng tôi từ mấy cù-

lao chèo thuyền trở về, Tuấn-Sinh kéo thuyền lên bãi cát. Chúng tôi đi vào rừng thông để về nhà, và để được ấm-áp chúng tôi bày ra trò chơi cút bắt của người da đỏ, và chạy đuổi nhau. Thường thường chàng chụp bắt được tôi trước khi tôi nhà, để tôi xuống và kêu mừng thắng trận, ôm ghi lấy tôi nằm lăn trên những cọng lá thông rụng, chận hai tay hai chân của tôi, và hôn tôi. Tôi còn nhớ mùi-vị của những nụ hôn i-ach vội vàng ấy, không hiệu quả lắm, và tiếng trái tim của chàng đập lên tim tôi, đánh xào xạc như tiếng sóng đánh lên bãi cát vậy. Một, hai, ba, bốn tiếng tim đập và tiếng sóng nhẹ nhàng trên cát cũng một, hai, ba... rồi một: chàng thở ra để lấy lại sức, rồi hôn tôi càng mùi hơn, càng mê hơn, tôi không còn nghe tiếng sóng biển nữa mà chỉ nghe bưng-bưng ở trong tai tiếng mạch máu của tôi rào-rạt... liên-miên...

Một buổi chiều Ánh-Lệ lên tiếng làm cho chúng tôi phải buông nhau ra. Chiều hôm ấy, Tuấn-Sinh nằm ôm sát lấy tôi, trong ánh hoàng-hôn vừa đỏ rực vừa tối nhá-nhem hai đứa tôi gần như trần-trụi, và tôi hiểu tại vì vậy nên Ánh-Lệ tưởng lầm. Nàng trông thấy liền kêu tên tôi với một giọng xẵng. Tuấn-Sinh vội vàng nhảy một nhảy, đứng dậy, dĩ-nhiên là mặc cố. Tôi thì thong thả ngồi dậy, vừa ngó Ánh-Lệ. Nàng quay nhìn Tuấn-Sinh, và

bảo chàng với giọng dịu dàng như thể không trông thấy chàng:

— Tôi có ý định không muốn thấy mặt cậu nữa.

Tuấn-Sinh không trả lời. Chàng nghiêng mình hôn vai tôi, rồi lánh xa. Cử chỉ của chàng khiến tôi ngạc nhiên, khiến tôi cảm-động, như một lời thệ ước.

Ánh-Lệ dăm-dăm nhìn tôi, với bộ mặt nghiêm-trọng ấy, và khinh-bĩ, như nghi-ngờ một chuyện gì. Tôi thấy khó chịu. Tôi đến gần nàng, tôi giả-vờ như ngượng-ngịu, gọi là có lễ-phép với nàng đó thôi. Nàng lượm một cọng lá thông còn dính trên cổ tôi và nhìn tôi, tỏ vẻ khinh-khi, chề cười.

Nàng bảo:

— Cô phải biết rằng đùa bỡn như thế rồi có ngày sẽ vô năm nhà bảo-sanh đấy.

Tôi nhoen một nụ cười:

— Bà khỏi lo xa. Tôi chỉ ôm hôn Tuấn-Sinh thôi, chẳng có chuyện gì mà phải vào nhà Bảo-sanh.

Nàng tưởng tôi nói dối, nên bảo:

— Tôi xin cô từ nay đừng gặp cậu ấy nữa. Cô đừng có cãi tôi; cô mới mười bảy tuổi, và bây giờ tôi có trách-nhiệm đối với cô, tôi không để cho đời cô hư hỏng. Và lại từ nay cô sẽ có công việc làm buổi chiều.

Nàng quay lưng đi, và đi uê-oải lên nhà. Tôi sửng-sốt đứng yên một chỗ như bị trời trồng.

Buổi cơm tối không khác nào một ác-mộng. Đáng lẽ Ánh-Lệ phải dỗ tôi: «Tôi sẽ không mách với Ba cô chuyện gì đâu, nhưng cô phải hứa với tôi là cô phải lo chăm học.» Nhưng Ánh-Lệ không thêm bảo tôi như thế. Nàng không biết sắp đặt cho tôi như thế đâu. Cho đến khi ăn xong, nàng mới làm bộ sức nhớ lại chuyện kia và bảo với Ba tôi:

— Ánh-Lệ-Môn à, tôi mong rằng anh nên khuyên bảo một đôi lời cần thiết cho cô con gái của anh. Tôi đã bắt gặp cô ấy hồi chiều nay với Tuấn-Sinh trong rừng thông, và coi bộ hai người mù mẫn lắm đấy.

Ba tôi tưởng là câu chuyện đùa dỡn:

— Em bảo sao? Tại nó làm gì?

Tôi liền nói to lên:

— Con hôn anh ấy, mà Ánh-Lệ tưởng là...

Nàng cắt ngang:

— Tôi chẳng tưởng gì cả. Nhưng tôi nghĩ rằng cô không nên gặp cậu ấy nữa trong một thời-gian, và phải lo học ôn lại mấy bài triết-lý của cô.

Ba tôi bảo:

— Tội nghiệp con nhỏ! Dù sao, thằng Tuấn-Sinh cũng là một đứa con trai dễ thương chứ!

— Mộng-Linh cũng là đứa con gái dễ-thương vậy. Vì thế nên em lo sợ lỡ có tai họa gì xảy đến cho cô. Ở đây cô được hoàn-toàn tự-do, lúc nào cũng cặp-kề với cậu ấy và hai người chỉ chơi

đỡn suốt ngày, thì làm sao tránh khỏi chuyện không hay? Anh không thấy sao?

Nghe bà hỏi «Anh không thấy sao», tôi ngược mắt ngó Ba tôi, thấy ông cúi mặt xuống, có vẻ bực bội lắm. Ông bảo:

— Vàng, em nói phải. Mộng-Linh à, con cũng nên chăm lo việc học đôi chút. Chắc con không thích năm nay thì trượt phải học lại ban triết chứ?

Tôi trả lời vắn tắt:

— Học hay không học mà làm gì?

Ba tôi ngó tôi, rồi quay ngó chỗ khác liền. Tôi thẹn - thùng lắm. Ánh-Lệ đưa tay ngang qua bàn để nắm lấy bàn tay tôi:

— Nè, em, em chỉ đòi lột gái rừng đề trở lại lột nữ-sinh chăm chỉ trong một tháng thôi, có khó nhọc lắm sao?

Nàng ngó tôi. Ba tôi cũng tùm-tùm cười ngó tôi. Tôi khẽ rút bàn tay tôi ra, bảo:

— Vàng, khó-nhọc lắm ạ.

Tôi nói câu ấy nhỏ quá, có lẽ hai ông bà không nghe, hoặc là không muốn nghe.

Sáng hôm sau, tôi ngồi trước một trang triết-học của Bergson: Tôi đọc đi đọc lại hoài một câu, lúc đầu đọc khẽ, sau đọc lớn. Tôi lấy hai tay ôm đầu tôi, và ngó chòng-chọc vào câu ấy. Bảy giờ tôi mới hiểu nó, nhưng tôi không thể tiếp tục đọc nữa được, và bỗng dưng có một cái gì nổi dậy trong người tôi, như một

ngọn gió, quàng tôi xuống giường. Tôi nhớ Tuấn-Sinh đang chờ đợi tôi ngoài bãi cát vàng, tôi nhớ mùi-vị của những nụ hôn của chúng tôi, và tôi nghĩ đến Ánh-Lệ...

Cả một buổi chiều, tôi nghĩ đến Ánh-Lệ. Tôi đã khám-phá ra điều này: là chúng tôi, Ba tôi và tôi, đã bị Ánh-Lệ nắm trong tay. Tôi không quen suy-nghĩ nhiều: chỉ thêm cúi-kính mà thôi. Đến bữa ăn tối, như buổi ăn sáng, tôi không mở mồm. Ba tôi muốn nói đởn chơi:

— Tôi thích ở tuổi trẻ sự vui-vẻ của họ, câu chuyện trò của họ...

Tôi lờm Ba tôi...

Ánh-Lệ quây lại tôi:

— Sao em ủ-rủ thế? Nếu tại vì tôi bắt em phải học mà em giận, thì tôi rất ân-hận.

Tôi không trả lời. Xong bữa cơm. Ngoài hè, trong khung cửa-nhật sáng chói do ánh đèn trong phòng ăn dội ra cửa sổ, tôi thấy bàn tay của Ánh-Lệ, một bàn tay dài và linh động, đưa qua đưa lại, tìm bàn tay của Ba tôi. Tôi lại nhớ Tuấn-Sinh, tôi cũng mong muốn được chàng nắm lấy tay tôi, trên vĩa hè đầy tiếng ve kêu và đầy ánh trăng. Tôi cũng ao - ước được chàng môn-trơn an-ủi, vỗ về để tôi an lòng. Ba tôi và Ánh-Lệ yên lặng: họ đang có trước mặt một đêm ái-tình, còn tôi chỉ có nhà triết-học Bergson. Tôi muốn khóc, muốn than-thở số phận của tôi; không được. Tôi đã than-thở dùm cho số phận của Ánh-Lệ, hình như tôi đã nắm chắc rằng tôi sẽ thắng được nàng.

(Hết phần thứ nhất.)

Coi tiếp số sau: phần thứ hai)

## Đỉnh chính trong P. T. số 5

### Bài « Quan niệm Ái tình... »

« Đức thì có động từ « amare » (dòng 21 tr. 7) xin đọc lại là « Đức thì có động-từ « lieben », La tinh và Ý có động-từ « amare ».

« Đáy » (dòng 27 tr. 8) xin đọc lại là « Đã »

« the » (dòng 30 tr. 10) « their »

« ternes » (dòng 32, tr. 10) « turns »

### Bài « Đọc thơ của Boris PASTERNAK »

« Pasternak » (dòng chót, tr. 71) đọc là « Ca Pasternak »

« Cháy » (dòng 7, tr. 73) đọc là « chầy »

Và ngoài ra còn nhiều lỗi hỏi ngã khác, chắc độc-giả đã chữa hộ rồi.

P. T.



## BA TEO

(Xem Phê.Thông từ bộ mới số 2)

- 2333.— Giàu chi anh mà bữa ni  
chính với mai hầu,  
Chiều qua em đi ngang cửa ngõ  
thấy anh ăn bát canh bầu nhện com
- 2334.— Mấy bữa ni anh ăn phở  
với cao-lầu,  
Bữa ni anh ăn một bát canh bầu  
cho mát chừn răng.
- 2335.— Xa xôi còn gởi thư về,  
Hưởng chi đây đó không hề vãng  
thăm.
- 2336.— Một mình mình một bơ  
phở,  
Vịn cây cây ngã vịn bờ bờ xiêu.
- 2337.— Oi O nhỏ nhỏ bức cổ  
giữ trâu  
Bước qua năm nũa tui bung trâu  
cười O
- 2338.— Ai bung câu trâu đến đó  
chiệu khó bung về.
- Em đây còn theo chừn thầy góe  
mẹ cho trọn bề hiếu trung.
- 2339.— Canh một cho chi canh  
hai,  
Có ai vui thay như cá nước,  
Bạn xa nhau rồi bạn không nói  
trước cho em hay,  
Qua chuyển dò đây nhớ nghĩa  
đó thay,  
Hưởng chi đôi đũa mình ơn trang  
nghĩa trong ba bốn tháng rày  
nhớ thương.
- 2340.— Con chim nhỏ nhỏ cái  
mỏ hần vàng  
Hần đứng trước cửa lam-quan  
hần kêu hỏi bác lính khố vàng,  
Chờ có ham nơi giàu sang sắc mặt,  
Mả phụ-phàng duyên em.
- 2341.— Than rằng mit chín qua  
kêu

- Bắt than lên hái xuống lên  
mà ăn,  
2342.— Con chim đại-bàng bay  
ngang hòn núi bạc,  
Con cá ngư ông nòng nước  
ngoài khơi,  
Anh gặp em đây phân giải một  
đôi lời,  
Kêu một mai kia con cá về sông  
vịnh,  
Con chim nợ đời đời non cao.
- 2343.— Mai lan cúc trúc tu-hữu  
thanh-nhàn,  
Ngộ tình cờ cây ngọc gặp lá vàng  
có xứng không?
- 2344.— Xóm này có con cá mai  
thật đại thiên tình,  
Ai câu khôngặng đặng đề mình  
câu cho.
- 2345.— Cha Ngô mà lấy mẹ Ngô,  
Để ra con diếc con rô con trâu,  
Con diếc bắt ốc hái rau,  
Con rô một củi con trâu nấu com  
Trâu nấu rồi trâu lại đơm,  
Trâu ăn miếng chày cho thom  
miếng trâu.
- 2346.— Cau khô mà bỏ hộp-đồng,  
Mặt mi không xứng làm chổng  
tao mó.
- 2347.— Anh buồn có chốn thổ  
than,  
Em buồn như ngọn nhang tàn  
thấp khuya.
- 2348.— Mưa lâm thâm ướt đầm  
lá hẹ,  
Anh thương một người có mẹ  
không cha.
- 2349.— Mưa lâm thâm ướt đầm  
lá bi,  
Anh thương một người tuổi Tý  
hăm hai.
- 2350.— Dã đó buồn hẹ bàn hành,  
Vô ra chợ Cống thăm anh kéo  
buồn.  
2351.— Bạn ơi, oi bạn vô đây,  
Tội chi đừng sáng ngoài-đường,  
Sương sa đó xuống cảm thương  
hàn không ai nuôi.
- 2352.— Oi người áo ủ quần  
đương,  
Mu-soa lau mặt có thương hay  
không.
- 2353.— Xa xuôi đi nỏ tới nơi,  
Gởi thơ e lặn gởi lời e quên.
- 2354.— Em nói với anh như riu  
chém xuống đá như rạ chém  
xuống đất như mật rót vào  
chai,  
Nay chừ anh đã nghe ai,  
Bỏ em giữa chốn non đồi đã  
thăm chưa.
- 2355.— Đứng hòn chổng trông  
sang hòn yển,  
Lên tháp bà về viếng Sinh-trung.  
Giang - Sơn cầm-tú chấp chùng  
Vị ai sông Nhị núi Nùng phân lý.
- 2356.— Đi mô mà nỏ thấy về.  
Hay là ai bỏ bữa mê cho chàng.
- 2357.— Anh có thương tui thì  
thương cho chắc cho chắn,  
Có trực trực thì trực trực cho luôn,  
Đừng như con thổ nợ đứng đầu  
trường,  
Khi vui đỡ bóng khi buồn đỡ  
tràng,
- 2358.— Chim xa rừng còn thương  
cây nhớ cội,  
Người xa người tội lắm người ơi,  
Thà rằng không biết thì thôi.  
Biết rồi mỗi đũa mỗi nơi cũng  
buồn,
- 2359.— May mô may chút nũa  
em làm,  
Khoai khó xắt lát em trồng cao-  
ly-sâm bên Tàu.

2360.— Đêm đông lạnh ngắt như  
đông,  
Mượn ai cho mượn mượn chồng  
thì không,  
2361.— Đồng bàn đồ bát xướng  
hát đờn ca,  
Phong Hàn có gởi thơ ra,  
Tám giờ mười lăm phút lên ga  
đón chàng.  
2362.— Chiều qua ghé nón qua  
đình,  
Đình bao nhiêu ngói thương mình  
bấy nhiêu.  
2363.— Măng giang nấu cá  
ngạnh nguồn,  
Đến đây em phải bán buồn mua  
vui.  
2364.— Say mê cát bụi đó-thành,  
Quê-hương nở để tan tành sao  
anh?  
2365.— Ra đường thấy cánh  
hoa rơi,  
Hai tay nâng lấy, cũ người,  
mới ta.  
2366.— Dang tay đánh thiệp sao  
dành,  
Tấm rách ai vá, tấm lành ai may?  
236.— Anh đi anh nhớ quê nhà,  
Nhớ canh rau muống, nhớ cà  
dầm tương.  
2368.— Chim quyên nó đậu bụi  
riêng,  
Đâu bà con ruột không tiền cũng  
xa.

**MẠC-QUÂN-HUYỀN**  
(Tân-Châu)

\* của cô Phương Thảo  
2369.— Đầu giồng có cây duối,  
Cuối giồng có cây đa,

Ngõ ba đường cái có cây to-hồng.  
Con gái chưa chồng cái lòng  
hực-hở,  
Con trai chưa vợ ruột thất như  
tranh.  
Ngó lên mây trắng trời xanh,  
Ai ai cũng vậy ưng anh cho rồi.  
2370.— Trăng lu vì bởi cụm mây,  
Đốt ta trắc tử vì mai thiếu lời.  
2371.— Quạ đen lông kêu rặng  
ô-thuột,  
Em có chồng rồi vô phước anh  
thương.  
2372.— Lầu nào cao bằng lầu  
ông chánh  
Bánh nào trắng bằng bánh bò bông  
Điệu nào thương bằng điệu vợ  
chồng.  
Đêm nằm nghĩ lại nước mắt hồng  
tuông rơi.  
2373.— Giận chồng xách gói ra đi.  
Chồng theo năn nỉ từ-ti trở về.  
2374.— Con quạ đen lông xuống  
sông nó lấm l  
Chồng bận ở nhà khó lắm bậu ơi.  
2375.— Trăng lên khỏi núi khuất  
bụi chuối con trăng lờ.  
Tiếng em ở chợ sao khờ bán buôn.  
2376.— Sông sâu sào vắng khó dò.  
Muốn qua thăm bậu sợ dò không  
đưa.  
2377.— Anh về ngoài Huế lâu vô,  
Họa bức tranh đồ để lại cho em.  
2378.— Anh về ngoài Huế thất  
rẽ tay bèo,  
Gởi vô em bán đồ nghèo đói năm.  
2379.— Anh về bán đất cây đa,  
Bán cặp trâu già mới cưới được  
em.  
2380.— Con cá đối nằm trong  
cối đá.

Con chim đa đa đậu nhánh đa đa,  
Chồng gần không lấy để lấy  
chồng xa.  
Mai sau cha yếu mẹ già,  
Chén cơm đôi dĩa bộ kỷ trà ai  
dâng,  
2381.— Chim quyên ăn trái nhãn  
lồng,  
Lia thia quen chậu vợ chồng  
quen hơi.  
Áo giắt vai chạy dài xuống phố.  
Em có chồng rồi anh biết ngủ  
vời ai.  
2382.— Chim quyên húp mặt  
bóng qui  
Ba năm còn đợi hưởng gì một  
năm  
2383.— Hiu hiu gió thổi lá tre,  
Hai chị em gái đều nghe quê tình.  
Quê tình ngày nắng đêm mưa,  
Người thương thương trả người  
đưa đưa người.  
Gẫm trông thế sự nực cười,

Thấy con cá lội 2 người mượn  
câu.  
2384.— Trông ra bụi chuối lá te,  
Em nghe ai dụ đánh què duyên  
anh.  
2385.— Bìm bịp kêu nước lớn  
anh ơi!  
Buôn bán không lời chèo chống  
mỏ mè.  
2386.— Gió đưa ngọn cỏ phất phơ,  
Ngọn cỏ phơ phất,  
Nồi đồng sôi nồi đất cũng sôi,  
Đũa b p có đôi.  
Chia vô lẽ bạn.  
Mà anh sao dành đoạn bỏ em.  
2387.— Mổn ăn bông súng  
mắm kho,  
Thì vô Đồng tháp ăn cho đã thèm.  
2388.— Nghề xe đời lấy nghề đó,  
Sông sâu nước chảy tới mỏ  
từng xu.  
Chiều buồn gió thổi vi-vu.  
Thân tàn rũ liệt canh thu hít-hà.  
(Còn nữa)

**BỊNH SUYỄN**

★ Một năm qua, chúng tôi đã chữa cho rất nhiều người lành bằng cách cam-đoan trên mặt giấy tờ. Rất nhiều tờ ban khen đang treo tại nhà thuốc.

**BỊNH DƯƠNG-MAI**

★ Ai rui mắc chứng bệnh cực kỳ nguy hiểm này, yêu cầu đồng-bào đến, chúng tôi sẽ chữa dùm cho lành, khỏi tốn đồng xu nào hết.

Sau khi đã lành chỉ đèn ơn trên mặt báo chí là đủ.

**Y-sỹ NGUYỄN-VĂN-SANH**  
807, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo  
CHỢ-QUẦN — (Saigon)

# ĐÁP BẠN BÓN PHƯƠNG



★ Cô Nguyễn-Diễm — Huế.

Loại bài giới thiệu « Văn-nghệ sĩ thanh niên hiện đại » chúng tôi đã cho ngưng bắt đầu từ số 7 nên rất tiếc không thể làm vừa lòng cô được. Thành thực cảm ơn.

★ Bạn Nguyễn-công-Chánh — K. B. C. 4814

Xin Bạn gửi đến 36\$ bằng tem. Chúng tôi sẽ gửi đến bạn 3 số báo ấy.

★ Bạn Nguyễn-Quế — Sông Cầu.

Các bài vở của các bạn gửi đến nếu đăng được chúng tôi sẽ gửi tiền nhuận bút cho tác giả. Không có lệ trả lại bản thảo.

★ Ông Trần-Ngân — 189 Cường Đê — Hội An

Ông có thể gửi bài đến chúng tôi xem nếu có thể chúng tôi sẽ cho đăng. Thành thực cảm ơn Ông.

★ Bạn Ngọc-lan-Khanh.

Đã nhận được hai bài thơ « Cầm đề Phê-Thông » của bạn. Thành thực cảm ơn.

★ Ông Lê-văn Hoạt — 47 C Đinh bộ Lĩnh — Huế.

Bác sĩ Hoàng-mộng-Lương hiện ở 98 Võ-Tánh, Sài Gòn.

★ Em Sơn-Trúc — Sài Gòn.

Đã nhận được hai bài thơ của em, đang xem. Nếu có thể, em nên đem các truyện ngắn lại toà soạn để chúng tôi xem.

★ Bạn Nguyễn-như-Bang — 19 Hoàng-Diện — Đà-Nẵng.

Hoan nghênh ý kiến của bạn. Nếu có thể bạn nên gửi bài đến cho chúng tôi xem.

★ Một độc giả của Phở Thông — Saigon

Sở dĩ chúng tôi không lên tiếng trả lời cho tuần báo V. N. H. S vì chúng tôi thiết tưởng trong các bài xã thuyết đăng trong PHỞ-THÔNG đã trình bày rất đầy đủ lập trường của chúng tôi đối với vấn đề quốc-gia giáo-dục hiện tại.

★ Bạn-Ngô-thành-Long K. B. C. 4396.

Bạn xem lại Phở-Thông số 3, trang 84, mục « Diệu-Huyền trả lời » có giải đáp đầy đủ các câu hỏi trong số 2.

★ Một độc giả ở Bình-Định.

Chuyện ma có thể có thật, nhưng câu chuyện bị một đề và chất Lân tinh, là chuyện khoa-học, không phải chuyện ma,

★ Bạn Hoàn-Thiện — Đà-Nẵng.

Muốn dịch-truyện ngoại-quốc ra tiếng Việt phải xin phép tác-giả, hoặc hỏi nhà xuất bản. Mấy mẫu chuyện cười ngắn ngắn trong tất cả tạp chí, nhật báo, thì chỉ phỏng theo đó mà viết, không cần dịch.

★ Bạn Văn-An K.b.c. 3.047

Các hiệu thuốc tây đều có bán thứ thuốc ngủ, nhưng không nên dùng nhiều.

★ Bạn Hồ-công-Ân — Đề ngũ — Bồ Đề — Quảng Trị

Phở-Thông phát hành chậm vì vấn đề án loát. Chúng tôi sẽ cố gắng cho tạp-chí ra đúng kỳ.

★ Ông Bảo — Saigon

7 Kỳ quan của Thế-giới là :

1 — Mã của vua Mausole ở Halicarnasse (Cổ Hy-Lạp) do Hoàng-Hậu Artémise II xây dựng để thờ chồng.

2 — Kim-tự-tháp của vua Chéops, ở Ai-Cập.

3 — Hải-đăng của Hải-cảng Alexandrie (Ai-Cập).

4 — Trọng thần ở Rhodes (Hy-Lạp).

5 — Vườn treo của Sémiramis ở Babylone (Arabie).

6 — Trọng thần Zeus Olympien ở Hy-Lạp

7 — Đền thờ Artémis (Nữ-thần Diane) ở Ephèse.

Bảy kỳ quan này đã được mô tả trong một tập sách nhỏ của Văn-sĩ Hy-Lạp Philon, đời thượng cổ, tựa là *De Septem orbis miraculis*. Nhưng ngày nay thế giới văn-minh có nhiều kỳ quan hùng tráng mỹ lệ hơn 7 cảnh xưa kia.



Các bạn : Học-sinh, Quân nhân, Công,  
Tư chức hãy đón mua một tài-liệu  
học tập cần-thiết :

## HIẾU HỌC

TỰ LUYỆN THI TRUNG HỌC ĐỆ NHẤT CẤP

Xuất bản hằng tuần, giá 6 \$ 00

Gồm có các đặc điểm sau đây :

— Hướng dẫn Học-sinh về sáu môn căn bản:  
VIỆT-ANH PHÁP-TOÁN-LÝ-HÓA chuẩn bị kỳ thi  
Trung Học Đệ Nhất Cấp sắp đến (28-5-59) theo  
đúng chương trình của Bộ Quốc Gia Giáo Dục.

— Hướng dẫn quý bạn Công, Tư chức, Quân  
nhân, những bạn vì sinh kế, vì nghề-nghiệp bất  
buộc không thể đến nhà trường được, dùng tập  
sách **HIẾU HỌC** này để tự học và tự luyện thi.

— Sách do MỘT NHÓM GIÁO-SƯ biên soạn  
và do NHÀ XUẤT BẢN SỐNG MỚI 30, đường  
Phạm-ngũ-Lão Saigon ấn-hành.

